



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM  
PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOINT STOCK COMPANY



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2014**



TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG - THƯƠNG HIỆU TÍN NHIỆM



## MỤC LỤC

### THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

#### TỔNG QUAN VỀ PV GAS SOUTH

- 09 Thông tin khái quát
- 10 Lịch sử hình thành và phát triển
- 12 Những giải thưởng tiêu biểu
- 13 Lĩnh vực hoạt động và địa bàn kinh doanh
- 16 Một số sản phẩm chính
- 18 Năng lực kinh doanh
- 23 Vị thế Công ty
- 26 Mô hình hoạt động
- 27 Tổ chức và nhân sự
- 29 Giới thiệu Hội đồng quản trị
- 30 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 31 Giới thiệu Ban Giám đốc và Kế toán trưởng
- 32 Cơ cấu người lao động

#### TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

- 35 Tình hình sản xuất kinh doanh
- 36 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2014
- 37 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 38 Tình hình tài chính

#### BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

- 44 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 46 Báo cáo của Ban Giám đốc

#### KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2015

- 49 Kế hoạch kinh doanh năm 2015
- 51 Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2015

#### GIỚI THIỆU CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

- 53 Các Công ty có liên quan
- 57 Hệ thống phân phối

#### CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

- 59 Hoạt động của Hội đồng quản trị
- 63 Hoạt động của Ban Kiểm soát
- 64 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BKS, BGĐ
- 65 Thông tin cổ đông
- 67 Quản trị rủi ro

#### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2015

- 70 Mục tiêu - chiến lược
- 71 Kế hoạch phát triển dài hạn

#### PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 76 Trách nhiệm với nhà đầu tư
- 76 Trách nhiệm với người lao động
- 77 Trách nhiệm với xã hội
- 78 Trách nhiệm với môi trường
- 79 Hoạt động xã hội

#### BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2014

- 80 Báo cáo tài chính hợp nhất

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

- LPG:** Khí hóa lỏng (hay còn gọi là Gas)
- CNG:** Khí thiên nhiên nén
- Khí khô:** Sản phẩm khí thu được từ khí thiên nhiên hay khí đồng hành
- PVN:** Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
- PV Gas:** Tổng Công ty Khí Việt Nam
- PV Gas D:** Công ty Cổ phần phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
- PV Gas South:** Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam
- CNG VietNam:** Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
- VT-Gas:** Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam
- PV Gas SaiGon:** Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông
- PV Gas Cylinder:** Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh PV Gas South
- Giá CP:** Giá công bố hàng tháng của Công ty Aramco-Arập xêut
- ĐHCĐ:** Đại hội cổ đông
- ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT:** Hội đồng quản trị
- BKS:** Ban Kiểm soát
- BGĐ:** Ban Giám đốc
- GD:** Giám đốc
- PGĐ:** Phó Giám đốc
- CB-CNV:** Cán bộ công nhân viên

## THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Kính thưa Quý vị cổ đông, Quý vị khách hàng!

Năm 2014, tình hình triển khai kế hoạch SXKD của PV Gas South tiếp tục có những thuận lợi nhất định về nguồn hàng, vốn, hệ thống cơ sở vật chất, thương hiệu nhưng cũng gặp rất nhiều khó khăn như: Suy thoái kinh tế kéo dài, sản xuất đình trệ, nhu cầu LPG giảm, chỉ số hàng tồn kho tăng cao; Biến động giá CP không theo quy luật, giá CP giảm mạnh-giá CP tháng 12/2014 giảm 52% so với giá CP tháng 12/2013; Cạnh tranh gay gắt do các hãng kinh doanh LPG trên thị trường có chính sách hỗ trợ mạnh cho các đại lý, cửa hàng; Tình hình gian lận thương mại trong kinh doanh LPG vẫn tồn tại ở hầu hết các khu vực thị trường trong khi khung xử phạt vi phạm hiện nay không đủ mạnh; Giá dầu thế giới liên tục giảm mạnh đặc biệt là các tháng cuối năm; Giá khí CNG đầu vào tăng cao, các khách hàng chuyển sang sử dụng sản phẩm thay thế (Biomass, than đá...) với mức giá cạnh tranh hơn.

Với các thuận lợi và khó khăn như vậy, PV Gas South đã tập trung mọi nguồn lực, điều hành chủ động, linh hoạt và cùng với sự quyết tâm của tập thể cán bộ công nhân viên PV Gas South, các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đã được triển khai thực hiện quyết liệt và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, thực hiện đúng các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, cụ thể như sau:

- Sản lượng LPG đạt 236.893 tấn vượt 11,22%/KH
- Sản lượng CNG đạt 159 triệu m<sup>3</sup> vượt 14,67%/KH
- Tổng doanh thu đạt 7.657,77 tỷ đồng vượt 12,86%/KH
- Lợi nhuận trước thuế đạt 246,61 tỷ đồng vượt 26,92%/KH
- Lợi nhuận sau thuế đạt 191,5 tỷ đồng vượt 16,98%/KH
- Tỷ suất lợi nhuận/VĐL đạt 50,39%.



Ông Đỗ Tấn | Chủ tịch HĐQT PV Gas South

Năm 2015, dự báo tình hình kinh tế thế giới sẽ có sự phục hồi tích cực hơn song còn nhiều yếu tố rủi ro và chưa vững chắc, đặc biệt là sự biến động khó dự báo của giá dầu, giá CP thế giới. Đây là những yếu tố tiềm ẩn, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của PV Gas South. Với các kịch bản giá dầu khác nhau, PV Gas South đã xây dựng các kế hoạch SXKD, kế hoạch tài chính năm 2015 với mục tiêu đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả hoạt động. Nhiệm vụ chủ yếu và trọng tâm của PV Gas South năm 2015 và các năm tới:

**Thứ nhất là:** Vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả hệ thống kho chứa, trạm chiết, hạ tầng kinh doanh LPG, CNG; Cung cấp LPG, CNG liên tục và ổn định cho khách hàng.

**Thứ hai là:** Đối với hoạt động kinh doanh LPG: Giữ vững là đơn vị kinh doanh LPG dân dụng đứng đầu khu vực phía Nam. Củng cố và phát triển khu vực thị trường mang lại hiệu quả kinh doanh tốt, có lợi thế; Phát triển thị trường tiềm năng có cơ hội tăng dần hiệu quả kinh doanh. Đối với lĩnh vực CNG: Xây dựng mạng lưới tiêu thụ trên khắp cả nước; Đàm phán và đưa ra chính sách về giá linh động thuyết phục khách hàng chuyển đổi nhiên liệu sử dụng CNG; Đưa CNG vào sử dụng rộng rãi trong giao thông vận tải và sản xuất công nghiệp. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm LNG như là một dòng sản phẩm mới của Công ty.

**Thứ ba là:** Nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng.

**Thứ tư là:** Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện, mở rộng cơ sở vật chất, hạ tầng kinh doanh LPG, CNG đáp ứng yêu cầu của thị trường.

**Và cuối cùng là:** Xác định chính xác nhu cầu vốn từng thời kỳ, đảm bảo duy trì cấu trúc vốn phù hợp và có hiệu quả phục vụ cho các dự án đầu tư phát triển, đáp ứng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

Mặc dù vẫn còn đối diện với nhiều khó khăn trước mắt nhưng với chiến lược kinh doanh đúng đắn và nhất quán cũng như công tác điều hành doanh nghiệp luôn minh bạch và gắn liền lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của cổ đông; Sự quan tâm của Tập đoàn Dầu Khí Quốc gia Việt Nam và sự hỗ trợ kịp thời, hiệu quả của Công ty Mẹ - Tổng Công ty Khí Việt Nam, tôi hoàn toàn tin tưởng rằng PV Gas South sẽ tiếp tục bước những bước đi vững chắc, tiếp tục thể hiện bản lĩnh của mình vượt qua gian nan để làm nên nhiều thành công trong tương lai.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác bền chặt của khách hàng và các đối tác; Sự tin tưởng, tín nhiệm và ủng hộ của Quý cổ đông. Đặc biệt dành lời cảm ơn và sự khích lệ tới toàn thể CBCNV về những nỗ lực không mệt mỏi và đóng góp quan trọng cho sự thành công của PV Gas South trong năm qua, nỗ lực tạo dựng một thể đứng vững chắc cho Công ty trong ngày hôm nay, giữ vững vị trí là doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam, cho thương hiệu "PETROVIETNAM GAS".

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chào thân ái và thắng lợi!

**Chủ tịch HĐQT  
Đỗ Tấn**

## TỔNG QUAN VỀ PV GAS SOUTH

- ❖ Thông tin doanh nghiệp
- ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
- ❖ Những giải thưởng tiêu biểu
- ❖ Lĩnh vực hoạt động và địa bàn kinh doanh
- ❖ Một số sản phẩm chính
- ❖ Năng lực kinh doanh
- ❖ Vị thế của Công ty
- ❖ Mô hình hoạt động
- ❖ Tổ chức và nhân sự



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM (PV Gas South)

PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOINT STOCK COMPANY



ISO 14001:2004  
ISO 9001:2008  
BS OHSAS 18001:2007

Trụ sở chính: Tầng 4, tòa nhà PetroVietnam,  
Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM

Điện thoại: (84.8) 39100108 - 39100324

Fax: (84.8) 39100097 - 39100325

Website: <http://www.pgs.com.vn>

Giấy chứng nhận ĐKKD: 0305097236

Vốn điều lệ: 380.000.000.000 đồng

Mã chứng khoán: PGS

Ngày niêm yết trên HNX: 15/11/2007



## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2000

### Tiền thân của PV Gas South

Ngày 28/03/2000, tiền thân của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam là Xí nghiệp Kinh doanh các sản phẩm Khí miền Nam trực thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Khí (PV Gas) được thành lập theo Quyết định số 389/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).

2006

### PV Gas South thành lập

Ngày 12/04/2006, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) ký Quyết định số 825/QĐ-DKVN về việc thành lập Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South) trên cơ sở Xí nghiệp Kinh doanh các sản phẩm Khí miền Nam trực thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Khí (PV Gas) và Bộ phận Kinh doanh Khí hóa lỏng của Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim).

2007

### PV Gas South chuyển đổi thành Công ty cổ phần

Ngày 23/07/2007, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam tiến hành ĐHCĐ lần đầu. Sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý, Công ty chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 25/07/2007.

#### Cổ phiếu PV Gas South được niêm yết

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã triển khai thực hiện các bước theo đúng quy định để niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội. Được đơn vị tư vấn là Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí tư vấn, Công ty đã hoàn thiện Bản cáo bạch và các hồ sơ pháp lý để niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán.

Ngày 15/11/2007, cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu **PGS**.

2007-2014

### PETROVIETNAMGAS-Thương hiệu được tin dùng

Từ ngày đầu thành lập vào năm 2000 với mức sản lượng kinh doanh chỉ khoảng 5.000 tấn và doanh thu 15 tỷ đồng/năm, sau hơn 14 năm hoạt động, với phương châm **"An toàn - Chất lượng - Hiệu quả"**, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam đã trở thành một trong những Công ty kinh doanh Khí hóa lỏng hàng đầu tại Việt Nam. Mạng lưới kinh doanh của PV Gas South phủ khắp các tỉnh, thành khu vực phía Nam. Hiện nay, sản lượng kinh doanh LPG của Công ty đã đạt trên 200.000 tấn/năm và doanh thu đạt trên 7.000 tỷ/năm và sẽ tiếp tục tăng trưởng nhanh trong thời gian tới.

Để phù hợp với xu hướng hội nhập toàn cầu và nâng cao hiệu quả quản lý cũng như đảm bảo an toàn trong công tác kinh doanh Khí hóa lỏng, Công ty đã đạt chứng chỉ hệ thống quản lý tích hợp PAS 99:2006 bao gồm: hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004 và Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn BS OHSAS 18001:2007. Công ty đã đạt chứng nhận Hệ thống quản lý tích hợp PAS 99:2006 và có hiệu lực từ tháng 3/2013 đến tháng 3/2016.

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam đang triển khai đầu tư xây dựng hệ thống các kho chứa, trạm nạp khí hóa lỏng trên địa bàn các tỉnh phía Nam nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển thị trường, chủ động trong nguồn hàng và phục vụ nhu cầu của khách hàng.

Với chính sách kinh doanh **"luôn hướng tới khách hàng"**, PV Gas South luôn là đối tác tin cậy của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, là thương hiệu uy tín của người tiêu dùng.

## NHỮNG GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Huân chương lao động Hạng Nhì, năm 2012



Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua, năm 2014



Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2011, 2012, 2013  
Top 50 Công ty hoạt động hiệu quả nhất Việt Nam năm 2011, 2012, 2013

- Công ty đã nhận được giải thưởng là một trong số "30 doanh nghiệp minh bạch nhất" của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội 2013-2014 do Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức.

- Tiếp nối thành công trong năm 2013 Công ty đã đứng thứ 14 trong "Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam" năm 2014 do Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư chủ trì tổ chức bình chọn. Đây là năm thứ 3 liên tiếp PV Gas South được trao danh hiệu này, khẳng định tên tuổi của một doanh nghiệp lớn, có sự tăng trưởng ổn định, hiệu quả. Mục tiêu của chương trình là tìm kiếm và xếp hạng các công ty niêm yết có thành tựu lớn trong hoạt động kinh doanh thể hiện qua các chỉ số tài chính cơ bản.

- Đạt giải "Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2014" do Sở GDCK TPHCM và báo Đầu tư Chứng khoán đồng tổ chức. Đây cũng là lần thứ 3 Công ty đạt được giải này.

## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG, ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Lĩnh vực hoạt động:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu khí hóa lỏng: các sản phẩm khí, các vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).
- Kinh doanh Khí thiên nhiên nén (CNG): các vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ công tác vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh CNG.
- Thiết kế, xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và công nghiệp khí: chuyển giao công nghệ, khai thác, kinh doanh, bảo dưỡng các công trình liên quan đến khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).
- Vận chuyển khí hóa lỏng; chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các dịch vụ liên quan đến khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải.
- Kinh doanh xăng dầu, nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng dầu, nhớt.
- Mua bán phân bón. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại.
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn.



## Địa bàn kinh doanh:

PV Gas South hiện có mạng lưới kinh doanh rộng lớn cho cả hai phân khúc sản phẩm LPG và CNG.

Mạng lưới kinh doanh LPG của Công ty đến nay đã phủ kín các tỉnh từ Đà Nẵng tới Cà Mau, bao gồm hệ thống các kho chứa, trạm nạp LPG trên địa bàn các tỉnh phía Nam. PV Gas South đã chú trọng xây dựng hệ thống chiết nạp vệ tinh phân bố đều khắp các thị trường miền Tây Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, đồng thời xây dựng hệ thống tổng đại lý phân phối LPG, định kỳ gặp gỡ khách hàng xây dựng các chính sách nhằm củng cố, đẩy mạnh và thống nhất mặt bằng giá cả, tăng cường hệ thống phân phối và khả năng cạnh tranh.

Đối với mảng kinh doanh CNG, PV Gas South hiện đang quản lý 3 trạm mẹ là CNG Mỹ Xuân A (Bà Rịa – Vũng Tàu), Hiệp Phước (Tp. HCM) và trạm nén mẹ Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) của Công ty con CNG Việt Nam với tổng công suất thiết kế là 215 triệu m<sup>3</sup>.

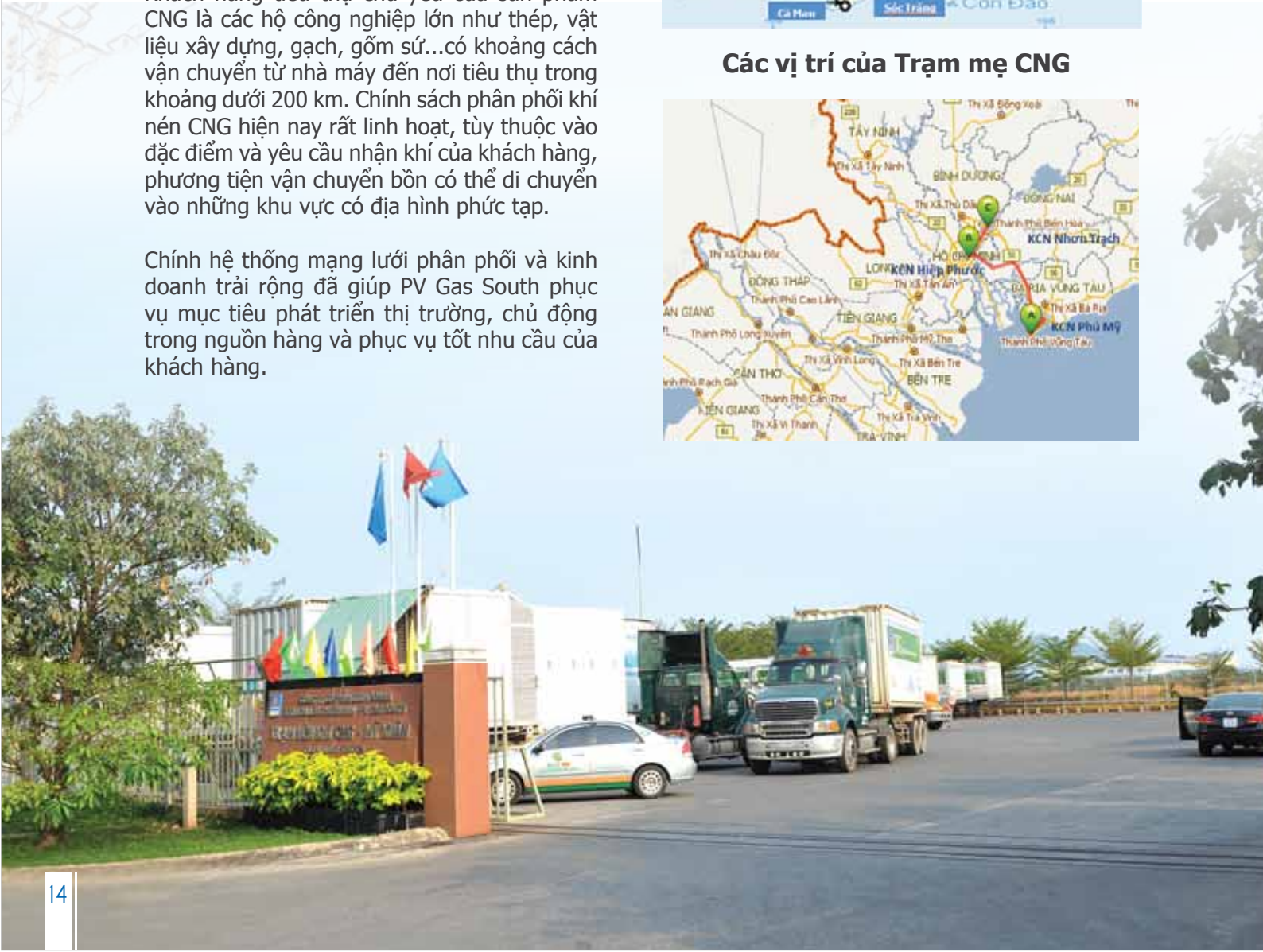
Khách hàng tiêu thụ chủ yếu của sản phẩm CNG là các hộ công nghiệp lớn như thép, vật liệu xây dựng, gạch, gốm sứ... có khoảng cách vận chuyển từ nhà máy đến nơi tiêu thụ trong khoảng dưới 200 km. Chính sách phân phối khí nén CNG hiện nay rất linh hoạt, tùy thuộc vào đặc điểm và yêu cầu nhận khí của khách hàng, phương tiện vận chuyển bồn có thể di chuyển vào những khu vực có địa hình phức tạp.

Chính hệ thống mạng lưới phân phối và kinh doanh trải rộng đã giúp PV Gas South phục vụ mục tiêu phát triển thị trường, chủ động trong nguồn hàng và phục vụ tốt nhu cầu của khách hàng.

## Hệ thống các trạm chiết nạp LPG



## Các vị trí của Trạm mẹ CNG





## MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH

### Sản phẩm LPG



Bình 45kg

### Sản phẩm LPG Bình 45kg

**Đối tượng sử dụng:** Bình 45kg chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng ở quy mô nhỏ nhưng mật độ sử dụng nhiều như ở các nhà hàng, khách sạn, trường học, bếp ăn tập thể, các xưởng sản xuất có quy mô nhỏ hoặc vừa.

**Trọng lượng vỏ:** 37 - 40kg

**Trọng lượng LPG :** 45kg ± 200gram

**Tiêu chuẩn chế tạo :** DOT-4BW-240

**Chất liệu vỏ bình :** được chế tạo bằng thép nhập khẩu từ Nhật Bản đảm bảo đúng các tiêu chuẩn chế tạo DOT-4BW-240 và tiêu chuẩn Việt Nam QCVN 04:2013/BCT ngày 15/9/2013. Bình có thể chịu được áp lực khi chứa và chuyên chở LPG ở trạng thái có áp suất, được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn, cho phép lưu thông và sử dụng.

### Sản phẩm LPG rời

Sản phẩm LPG rời là dạng sản phẩm được PV Gas South bán cho các nhà máy, khu chế xuất, các công ty kinh doanh gas ... ở dạng xe bồn.



Bình 12kg

### Sản phẩm LPG Bình 12kg

**Đối tượng sử dụng:** Bình 12 kg chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng LPG ở quy mô nhỏ, lẻ như sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình, quán ăn nhỏ, cho các hộ sản xuất sử dụng nguyên liệu gas nhỏ.

**Trọng lượng vỏ:** 13,50 – 14,50 kg

**Trọng lượng LPG:** 12kg ± 100 gram

**Tiêu chuẩn chế tạo:** DOT-4BA-240

**Chất liệu vỏ bình:** được chế tạo bằng thép nhập khẩu từ Nhật Bản đảm bảo đúng các tiêu chuẩn chế tạo DOT-4BA-240 và tiêu chuẩn Việt Nam QCVN 04:2013/BCT ngày 15/9/2013. Bình có thể chịu được áp lực khi chứa và chuyên chở LPG ở trạng thái có áp suất, được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn, cho phép lưu thông và sử dụng.

### Sản phẩm CNG

CNG là khí thiên nhiên nén, thành phần chủ yếu là CH<sub>4</sub> - metane (chiếm 85% - 95%) được lấy từ những mỏ khí thiên nhiên, mỏ dầu (khí đồng hành) hoặc khí nhà máy (thu được trong quá trình sản xuất của các nhà máy lọc dầu), qua xử lý và nén ở áp suất cao (200 đến 250 bar) để tồn trữ vào bồn chuyên dụng và vận chuyển tới các hộ tiêu thụ là các nhà máy có sử dụng nhiệt năng, các khu chung cư... Do thành phần đơn giản dễ xử lý để loại bỏ các hợp chất độc hại như SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, CO<sub>2</sub>, không có benzene và hydrocarbon thơm kèm theo, nên khi đốt nhiên liệu này không giải phóng nhiều khí độc như SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>..., và hầu như không phát sinh bụi. Vì vậy, sử dụng CNG thay thế các nhiên liệu truyền thống như than, dầu sẽ bảo vệ môi trường và giảm chi phí.

### Sản phẩm Xăng/Dầu/Nhớt

**Xăng dầu:** Là nhiên liệu được chế biến từ công nghệ lọc hoá dầu. Xăng dầu có thể được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu. Chúng loại, chất lượng hàng hóa do nhà sản xuất quy định trên cơ sở nhu cầu xăng dầu thị trường và được phép lưu hành tại Việt Nam.

**Nhớt/Mỡ:** Là chất bôi trơn cho động cơ, được sản xuất chủ yếu từ dầu mỏ. Sản phẩm sau khi được chế biến được đóng vào các phuy, lon, hộp... để bảo quản và tiêu thụ trên thị trường. Mẫu mã, chủng loại, chất lượng sản phẩm do nhà sản xuất quy định dựa trên nhu cầu thị trường và được phép lưu hành tại Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh xăng dầu của PV Gas South được thực hiện chủ yếu dưới hình thức mua bán xăng dầu tại thị trường nội địa gồm trực tiếp bán buôn (bán sỉ) và bán lẻ.

**Bán buôn:** Hình thức bán hàng với số lượng lớn hoặc giao hàng bằng phương tiện chuyên dụng (xe bồn) cho khách hàng.

**Bán lẻ:** Hình thức bán hàng với số lượng nhỏ trực tiếp cho khách hàng tại các Cửa hàng Xăng dầu hoặc tại nơi khách hàng yêu cầu (theo thỏa thuận).



## Danh sách kho chứa và trạm chiết tại PV Gas South

### NĂNG LỰC KINH DOANH

Hiện nay, PV Gas South có 31 trạm chiết nạp LPG với tổng công suất 24.580 tấn/tháng từ Đà Nẵng đến Cà Mau, trong đó có 16 trạm thuộc sở hữu của PV Gas South với tổng công suất 12.900 tấn/tháng và 15 trạm chiết nạp thuê hàng tháng. Ngoài 16 trạm chiết nạp LPG, Công ty hiện sở hữu 04 kho chứa với sức chứa lên 7.700 tấn. Trong thời gian tới, PV Gas South chuẩn bị xây dựng thêm các kho chứa và trạm chiết tại các khu vực miền Trung, miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ.

Cho đến nay, PV Gas South đã đầu tư hệ thống trạm nạp khí nén CNG cung cấp cho giao thông vận tải và công nghiệp. Đây là một lĩnh vực mới và đầy tiềm năng. Hiện công suất thiết kế là 215 triệu m<sup>3</sup> khí/năm, trong đó công ty mẹ với 2 KCN Mỹ Xuân và KCN Hiệp Phước có công suất thiết kế lần lượt là 100 triệu m<sup>3</sup> khí/năm và 20 triệu m<sup>3</sup> khí/năm, còn công ty con CNG VietNam - KCN Phú Mỹ là 95 triệu m<sup>3</sup> khí/năm.



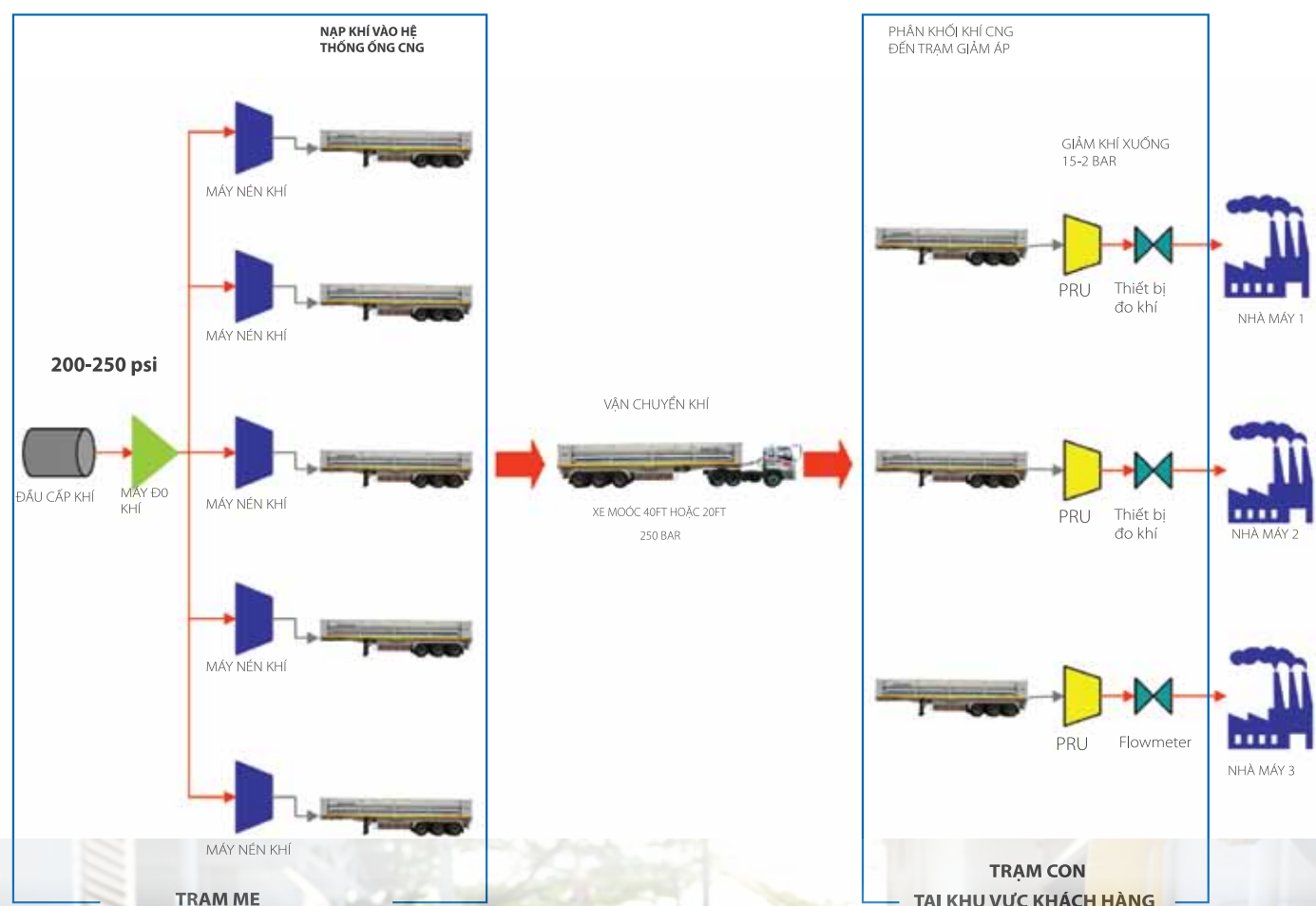
Hệ thống cầu cảng, kho LPG và trạm chiết của PV Gas South tại các tỉnh thành phía Nam



STT	Nội dung	Địa chỉ	Tổng dung tích
<b>A Kho chứa (MT)</b>			
1	Kho Cần Thơ	Lô II.5, II.6, Khu CN Trà Nóc II, TP. Cần Thơ	1.200
2	Kho Gò Dầu	Cảng Gò Dầu A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	4.000
3	Kho VT-Gas Đồng Nai	Cảng Đồng Nai, P. Long Bình Tân TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	1.000
4	Kho Dung Quất	Khu CN Phía đông Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	1.500
<b>Tổng</b>			<b>7.700</b>
<b>B Trạm nạp LPG</b>			<b>Công suất chiết nạp (Tấn/tháng)</b>
1	Trạm Vĩnh Lộc	Lô D1/1 đường 1B, KCN Vĩnh Lộc P. Bình Hưng Hoà B, Q. Bình Tân, TP. HCM	1.000
2	Trạm Bà Rịa	Quốc lộ 55, khu phố Thanh Bình, TT. Đất Đỏ Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	500
3	Trạm Agas	KCN Đông Xuyên, Bà Rịa-Vũng Tàu	600
4	Trạm Cần Thơ	Lô II.5, II.6, Khu CN Trà Nóc II, TP. Cần Thơ	2.000
5	Trạm Tiền Giang	Khu CN Tân Mỹ Chánh, P. 9, Tiền Giang	400
6	Trạm Nha Trang	157 Xóm Núi, Xã Vinh Phương, TP. Nha Trang	600
7	Trạm Bình Định	Lô D6-01, KCN Nhơn Hội (Khu A), KKT Nhơn Hội, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	500
8	Trạm Quảng Ngãi	Thôn Tuyệt Diêm, Xã Bình Thuận Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	1.500
9	Trạm Gia Lai	Lô 4, KCN Trà Đa, Xã Trà Đa, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	500
10	Trạm Bình Phước	Lô G, đường N4, KCN Bắc Đồng Phú, TT. Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước	500
11	Trạm JP Gas	262 Nguyễn Lương Bằng, Xã Hòa Thành, Tây Ninh	500
12	Trạm Dak Gas	Km số 11, Quốc lộ 14, Xã Hòa Phú TP. Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk	600
13	Trạm VT-Gas Quảng Trị	KCN Quán Ngang, Gio Linh, Quảng Trị	400
14	Trạm VT-Gas Đồng Nai	Cảng Đồng Nai, P. Long Bình Tân Biên Hòa, Đồng Nai	2.500
15	Trạm VT-Gas Lâm Đồng	Lô BI - 11 KCN Phú Hội, Huyện Đức Trọng, Lâm Đồng	400
16	Trạm VT-Gas Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, Hải Châu, Đà Nẵng	400
<b>Tổng</b>			<b>12.900</b>



## Dây chuyền cung cấp khí CNG tại PV Gas South



## Hệ thống trạm mẹ và trạm con CNG tại PV Gas South

Đơn vị quản lý	Dự án	Tổng công suất (Triệu m <sup>3</sup> /năm)	Diễn giải
<b>I. Trạm khí nén CNG mẹ</b> Công ty mẹ PV Gas South	Trạm CNG KCN Mỹ Xuân	100	Hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2010 với công suất ban đầu 50 triệu m <sup>3</sup> , hiện đã mở rộng thêm.
Công ty mẹ PV Gas South	Trạm CNG KCN Hiệp Phước	20	Hoàn thành và đưa vào sử dụng giai đoạn 1 vào năm 2011.
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Trạm CNG KCN Phú Mỹ I	95	Hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2010 với công suất ban đầu là 50 triệu m <sup>3</sup> , hiện đã mở rộng thêm.
<b>Tổng cộng</b>			
<b>II. Trạm khí nén CNG con</b> Công ty mẹ PV Gas South	Trạm CNG con (trạm nạp khí cho xe buýt) - Phổ Quang.	<b>Công suất</b> 50 xe buýt/ngày	Hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2009.
Công ty mẹ PV Gas South	Trạm con tại 449 Nguyễn An Ninh, Vũng Tàu.	150 xe con/ngày	Đưa vào sử dụng cuối năm 2011.
Công ty mẹ PV Gas South	Trạm con tại 654 Nguyễn An Ninh, Vũng Tàu.	150 xe con/ngày	Hoàn thành vào giữa năm 2012.
Công ty mẹ PV Gas South	1 Trạm con tại Tân Kiên, Bình Chánh, TP. HCM.	50 xe buýt/ngày	Hoàn thành và đưa vào sử dụng đầu năm 2012.
Công ty mẹ PV Gas South	1 Trạm con tại An Sương, TP. HCM.	50 xe buýt/ngày	Hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2012.
Công ty mẹ PV Gas South	1 Trạm con di động tại khu vực Phú Mỹ hoặc Mỹ Xuân.	100 xe con/ngày	Hoàn thành và đưa vào sử dụng đầu năm 2012.
Công ty mẹ PV Gas South	1 trạm con tại Đại học Quốc gia, TP. HCM.	50 xe buýt/ngày	Hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2013.



## VỊ THẾ CÔNG TY

Ngay từ khi thành lập, Công ty đã xác định mục tiêu chiến lược là trở thành đơn vị kinh doanh LPG hàng đầu ở Việt Nam, đóng góp vào sự phát triển chung của ngành. Trong thời gian qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã phát triển không ngừng, tạo ảnh hưởng rõ ràng tới thị trường miền Nam, xây dựng được uy tín cho thương hiệu PETROVIETNAM GAS. Trong bối cảnh thị trường cung cấp LPG dân dụng (LPG bình) và công nghiệp (LPG rời) có sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty tham gia thị trường như hiện nay, với sự góp mặt của các công ty nhiên liệu lớn trên thế giới, thị phần PV Gas South vẫn đứng đầu trong các công ty kinh doanh LPG tại miền Nam, với **34,50%** tăng **1%** so với năm 2013 nhờ vào một số ưu thế sau:

### Nhân lực

PV Gas South có một lực lượng lao động lành nghề, có bằng cấp và kỹ thuật. Cán bộ-Công nhân viên của Công ty, đặc biệt là đội ngũ vận hành viên đều được đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật chuyên ngành Dầu khí, 100% công nhân vận hành được cấp chứng chỉ về kỹ thuật an toàn vận hành thiết bị chịu áp lực.

### Công nghệ

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đến chất lượng tăng trưởng, đảm bảo an toàn trong sản xuất, kinh doanh. Đặc biệt trong năm 2013, Công ty đã đạt chứng chỉ hệ thống quản lý tích hợp PAS 99:2006 về kinh doanh khí hóa lỏng (LPG) và khí thiên nhiên nén (CNG) có hiệu lực từ tháng 3/2013 đến tháng 3/2016, bao gồm: Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn BS OHSAS 18001:2007, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004. Đặc biệt, Công ty đã xây dựng và đưa vào áp dụng thành công hệ thống quản lý điều hành doanh nghiệp (COS) góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tiết kiệm chi phí quản lý.



## Vị thế chi phối

Trong bối cảnh thị trường kinh doanh LPG ngày càng cạnh tranh gay gắt, thị phần PV Gas South vẫn đứng đầu trong các công ty kinh doanh LPG tại miền Nam, ổn định, luôn duy trì ở mức trên 34% thị phần.

## Thương hiệu

Trong những năm qua, Công ty luôn chú trọng tìm tòi và triển khai các chính sách giá cả, chính sách phân phối, chính sách khách hàng hợp lý, vì vậy Công ty dần đã trở thành một trong những Công ty kinh doanh lớn tại thị trường phía Nam, khẳng định thương hiệu PETROVIETNAM GAS, góp phần đảm bảo sản xuất an toàn cho Nhà máy xử lý Khí Dinh Cố, và Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

Bên cạnh việc kinh doanh Gas, Công ty cũng tiến hành việc kinh doanh các sản phẩm khí thiên nhiên CNG, xăng, dầu, dầu nhớt, phụ kiện sử dụng Gas phục vụ sinh hoạt và công nghiệp, lắp đặt bảo hành bảo trì các hệ thống Gas công nghiệp, góp phần đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng thêm doanh thu cho Công ty.

## Hệ thống phân phối

Mạng lưới kinh doanh LPG của Công ty đến nay đã phủ kín các tỉnh thành phía Nam. Sản lượng bán lẻ LPG bình đạt từ 12.000 tấn đến 13.000 tấn/tháng, sản lượng LPG rời từ 7.000 tấn đến 8.000 tấn/tháng đã khẳng định được vị trí thương hiệu PETROVIETNAM GAS trên thị trường phía Nam.

Với lợi thế tiềm lực tài chính của mình, Công ty đã đầu tư kho cảng đầu mối và hệ thống phân phối LPG của Công ty đến nay đã phủ kín các tỉnh thành phía Nam. Tổng sức chứa các kho hiện tại của PV Gas South vào khoảng 7.700 tấn và dự kiến tăng lên thêm 6.000 tấn cuối năm 2021.

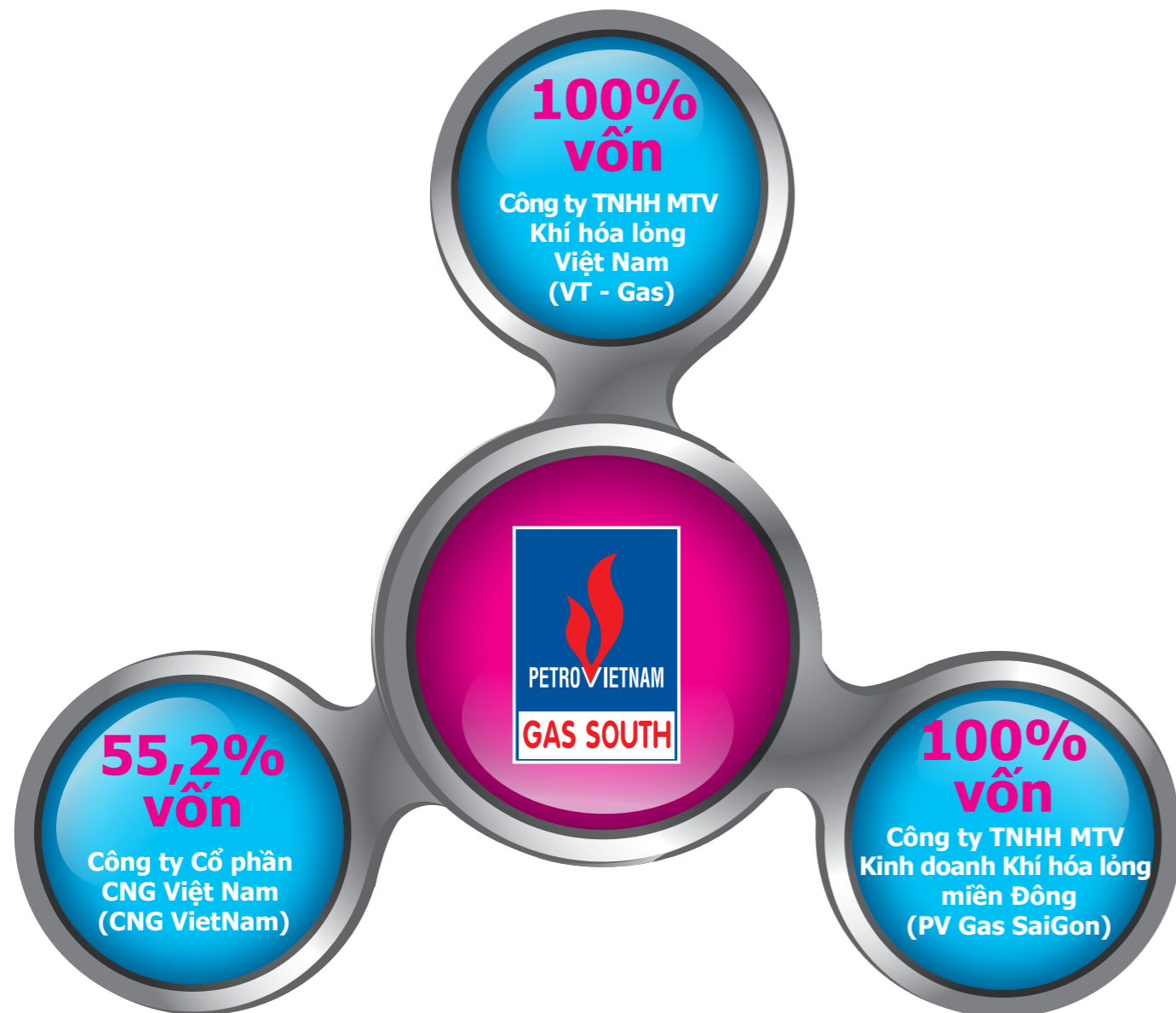
## Sự ủng hộ của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng Công ty Khí Việt Nam

Là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) nên Công ty nhận được sự hỗ trợ về mặt chuyên môn và được tham gia vào các dự án cũng như kinh doanh các sản phẩm của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn. Công ty có cơ hội để tiếp nhận, xử lý và kinh doanh nguồn LPG từ Nhà máy Lọc dầu Dung Quất và các Nhà máy Lọc dầu khác khi đi vào hoạt động để đáp ứng nhu cầu LPG của thị trường, tăng tính chủ động về nguồn hàng trong thị trường kinh doanh LPG toàn quốc.

Bên cạnh đó, Công ty còn được đảm bảo nguồn nguyên liệu và được ưu đãi khác khi lấy nguyên liệu từ các nhà máy lọc dầu, nhà máy khí trong Tập đoàn. Những thuận lợi trên cùng với việc Công ty hiện nay đang có một thị phần đáng kể (trên 30%) và có hệ thống đại lý phân phối rộng khắp khu vực sẽ đảm bảo cho Công ty có thể ngày càng mở rộng thị trường và phát triển ổn định, bền vững.



## MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

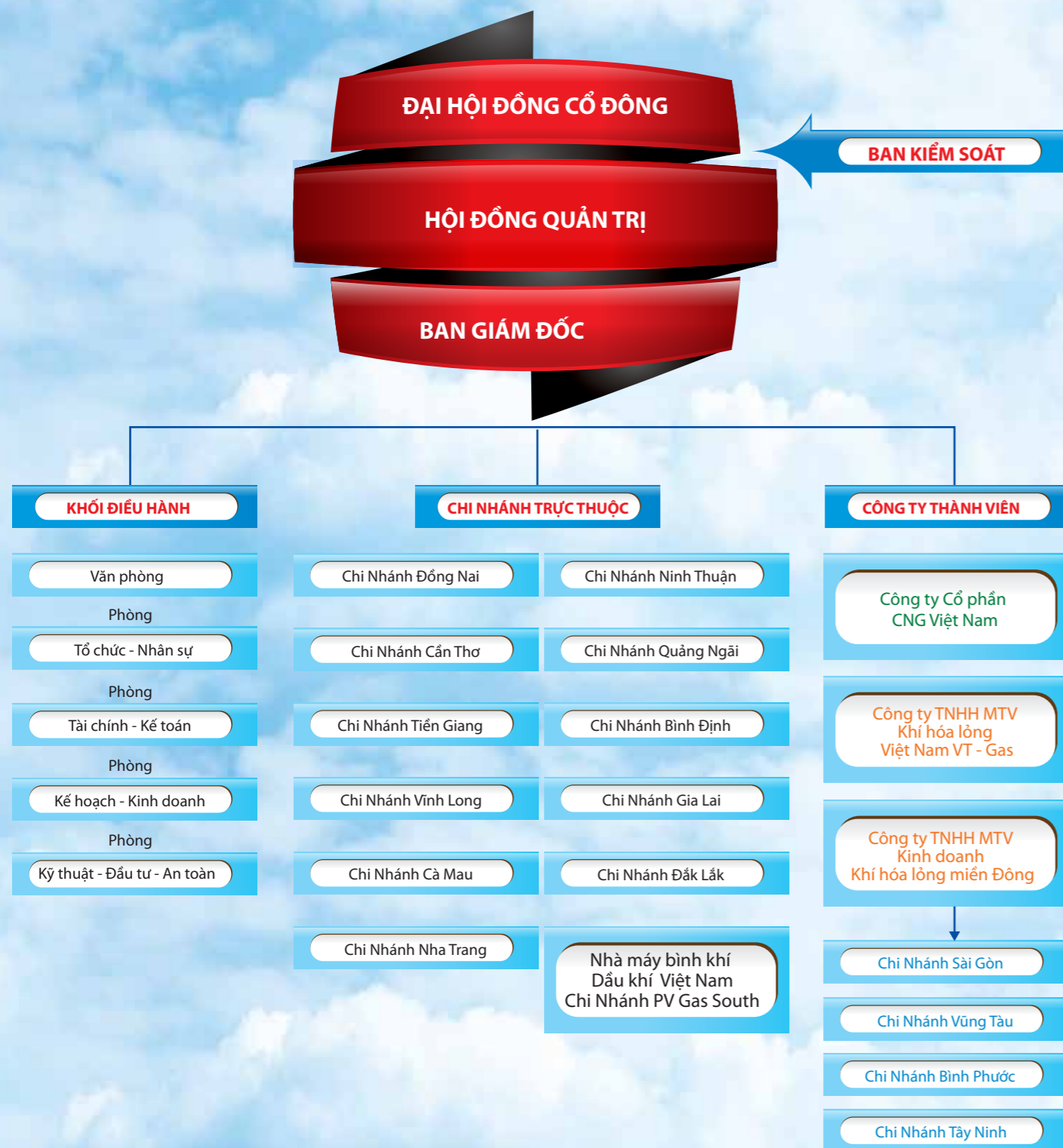


Hiện tại PV Gas South hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, gồm có một công ty thành viên là Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, hai đơn vị trực thuộc là Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông (PV Gas SaiGon) và Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-Gas) và 12 Chi nhánh phân vùng quản lý và phát triển thị trường kinh doanh phía Nam từ Đà Nẵng đến Cà Mau.

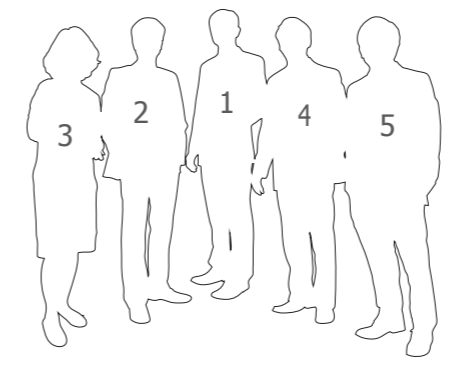
## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

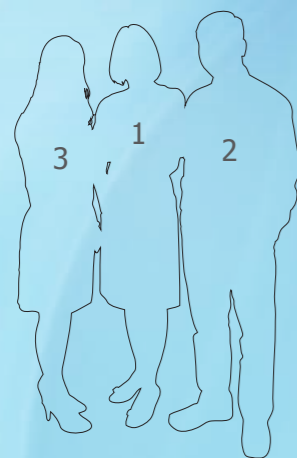


## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Ông Đỗ Tấn** - Chủ tịch HĐQT  
 Năm sinh: 1972 - Quê quán: Hải Dương  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế thương mại
- Ông Vũ Quý Hiệu** - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty  
 Năm sinh: 1977 - Quê quán: Thái Bình  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Cử nhân Tài chính - Kế toán
- Bà Nguyễn Minh Ngọc** - Thành viên HĐQT  
 Năm sinh: 1964 - Quê quán: Hải Phòng  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý Kinh tế Công nghiệp, Cử nhân Văn học Nga
- Ông Vũ Văn Thực** - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty  
 Năm sinh: 1976 - Quê quán: Nam Định  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường
- Ông Hà Anh Tuấn** - Thành viên HĐQT độc lập  
 Năm sinh: 1953 - Quê quán: Hải Phòng  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Hóa dầu, Cử nhân Kinh tế Ngoại thương

## GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



- 1 Bà Nguyễn Thục Quyên** - Trưởng Ban Kiểm Soát  
Năm sinh: 1970 - Quê quán: Hà Nội  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán, Cử nhân Anh Văn
- 2 Ông Võ Đình Quang** - Thành viên Ban Kiểm Soát  
Năm sinh: 1976 - Quê quán: Nghệ An  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- 3 Bà Trần Thị Thu Hiền** - Thành viên Ban Kiểm Soát  
Năm sinh: 1975 - Quê quán: Hải Dương  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Kế toán

## GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC & KẾ TOÁN TRƯỞNG



- 1 Ông Vũ Quý Hiệu** - Giám đốc Công ty  
Năm sinh: 1977 - Quê quán: Thái Bình  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh  
Cử nhân Tài chính - Kế toán
- 2 Ông Vũ Văn Thực** - Phó Giám đốc Công ty  
Năm sinh: 1976 - Quê quán: Nam Định  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường
- 3 Ông Trần Văn Nghị** - Phó Giám đốc Công ty  
Năm sinh: 1975 - Quê quán: Nam Định  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa vật lý
- 4 Ông Đào Hữu Thắng** - Phó Giám đốc Công ty  
Năm sinh: 1982 - Quê quán: Cần Thơ  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tổng hợp
- 5 Ông Ngô An Hòa** - Kế Toán Trưởng  
Năm sinh: 1984 - Quê quán: Long An  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán



## CƠ CẤU NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính cho đến thời điểm cuối năm 2014, tổng số CBCNV trực thuộc PV Gas South và các đơn vị thành viên là **1.107 người**, tăng 84 người so với thời điểm đầu năm. Nguyên nhân tăng số lao động là do tuyển mới lao động trong năm để mở rộng khách hàng.

### Cơ cấu tổ chức của Công ty

Trong năm 2014, PV Gas South đã phấn đấu xây dựng sơ đồ tổ chức, định biên lao động phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Song song đó cũng tích cực hoàn thiện các quy chế, quy định, kiện toàn lại quy chế tổ chức và hoạt động các Phòng, Chi nhánh trực thuộc Công ty.

### Chính sách lương

Công ty có Quy chế trả lương, trả thưởng được ban hành, việc trả lương, trả thưởng cho NLD trong Công ty dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động, gắn liền với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc được thể hiện thông qua chế độ tiền lương theo Nghị định 205 Chính phủ (Lương cơ bản) và chế độ tiền lương chức danh công việc đảm nhận (Lương chức danh), nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo để hoàn thành nhiệm vụ theo chức danh công việc được giao. Hằng năm công ty đều tổ chức xét nâng lương theo quy định cho NLD (Trong năm 2014, toàn Công ty có 139 NLD được xét nâng lương theo nghị định 205 Chính phủ và 72 NLD được xét nâng lương chức danh). Tiền lương bình quân tại PV Gas South năm 2014 là **13,10 triệu đồng/người/tháng**.

Việc sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi theo đúng mục đích đã được thông qua tại Hội nghị Người lao động năm 2014 nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, trợ cấp ốm đau cho người lao động, ủng hộ các chương trình xã hội, từ thiện theo chủ trương của Nhà nước, Tập đoàn, Tổng Công ty và địa phương; chi hỗ trợ kinh phí cho người lao động đi du lịch, nghỉ ngơi.

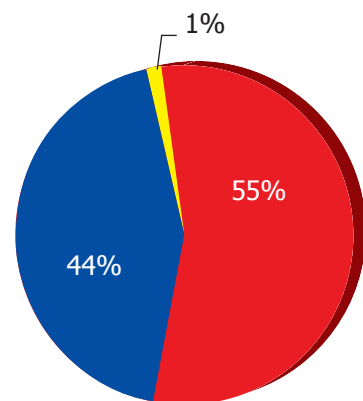
### Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Nhân lực là nguồn lực quan trọng và chủ yếu để xây dựng nên một doanh nghiệp vững mạnh. Năm bắt được cơ sở này, PV Gas South luôn đặt mục tiêu thu hút người lao động có năng lực để cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.

Nhận thức được không chỉ cần đảm bảo nguồn lực hiện tại mà còn cần phát triển và tích lũy nguồn lực cho tương lai, Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ cho các chức danh kế thừa. Trong năm 2014, công ty đã tổ chức 53 khóa đào tạo cho 1.035 lượt người, trong đó chủ yếu là đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho người lao động để đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty.

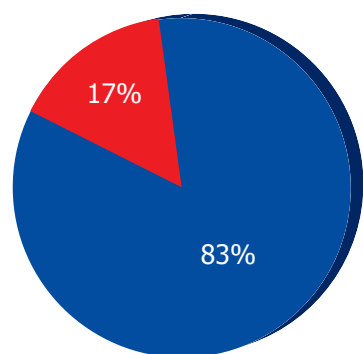


### Cơ cấu lao động theo hợp đồng



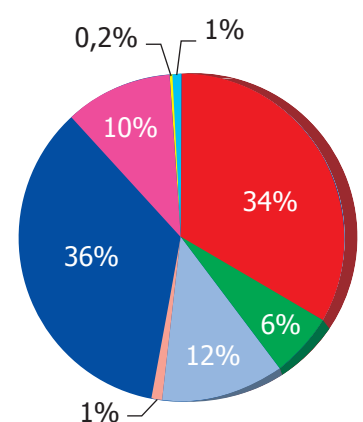
- Không xác định thời hạn
- Xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng
- Mùa vụ dưới 12 tháng

### Cơ cấu lao động theo giới tính



- Nữ
- Nam

### Cơ cấu lao động theo trình độ



- Tiến sĩ
- Thạc sĩ
- Đại học
- Cao đẳng
- Trung cấp
- Sơ cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông (không qua đào tạo)

## TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất và kinh doanh
- ❖ Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- ❖ Tình hình tài chính



## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

### Tổng quan về tình hình hoạt động

Trong năm 2014 tình hình chính trị thế giới diễn biến phức tạp, kinh tế trong nước chưa hoàn toàn hồi phục, giá dầu thô biến động mạnh, đặc biệt giảm sâu không theo quy luật từ tháng 10/2014. Trong hoàn cảnh vĩ mô đó, trong năm 2014 vừa qua, hoạt động SXKD của PV Gas South đã gặp những thuận lợi và khó khăn cơ bản sau:

#### Thuận lợi:

- Được sự hỗ trợ của Tập đoàn, Tổng Công ty trong việc đảm bảo cơ bản về nguồn hàng, đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh.
- Chính sách, pháp luật Nhà nước ngày một hoàn thiện hơn tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng, các doanh nghiệp chính đáng có điều kiện thuận lợi để phát triển.
- Hệ thống cơ sở vật chất của Công ty về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty chủ động hơn trong công tác tồn trữ hàng hóa và khai thác tối đa hiệu quả sử dụng kho chứa, trạm chiết hiện có.
- Thương hiệu PETROVIETNAM GAS có uy tín ngày càng tăng trên thị trường.
- Bộ máy tổ chức của Công ty ngày càng hoàn thiện, các đơn vị, chi nhánh trải rộng khắp các tỉnh thành theo khu vực thị trường.
- Tập thể CBCNV đoàn kết nhất trí, quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty giao.

#### Khó khăn:

##### Về kinh doanh LPG

- Tình trạng suy thoái kinh tế kéo dài, phục hồi chậm ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống sinh hoạt của người dân.
- Nhu cầu LPG tiêu thụ trên thị trường xuống mức thấp, các đơn vị kinh doanh LPG càng gặp nhiều khó khăn trong khi nền kinh tế chưa có dấu hiệu phục hồi. Hầu hết các khách hàng đại lý đều giảm khả năng tiêu thụ hàng, các khách hàng công nghiệp phải sản xuất cầm chừng...
- Tình hình gian lận thương mại trong kinh doanh LPG vẫn tồn tại ở hầu hết các khu vực thị trường trong khi khung xử phạt vi phạm hiện nay không đủ mạnh.
- Trong năm 2014 biến động giá CP thế giới ngày càng không theo quy luật. Trong đó, giá CP liên tục giảm mạnh, từ tháng 12/2013 giá CP là 1.162,50 USD/tấn giảm 52% xuống còn 560 USD/tấn vào tháng 12/2014, bên cạnh đó giá dầu thế giới liên tục giảm mạnh ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của PV Gas South.



- Khó khăn về nguồn hàng:

+ Trong 10 tháng đầu năm 2014 tình hình nguồn hàng không ổn định, nguồn hàng từ Dung Quất bị cắt giảm, PV Gas South phải xin mua bổ sung hàng từ nguồn Dinh Cố, nhập khẩu với giá cao để đảm bảo hàng cung cấp cho khách hàng, yếu tố trên đã làm ảnh hưởng rất nhiều tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của PV Gas South.

+ Nhà máy lọc dầu Dung Quất tạm ngưng hoạt động và xuất bán sản phẩm để bảo dưỡng định kỳ trong khoảng thời gian dài (từ tháng 05 – 07/2014), điều này dẫn đến sự cạnh tranh về cả nguồn hàng, chất lượng và đơn giá so với nguồn LPG từ Dung Quất.

+ Từ tháng 10/2014 kết quả đấu giá Thị Vải/Dinh Cố tăng thêm 26 USD/tấn so với giai đoạn trước, dẫn tới giá đầu vào đều tăng trong khi nhu cầu tiêu thụ giảm thấp làm cho tình hình kinh doanh những tháng cuối năm càng khó khăn.

#### Về kinh doanh CNG:

- Giai đoạn vừa qua (2012-2014) giá khí bán ra cho hộ công nghiệp thông qua PV Gas D, PV Gas South, CNG VietNam đã tăng theo lộ trình của PV Gas. Và vẫn tiếp tục tăng để bằng giá thế giới khi PV Gas nhập khẩu khí LNG.

- Giá dầu diễn biến phức tạp, khó dự đoán. Giá dầu thế giới liên tục giảm mạnh ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh mặt hàng khí của Công ty.

- Một số doanh nghiệp chuyển sang sử dụng các nguyên liệu thay thế khác với đơn giá cạnh tranh hơn như: than, biomass ...

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2014

Trong bối cảnh nền kinh tế và ngành còn nhiều thách thức, hoạt động kinh doanh của PV Gas South trong năm 2014 không tránh khỏi ảnh hưởng. Tuy nhiên, Công ty vẫn quyết tâm duy trì sản lượng và không ngừng gia tăng thị phần đối với mặt hàng LPG, tích cực triển khai các dự án đầu tư mở rộng thị trường và tìm kiếm khách hàng nhằm gia tăng hiệu quả kinh doanh từ mặt hàng CNG. Kết quả là, PV Gas South đã hoàn thành tất cả chỉ tiêu đề ra cả về sản lượng và tài chính. Đây là kết quả đáng khích lệ trong điều kiện nền kinh tế và đặc thù ngành còn nhiều khó khăn.

### Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 của PV Gas South đạt được như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	%TH/KH
<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>				
<b>Sản lượng LPG hợp nhất</b>	<b>Tấn</b>	<b>213.000</b>	<b>236.893</b>	<b>111,22%</b>
Sản lượng LPG bình	Tấn	150.832	151.848	100,67%
Sản lượng LPG rời	Tấn	62.168	85.045	136,80%
<b>Sản lượng CNG hợp nhất</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>138.960.000</b>	<b>159.338.585</b>	<b>114,67%</b>
PV Gas South	m <sup>3</sup>	68.960.000	84.712.243	122,84%
CNG VietNam	m <sup>3</sup>	70.000.000	74.626.242	106,61%
<b>Xăng dầu</b>	<b>Lít</b>	<b>3.800.000</b>	<b>4.231.742</b>	<b>111,36%</b>
<b>Sản lượng Vỏ bình</b>	<b>Vỏ</b>			
Vỏ bình làm mới	Vỏ	200.000	294.259	147,13%
Vỏ bình bảo dưỡng	Vỏ	180.000	183.503	101,95%
<b>Chỉ tiêu Tài chính hợp nhất</b>				
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	380	380	100,00%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6.784,90	7.657,77	112,86%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	194,3	246,61	126,92%
<b>Chỉ tiêu Tài chính Công ty mẹ</b>				
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.629,90	5.560,59	101,99%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	113,70	146,93	141,69%

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Việc triển khai đầu tư và thực hiện các dự án là một công tác cần thiết cho việc mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đồng thời tạo sự nhay bậc trong doanh thu và lợi nhuận trong tương lai. Trong năm vừa qua, PV Gas South đã thực hiện các dự án với tổng mức đầu tư là 222,37 tỷ đồng cho xây dựng cơ bản trên mức kế hoạch được phê duyệt là 246,93 tỷ đồng cho năm 2014. Cụ thể:

- 1/ Hoàn thành và đưa vào hoạt động dự án Di dời Nhà máy Bình khí Dầu khí.
- 2/ Hoàn thành việc quyết toán dự án Cung cấp CNG cho phương tiện GTVT.
- 3/ Hoàn thành việc mua lại toàn bộ phần vốn góp của công ty PTT tại VT-Gas.
- 4/ Hoàn thành việc mua sắm 10 modules chở CNG, đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng.

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	%TH/KH
<b>Đầu tư xây dựng cơ bản</b>				
<b>Giá trị giải ngân</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>246,93</b>	<b>222,37</b>	<b>90,10%</b>
XDCB và mua sắm thiết bị	Tỷ đồng	162,93	141,38	86,80%
Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	84,00	80,99	96,40%
<b>Nguồn vốn</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>246,93</b>	<b>222,37</b>	<b>90,10%</b>
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	78,42	72,42	92,30%
Vốn vay và khác	Tỷ đồng	168,51	149,95	89,00%



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH PV GAS SOUTH NĂM 2014

CHỈ TIÊU	2013	2014	% TĂNG GIẢM
Tổng tài sản	3.070	3.203	4,33%
Tổng vốn chủ sở hữu	902	942	4,42%
Doanh thu thuần	6.902	7.484	8,44%
Lợi nhuận từ HĐKD	257	252	-1,83%
Lợi nhuận trước thuế	277	247	-11,07%
Lợi nhuận sau thuế	228	191	-16,13%
EPS	4.569	3.691	-19,22%
Tỷ lệ cổ tức	15%	15%	25,00%

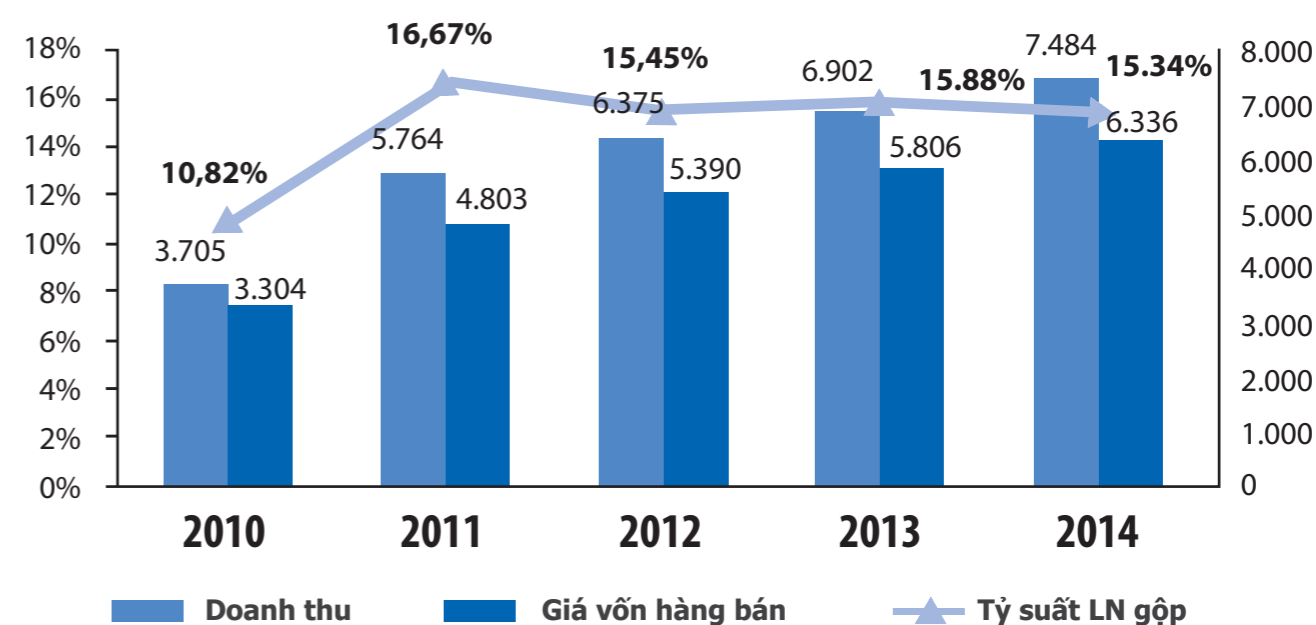
## MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH PV GAS SOUTH NĂM 2014

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG	2013	2014	CƠ CẤU VỐN	2013	2014
Ngày lưu kho bình quân	10,30	11,20	Nợ/VCSH	2,14	2,20
Ngày thu tiền bình quân	35,60	42,30	VCSH/Tổng tài sản	0,29	0,29
Ngày trả tiền bình quân	58,70	69,40	Nợ/Tổng tài sản	0,63	0,65
Doanh thu thuần/tổng tài sản	2,30	2,40			

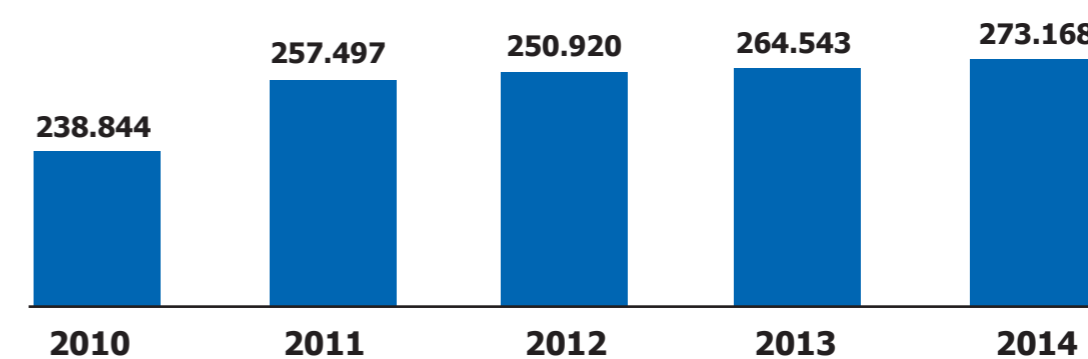
  

KHẢ NĂNG THANH TOÁN	2013	2014	KHẢ NĂNG SINH LỜI	2013	2014
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,06	1,01	LNST/Doanh thu thuần	3,30%	2,60%
Hệ số thanh toán nhanh	0,93	0,91	LNST/VCSH	20,30%	15,20%
Khả năng trả lãi vay	5,56	8,54	LNST/Tổng tài sản	5,80%	4,50%

## Doanh thu thuần và tỷ suất lợi nhuận của PVGas South năm 2014



## Sản lượng kinh doanh qua các năm của LPG và CNG



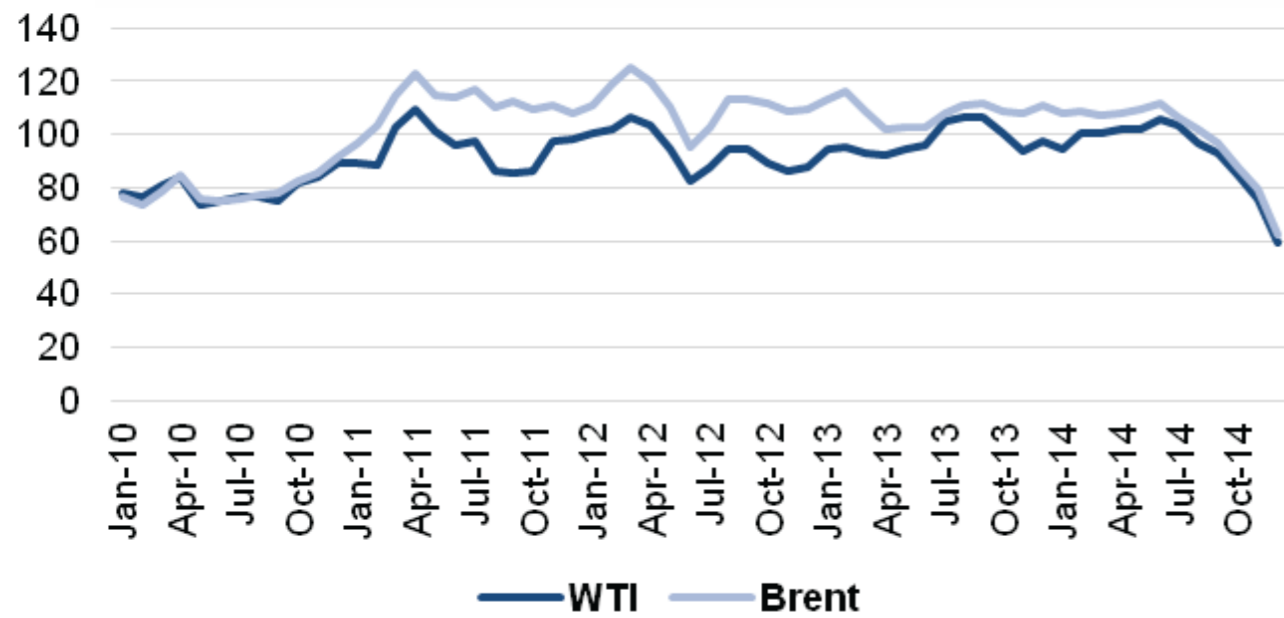
(\*) Đã bao gồm sản lượng của Công ty VT-Gas

**Tăng trưởng doanh thu:** So với năm 2013 tốc độ tăng trưởng doanh thu năm 2014 của PV Gas South vẫn duy trì mức tăng trưởng ổn định với tỷ lệ tăng trung bình trên 8%. Trong đó:



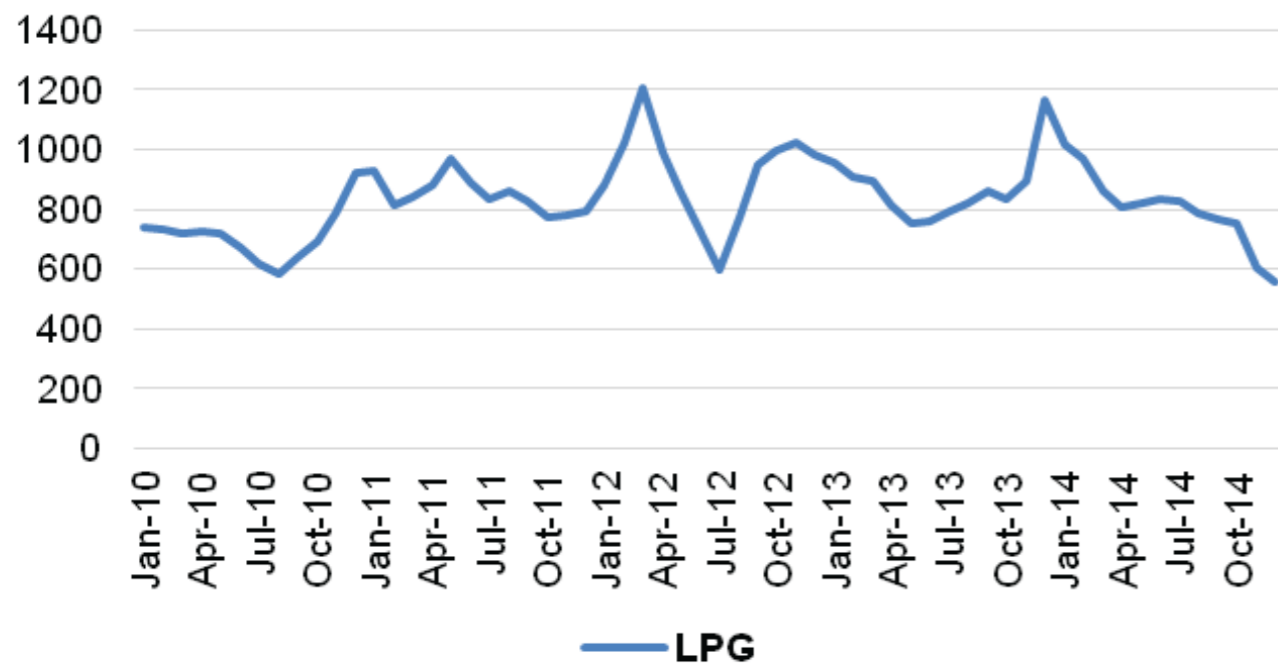
### Biến động giá dầu

USD/thùng



### Biến động giá LPG

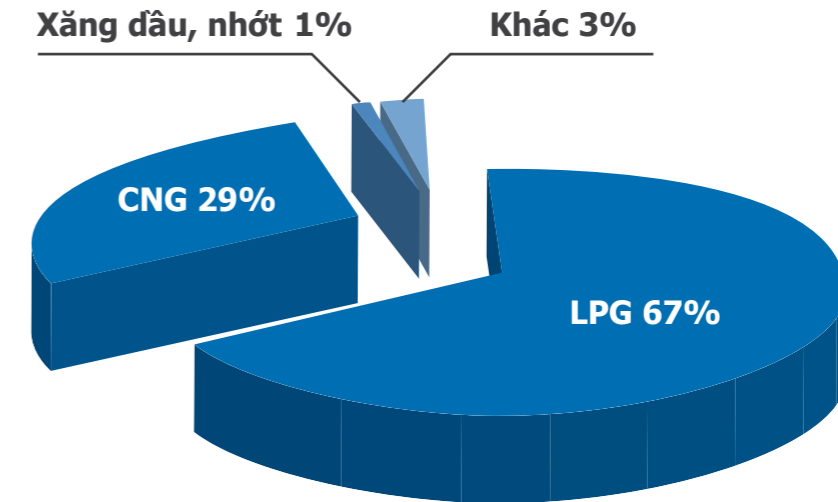
USD/tấn



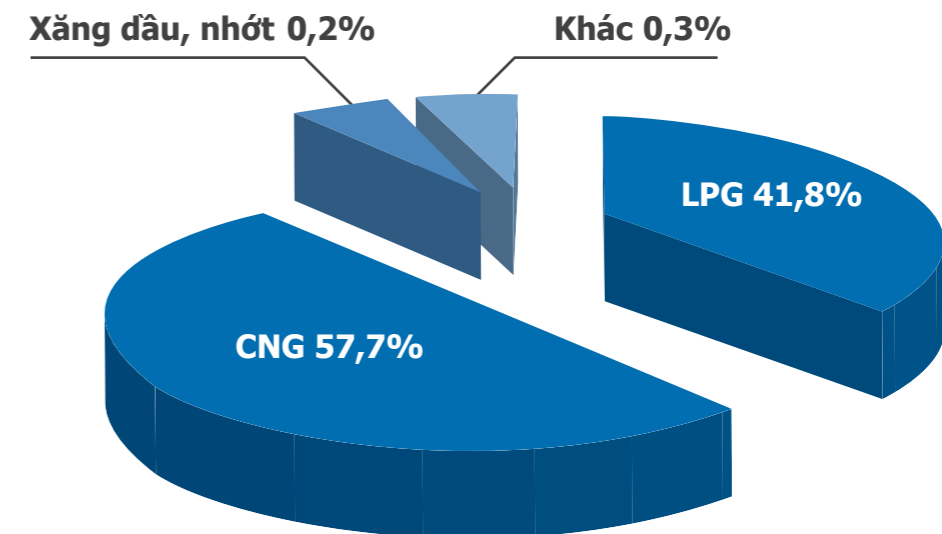
**Đối với mặt hàng LPG** vẫn là mảng kinh doanh truyền thống với doanh thu đạt 5.149 tỷ đồng tăng 5,84% so với năm 2013, chiếm tỷ trọng lớn nhất, đóng góp khoảng 67% tổng doanh thu. Xét về sản lượng, trong năm qua đã hoàn thành 100,74% kế hoạch đề ra tuy nhiên tỷ lệ vượt kế hoạch còn thấp và tốc độ tăng trưởng chậm lại so với cùng kỳ. Chủ yếu do sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường LPG đến từ sự xuất hiện ngày càng nhiều các đối thủ tầm cỡ như các Tập đoàn đa quốc gia và sự cạnh tranh không lành mạnh của các đối tượng sang chiết gas lậu trên thị trường hiện nay. Bên cạnh đó, giá CP giảm mạnh nên nhìn chung doanh thu cả năm 2014 từ mảng này giảm nhẹ so với năm 2013.

**Đối với mặt hàng CNG** là mảng kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong tổng doanh thu với 2.219 tỷ đồng tăng 8,62% so với cùng kỳ, chiếm khoảng 32% về doanh thu nhưng chiếm 68% về lợi nhuận gộp. Năm 2014, sản lượng CNG đạt 159 triệu m<sup>3</sup>, đạt 114,70% kế hoạch và tương ứng tăng 12% so với năm trước. Đây là kết quả đáng ghi nhận trong bối cảnh Công ty gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường các nhiên liệu giá rẻ. Tương tự như giá LPG trong năm 2014, chính sách giá bán CNG cũng bị ảnh hưởng theo giá dầu sụt giảm mạnh trong năm nên mặc dù sản lượng kinh doanh CNG tăng trưởng cao nhưng tốc độ tăng doanh thu đã không tăng tương ứng.

### Doanh thu theo sản phẩm năm 2014



### Lợi nhuận gộp theo sản phẩm năm 2014



**Tỷ suất lợi nhuận:** Một trong những thách thức đối với hoạt động kinh doanh của PV Gas South trong năm qua là kiểm soát giá vốn hàng bán. Do khó khăn về nguồn hàng khí Nhà máy Lọc dầu Dung Quất ngừng hoạt động và bảo dưỡng (từ tháng 05-07/2014), khiến cho Công ty phải mua bổ sung hàng từ nguồn Dinh Cố và nhập khẩu với chi phí và mức giá cao hơn. Theo đó, giá vốn hàng bán LPG năm 2014 tăng khoảng 6% so với năm 2013. Bên cạnh đó, do những diễn biến bất lợi từ giá dầu đã giảm mạnh dẫn đến giá bán CNG giảm nhưng giá khí đầu vào của Công ty vẫn tăng 5% trong Q.1/2014 từ mức 8,53 USD/MMBTU lên 8,96 USD/MMBTU (giá chưa bao gồm phí vận chuyển bằng đường ống từ PV Gas D). Những lý do trên làm tỷ suất lợi nhuận gộp chung trên tổng doanh thu của hai mặt hàng này giảm từ 16,05% năm 2013 xuống còn 15,23%.

So với năm 2013, tỷ suất lợi nhuận trước và sau thuế nhìn chung đã giảm trong năm 2014. Trong đó, tăng chủ yếu là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi phí khấu hao tại Công ty mẹ tăng khoảng 31 tỷ đồng do đầu tư thêm nhiều máy móc thiết bị phục vụ cho nhu cầu mở rộng thị trường khí CNG và các khách hàng mới. Trong khi đó, tình hình kinh doanh LPG cạnh tranh nhiều hơn đòi hỏi Công ty thực hiện nhiều chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích khách sử dụng. Trong năm, các chi phí khác và thuế TNDN đã tăng mạnh do quy định về việc xử lý truy thu thuế TNDN của các doanh nghiệp từ Bộ Tài chính. Công ty đã hạch toán hết khoản tiền thuế bị truy thu liên quan đến khoản thuế phải nộp từ 2011 đến 2013 tại nhà máy CNG Phú Mỹ với số tiền 20 tỷ đồng.

**Các chỉ số về khả năng sinh lời:** Chỉ số tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) sụt giảm so với năm trước, tuy nhiên đây không phải là sụt giảm tiêu cực. Vì trên thực tế, lợi nhuận trước thuế vẫn tăng ổn định và có sự tăng trưởng nhưng do tác động bất thường của khoản thuế phải nộp tăng đến 20 tỷ đồng nên lợi nhuận sau thuế đã bị ảnh hưởng.

Thêm vào đó, để thực hiện mục tiêu phát triển quy mô sản xuất cho ngành hàng LPG, nên trong năm vừa qua PV Gas South đã tăng mạnh đầu tư vào hạ tầng cho hoạt động LPG bao gồm hoàn thiện đầu tư và nâng cấp Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam, tiếp tục đầu tư hoàn thiện kho cảng tại VT-Gas sau khi mua lại 45% cổ phần của PTT tại VT-Gas. Do vậy, tốc độ tăng tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của PV Gas South là cao và cao hơn tốc độ tăng của lợi nhuận.

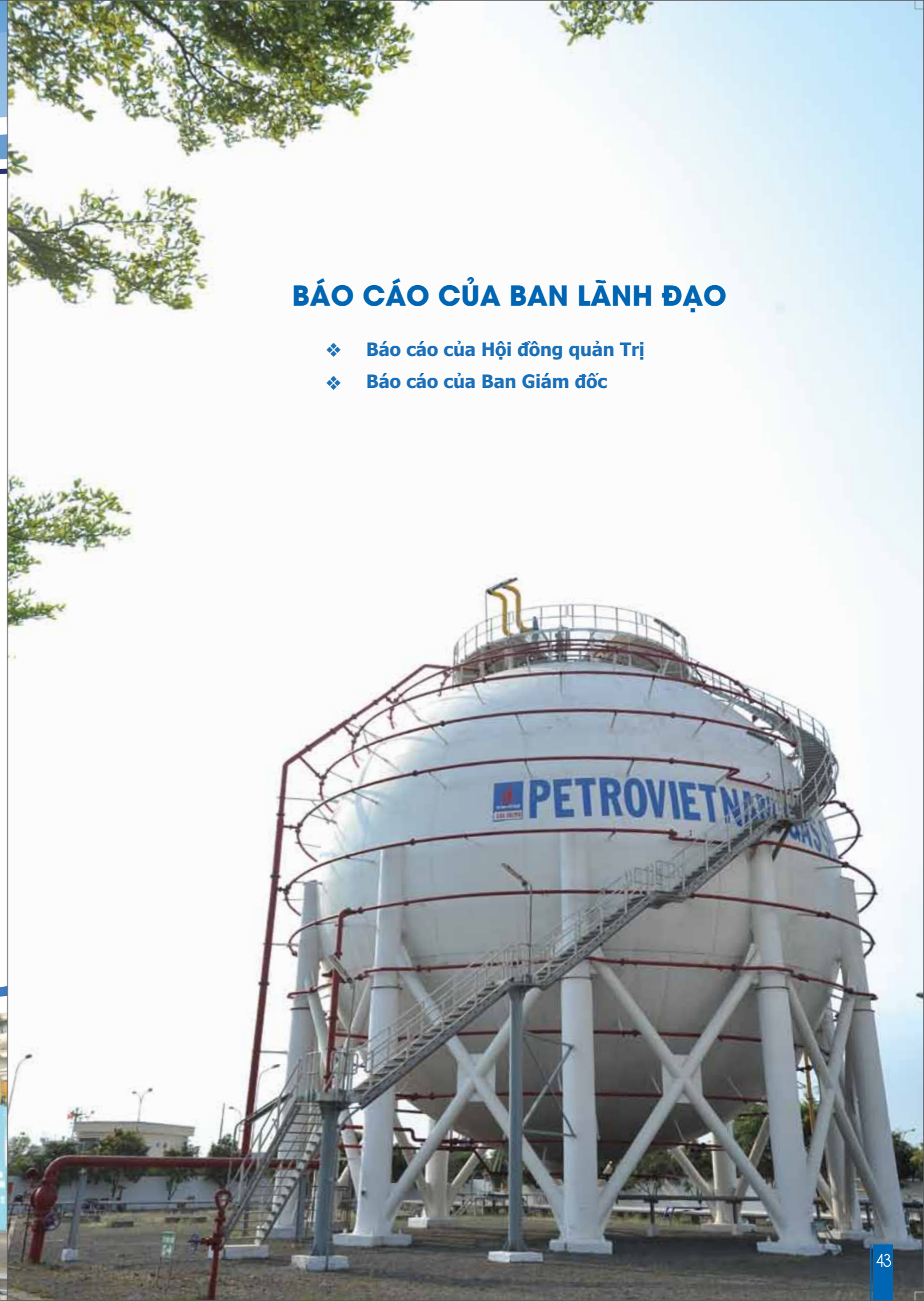
**Các chỉ số về khả năng thanh toán:** Các chỉ số về khả năng thanh toán khá ổn định, hệ số thanh toán hiện hành tại thời điểm cuối năm 2014 là 1,01 lần so với mức 1,06 lần tại thời điểm cuối năm 2013. Các hệ số thanh toán nhanh và thanh toán bằng tiền giảm so với thời điểm năm 2013 là do tại thời điểm năm 2014 các dự án đầu tư và thanh toán tiền hàng nên nhu cầu thanh toán giảm đến mức thấp nhất, do đó lượng tiền mặt tồn quỹ giảm. Đặc biệt, khả năng trả lãi vay của Công ty tăng mạnh so với cùng kỳ do cơ cấu nguồn vốn vay được tiết giảm ở mức tối ưu và chi phí lãi vay giảm mạnh theo xu hướng của thị trường.

**Tỷ suất hoạt động:** Kỳ trả tiền bình quân của Công ty luôn ở mức cao do nhận được sự hỗ trợ từ Công ty mẹ là PV Gas điều này tạo ra lợi thế trong việc luân chuyển vốn lưu động của PV Gas South. Trong năm, kỳ thu tiền bình quân đã tăng là do PV Gas South nới lỏng chính sách bán hàng của mình để cạnh tranh với các Công ty kinh doanh LPG cùng ngành trong giai đoạn nền kinh tế còn khó khăn để giữ thị phần.

**Tỷ lệ trả cổ tức 2014:** Mức cổ tức năm 2014 sẽ được trả theo phương án phân phối lợi nhuận được quyết định tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2015, nếu được ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 thông qua, mức cổ tức cho cả năm 2014 sẽ là 15% bằng tiền mặt (trong đó 10% trên vốn điều lệ cũ 380 tỷ đồng (đã tạm ứng) và 5% trên vốn điều lệ mới là 500 tỷ đồng).

## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

- ❖ Báo cáo của Hội đồng quản Trị
- ❖ Báo cáo của Ban Giám đốc



# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Đánh giá tình hình kinh doanh năm 2014

### Kết quả sản xuất kinh doanh:

Nhìn chung, kết quả hoạt động SXKD năm 2014 của PV Gas South đều đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đặc biệt mức tăng trưởng sản lượng khí CNG đạt kết quả tăng vượt bậc trên 13% so với năm 2013 và vượt cao so với kế hoạch trong bối cảnh ngành còn nhiều khó khăn.

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2014 đã thể hiện trách nhiệm cao của Hội đồng quản trị trong công tác quản lý, từ đó đưa ra những nhận định kế hoạch kinh doanh kịp thời, sát với thực tế, đồng thời tổ chức chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông giao một cách khoa học, nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty cũng như các cổ đông. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2014, Ban quản trị đã thông qua các Nghị quyết liên quan đến công tác đầu tư xây dựng cơ bản và hoàn thành các công việc trong kế hoạch, đáp ứng được tiến độ đề ra, đảm bảo chất lượng, an toàn PCCC và đưa vào khai thác đạt hiệu quả, cụ thể như:

- Hoàn thành và đưa vào hoạt động dự án Di dời Nhà máy Bình khí Dầu khí.
- Hoàn thành việc quyết toán dự án Cung cấp CNG cho phương tiện GTVT.
- Hoàn thành việc mua lại toàn bộ phần vốn góp của công ty PTT tại VT-Gas.
- Hoàn thành việc mua sắm 10 modules chở CNG, đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng.

### Trong năm 2014 Công ty đạt được những tiến độ trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản như sau:

Các dự án đang triển khai thi công đáp ứng được tiến độ đề ra, đảm bảo chất lượng, an toàn PCCC và đưa vào khai thác đạt hiệu quả.

Đời sống, thu nhập cán bộ công nhân viên ổn định tạo nên không khí làm việc phấn khởi, thoải mái và ổn định trong công việc.

### Tài chính, nguồn vốn

Trong năm 2014, HĐQT cũng đã thông qua việc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ từ 380 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng nhằm mục đích cơ cấu lại nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty. Việc tăng vốn này là cần thiết để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và quy mô Công ty ngày càng lớn mạnh.

### Tổ chức và nhân sự

Hội đồng quản trị luôn chú ý xây dựng các chính sách về tổ chức và nhân sự sao cho phát huy được tối đa tiềm năng nguồn lực - tiềm năng đóng vai trò quyết định trong sự phát triển và thành công của Công ty. Trong năm 2014, tiền lương bình quân của CBCNV của Công ty là **13,10 triệu đồng**.

Đồng thời cũng chú trọng tổ chức các đợt huấn luyện đào tạo nhằm nâng cao tay nghề và trình độ của người lao động. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ nhân viên bằng cách luôn đảm bảo chế độ lương thưởng, phúc lợi cho người lao động.

Mô hình tổ chức và nhân sự của Công ty ngày càng được hoàn thiện chặt chẽ để nâng cao chất lượng vận hành toàn bộ bộ máy sản xuất kinh doanh.

### Quản trị rủi ro

Trong quá trình sản xuất kinh doanh đặc biệt là kinh doanh ngành khí không thể tránh khỏi một số rủi ro, bao gồm các rủi ro chung của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tình hình tài chính như lãi suất, chênh lệch tỷ giá... Bên cạnh đó còn có một số rủi ro khác thuộc về đặc trưng ngành như mức độ cạnh tranh, các sự cố về cháy nổ, khả năng tiêu thụ... Những rủi ro này có xác suất xảy ra cao và sẽ tạo ảnh hưởng không tốt thậm chí là nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty nếu không có phương pháp quản trị phù hợp.

Nhận thức được điều này, Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả bằng cách nhận định rõ những nguy cơ phải đối mặt đồng thời có phương pháp quản trị hiệu quả cho từng loại rủi ro nhằm phòng tránh và giảm thiểu đến mức thấp nhất những thiệt hại ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

### Những bài học kinh nghiệm trong năm 2014

- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Tập đoàn/Tổng Công ty Khí. Xây dựng, phổ biến, quán triệt thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chương trình hành động của Công ty đến tất cả CBCNV.

- Xác định đúng các nhiệm vụ trọng tâm để tập trung nguồn lực thực hiện.

- Đảm bảo hiệu quả trong kinh doanh LPG, CNG. Xây dựng kế hoạch, tổ chức và khai thác hiệu quả hệ thống kho chứa, trạm chiết nạp của Công ty.

- Đoàn kết nhất trí trong tập thể lãnh đạo và CBCNV vì mục tiêu phát triển chung của PV Gas South. Tăng cường kiểm tra giám sát các chi nhánh, đơn vị để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, tạo điều kiện tốt nhất để các đơn vị thực hiện những nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng, đưa Nghị quyết của Đảng các cấp vào thực tiễn. Phát huy tốt vai trò của tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên trong việc nâng cao sức mạnh của đội ngũ cán bộ Đảng viên và CBCNV trong toàn Công ty.

- Động viên khen ngợi kịp thời các nhân tố tích cực, quan tâm tới đời sống vật chất tinh thần của CBCNV.

### Đánh giá về hoạt động của Ban Giám Đốc

- Năm 2014, trong bối cảnh kinh tế khó khăn, HĐQT đã sát cánh cùng Ban điều hành kịp thời đưa ra những quyết sách linh hoạt đảm bảo mục tiêu "Tăng trưởng bền vững - Hiệu quả hợp lý". Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, trong năm Ban Giám đốc đã:

- Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đã tổ chức điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông và sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

- Giám đốc và cán bộ quản lý đã nỗ lực rất cao để quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, hệ thống quản lý hoạt động khá nhịp nhàng đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc.

Tuy nhiên, Ban điều hành cần tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý, công tác đầu tư theo đúng quy trình quy định của pháp luật, theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.



# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

## Đánh giá tình hình kinh doanh năm 2014

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, phục hồi chậm hơn dự báo. Tình hình kinh tế trong nước giai đoạn hiện nay tuy có dấu hiệu phục hồi nhưng cơ bản vẫn ở mức khiêm tốn và còn nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng không tích cực của giai đoạn khủng hoảng kéo dài trước đây, sức cầu của thị trường vẫn còn quá yếu sẽ hạn chế phần nào tốc độ tăng trưởng nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp nói riêng.

Năm 2014 còn là một năm đầy thách thức đối với Công ty với: 1. Giá dầu thô từ tháng 10/2014 đến nay suy giảm mạnh không theo quy luật (giá dầu Brent trung bình giảm xuống mức dưới 60 USD/thùng vào giữa tháng 12/2014 – mức thấp nhất trong 5 năm gần đây...) đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của hai ngành là LPG và CNG tại PV Gas South; 2. Việc gia tăng sản lượng khí CNG ngày càng chịu sự cạnh tranh lớn từ các nhiên liệu thay thế do một số khách hàng chuyển sang sử dụng than, biomass...với giá thành rẻ hơn để tiết kiệm chi phí...; 3. Bên cạnh đó, khó khăn về nguồn hàng LPG cũng khiến cho việc bán hàng và chi phí trong năm đã tăng cao.

Mặc dù tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn như đã đề cập ở trên. PV Gas South đã nỗ lực, quyết tâm với những giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu, kế hoạch đề ra có thể điểm qua như sau:

- Tăng cường công tác dự báo thị trường để thu xếp nguồn hàng, cân đối tồn kho và tiêu thụ hàng, đưa ra quyết định thời điểm mua/bán kịp thời.
- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm khách hàng, phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ khí tạo cơ sở gia tăng sản lượng.
- Lãnh đạo PV Gas South thường xuyên làm việc với các đơn vị, chi nhánh trực thuộc để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh của từng đơn vị, chi nhánh.
- Công ty thực hiện việc tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm từ những kết quả đạt được năm 2013 để đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2014.
- Sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV, sự chỉ đạo sát sao của HĐQT Công ty và sự quan tâm hỗ trợ thường xuyên của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty mẹ.

**Kết quả là, PV Gas South đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2014:**

- Sản lượng kinh doanh LPG: 236.893 tấn, đạt 102,55% kế hoạch.
- Sản lượng kinh doanh CNG: 159,34 triệu m<sup>3</sup>, đạt 114,70% kế hoạch.
- Tổng doanh thu: 7.658 tỷ đồng, đạt 114,20% kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 246,61 tỷ đồng, đạt 126,92% kế hoạch.

### Tình hình tài chính:

#### Cơ cấu tài sản

#### Tổng tài sản và nguồn vốn Đvt: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2013	2014
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.069,73</b>	<b>3.202,55</b>
Tiền/đầu tư tài chính ngắn hạn	662	660
TS ngắn hạn khác (Khoản phải thu, hàng tồn kho)	1.077	1.186
Tài sản dài hạn	1.330	1.357
Phải trả người bán và khác	1.631	1.821
Nợ vay	537	440
Vốn chủ sở hữu	902	942

### Tình hình tài chính:

#### Cơ cấu Tổng tài sản và nguồn vốn

#### Cơ cấu tổng nguồn vốn Đvt: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2013	2014
Tài sản dài hạn	43,34%	42,37%
Tiền và các khoản tương đương tiền	21,56%	20,60%
Hàng tồn kho	6,65%	5,75%
Khoản phải thu	26,67%	28,66%
Tài sản ngắn hạn khác	1,78%	2,62%
Nợ ngắn hạn	53,65%	57,08%
Nợ dài hạn	9,19%	7,49%
Nguồn vốn chủ sở hữu	29,37%	29,40%
Lợi ích cổ đông thiểu số	7,79%	6,03%



## KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2015

Với kết quả thực hiện năm 2014 và năng lực hiện nay của PV Gas South, HĐQT đã đề ra các mục tiêu nhiệm vụ và kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2015 của PV Gas South như sau:

	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2015
I	Sản lượng CNG	m <sup>3</sup>	150.000.000
II	Sản lượng LPG	Tấn	219.000
-	LPG rời	Tấn	64.000
-	LPG bình	Tấn	155.000
III	Vỏ bình mới	Vỏ	340.000
IV	Sản lượng xăng dầu	Lít	3.900.000
V	Doanh thu	Tỷ đồng	7.078,50
VI	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	224,10
VII	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	155,50
VIII	Cổ tức	0%	14

Nhìn chung, PV Gas South luôn duy trì được cơ cấu tài sản – nguồn vốn cân đối, hiệu quả và ổn định. Tính đến cuối năm 2014, tổng tài sản Công ty đạt 3.202 tỷ đồng, tăng 132 tỷ đồng, tương đương tăng 4,33% so với năm ngoái. Về mặt cơ cấu, tổng tài sản tăng chủ yếu là tài sản ngắn hạn với giá trị tăng 106 tỷ đồng (phần lớn là từ khoản phải thu khách hàng) và đạt khoảng 1.845 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 57,63%. Giá trị tài sản dài hạn tăng không đáng kể với giá trị ròng tăng thêm là 26 tỷ đồng tương ứng đạt 1.357 tỷ đồng và chiếm 42,37% tổng tài sản do trong năm Công ty đã đầu tư thêm tài sản cố định với giá trị 274 tỷ đồng (hoàn tất việc góp vốn vào VT-Gas) tuy nhiên giá trị khấu hao cũng tăng lên đáng kể khoảng 248 tỷ đồng nên phần tăng thêm từ tài sản dài hạn là không lớn.

Trong cơ cấu nguồn vốn thì tỷ lệ vốn chủ sở hữu ổn định qua từng năm, năm 2014 tỷ lệ này đạt 29,4% với giá trị là 942 tỷ đồng tăng 4,42% so với cùng kỳ. Tại thời điểm cuối năm 2014, cơ cấu nợ phải trả chiếm tỷ trọng cao trong tổng nguồn vốn với 64,57% và đạt 2.068 tỷ đồng tăng 7,20% so với năm 2013. Điều này phản ánh hoạt động kinh doanh của PV Gas South, với đặc điểm kinh doanh thương mại, Công ty cần nhiều vốn trong ngắn hạn để phục vụ nhu cầu vốn lưu động. Trong đó, Công ty có xu hướng trả bớt nợ vay từ 17,50% trên tổng nguồn vốn năm 2013 xuống còn 13,73% trong năm 2014. Tổng dư nợ vay đến cuối năm 2014 đạt 440 tỷ đồng giảm 18% so với năm trước, trong đó vay ngắn hạn và dài hạn chiếm tỷ lần lượt 9,84% và 3,98% trên tổng nguồn vốn nhưng tăng các khoản mục phải trả cao hơn năm 2013 từ 36,93% lên 44,48% năm 2014 nhờ sự hỗ trợ của Công ty mẹ - PV Gas để tài trợ cho vốn lưu động.

### Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Mặc dù năm 2014 kinh doanh LPG và tình hình kinh tế có nhiều khó khăn nhưng tập thể CBCNV PV Gas South đã nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ kế hoạch được giao.

- Các dự án đang triển khai thi công đáp ứng được tiến độ đề ra, đảm bảo chất lượng, an toàn PCCC và đưa vào khai thác đạt hiệu quả.

- Đời sống, thu nhập của cán bộ công nhân viên ổn định tạo nên không khí làm việc phấn khởi, thoải mái và ổn định trong công việc.

- Bên cạnh những thành tích đạt được nêu trên, hoạt động kinh doanh bán lẻ LPG của PV Gas South tăng trưởng chưa cao để tương xứng với cơ sở vật chất và sự hỗ trợ của Tập đoàn/Tổng Công ty.

### Kế hoạch đầu tư

Tổng mức đầu tư cho xây dựng cơ bản năm 2015 được duyệt là 158,82 tỷ đồng. Bao gồm các hạng mục đầu tư chính như sau:

1. Bắt đầu triển khai việc di dời Kho và trạm chiết LPG tại Đồng Nai của công ty VT-Gas.
2. Tập trung nâng cấp, cải tạo các kho và trạm chiết LPG, trạm mẹ CNG nhằm tăng cường công tác an toàn và nhu cầu sử dụng.
3. Tiến hành di dời Trạm LPG tại Nha Trang và trạm LPG tại Đắk Lắk.
4. Chuẩn bị các thủ tục đầu tư Trạm chiết LPG tại Cà Mau.

### Mục tiêu nhiệm vụ

- Vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo công tác an ninh an toàn các kho, trạm LPG, CNG hiện có của Công ty.

- Nghiên cứu, khắc phục những điểm yếu trong năm 2014, phát huy những thế mạnh sẵn có để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra cho năm 2015.

- Cùng Tổng Công ty tập trung xây dựng và phát triển thương hiệu PETROVIETNAM GAS ngày càng lớn mạnh và có uy tín trên thị trường.

- Tiếp tục công tác giữ vững và mở rộng thị trường, chú trọng xây dựng hệ thống bán lẻ LPG để hạn chế tối đa chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh.

- Ký kết và thực hiện hợp đồng sản xuất bình 20kg cho đối tác nước ngoài để xuất khẩu, khai thác hiệu quả dây chuyền sản xuất bình 20kg.

- Quán triệt nghiêm túc chỉ đạo của Tập đoàn, Tổng Công ty về các công tác tăng cường hiệu quả, sản xuất kinh doanh an toàn, chất lượng và có sự liên kết với các thành viên trong Tập đoàn để phát huy cao nhất giá trị nội lực.

- Thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư theo Quyết định số 179/QĐ-KVN ngày 5/9/2014 về việc ban hành quy trình thực hiện giám sát và đánh giá trực tiếp dự án đầu tư.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Công ty giao.

**Để thực hiện thành công các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2015, HĐQT xây dựng phương hướng, biện pháp cụ thể như sau:**

#### **Về công tác quản lý**

HĐQT chỉ đạo Công ty và triển khai công tác quản lý tập trung vào những việc lớn sau:

- Bám sát diễn biến giá dầu năm 2015 để có giải pháp kịp thời ứng phó với những biến động xấu nhất của giá dầu từng thời điểm trong năm 2015.

- Tập trung chỉ đạo hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2015 được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Làm việc với Ban Giám đốc, các Chi nhánh, các đơn vị để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ năm 2015.

- Tiếp tục công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Điều hành, các chi nhánh và các đơn vị trực thuộc.

#### **Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản**

- Tập trung di dời Kho và trạm chiết LPG tại Đồng Nai của công ty VT-Gas, do đến 2015 hợp đồng thuê đất giữa VT-Gas và Cảng Đồng Nai hết hiệu lực.

- Tập trung nâng cấp, cải tạo một số Kho, Trạm chiết LPG và trạm nén CNG để đáp ứng các yêu cầu về an toàn, bảo trì bảo dưỡng công trình và đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh.

#### **Các công tác khác**

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và bất thường, gồm 4 phiên họp thường kỳ trong 4 quý và các phiên họp bất thường khác nếu có. Ở các phiên họp này HĐQT sẽ nghe các báo cáo, kiến nghị của Giám đốc. Thảo luận, thông qua các báo cáo, đề án, dự án, kế hoạch, chính sách... trong hoạt động SXKD của Công ty.

- Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Các thành viên HĐQT thảo luận và thông qua các nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp qua việc nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và phiếu ý kiến bằng văn bản.



#### **Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2015**

Với những khó khăn trong năm 2014 và dự báo sẽ tiếp tục trong những năm tới. Ban Giám Đốc đang cân nhắc tình hình thị trường và mặt bằng giá các loại nhiên liệu, tránh tình trạng khách hàng chuyển sang sử dụng nhiên liệu khác trên nguyên tắc đảm bảo lợi nhuận cho Công ty và ổn định sản xuất cho khách hàng. Đồng thời tiếp tục phát triển dịch vụ và công tác hỗ trợ nhằm tạo ra điều kiện tốt nhất cho các khách hàng đã nhận khí. Phấn đấu tiếp tục phát huy các ưu điểm, hạn chế tối đa các khó khăn để tổ chức thực hiện thành công các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2015.

Để thực hiện tốt mục tiêu trên, Ban Giám đốc đã đưa ra một số giải pháp lớn sau đây:

#### **+ Trong kinh doanh:**

##### **Đối với kinh doanh LPG:**

- Chủ động cân đối nguồn hàng hợp lý về các kho, trạm chiết, đảm bảo tránh tình trạng tồn kho.

- Làm việc với khách hàng, đảm bảo khách hàng nhận hàng đúng khối lượng cam kết, tính toán đưa ra mức chiết khấu khuyến khích mua hàng, hạ giá bán, áp dụng giá bán linh hoạt để tăng tính cạnh tranh trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh doanh chung cho toàn Công ty.

- Tăng cường, tập trung công tác bán lẻ LPG tại khu vực thị trường PV Gas South quản lý, chú trọng mở các cửa hàng bán lẻ trực tiếp, giảm thiểu bán LPG ở các khâu trung gian để tăng hiệu quả kinh doanh.

- Ký kết và thực hiện hợp đồng sản xuất bình 20kg cho đối tác nước ngoài để xuất khẩu, khai thác hiệu quả dây chuyền sản xuất bình 20kg.

- Cùng Tổng Công ty tập trung xây dựng và phát triển thương hiệu PETROVIETNAM GAS ngày càng lớn mạnh và có uy tín trên thị trường.

##### **Đối với kinh doanh CNG:**

- Xu hướng giá dầu giảm là một trong những thách thức lớn nhất đối với PV Gas South trong việc xây dựng giá bán phù hợp đối với khách hàng nhưng vẫn đảm bảo được mức lợi nhuận hợp lý cho Công ty.

- Đàm phán áp dụng mức giá sàn, giảm mức chiết khấu cho các khách hàng đang ký hợp đồng thả nổi theo giá LPG và giá FO.

- Tiếp tục đầu tư hạ tầng cơ sở CNG, tiếp tục nghiên cứu, duy trì và phát triển ứng dụng của khí CNG trong giao thông vận tải và trong lĩnh vực công nghiệp... thay thế cho các loại nhiên liệu khác.

- Nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, tiêu thụ LNG (cho giao thông vận tải cũng như công nghiệp), góp phần đưa LNG vào sử dụng như một dòng sản phẩm mới của Công ty.

#### **+ Về tài chính:**

- Kiểm soát chặt chẽ giá thành, giá vốn đảm bảo chất lượng và giá sản phẩm hàng hóa, dịch vụ ở mức hợp lý. Tổ chức kiểm tra, giám sát để chấn chỉnh những vấn đề phát sinh.

- Rà soát lại các chi phí hoạt động để giảm chi phí và có thể giảm giá bán nhằm tăng khả năng cạnh tranh với các thương hiệu khác và tăng hiệu quả kinh doanh.

#### **+ Về tổ chức, quản lý:**

Cải tiến công tác nghiên cứu phát triển. Kiểm soát chi phí, đặc biệt chi phí gián tiếp. Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Khoán chi phí xuống từng đơn vị, phòng/ban. Dịch chuyển cơ cấu biên chế. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế lương, thưởng theo năng lực, hiệu quả để đảm bảo công bằng và tạo động lực cho người lao động. Đặt tiêu chí hiệu quả thiết thực lên hàng đầu.



## GIỚI THIỆU CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

- ❖ Các công ty có liên quan
- ❖ Hệ thống phân phối



## CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

### Đơn vị trực thuộc

#### 1. Chi nhánh Đồng Nai:

- Địa chỉ: Cảng Gò Dầu A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 3543.949 - Fax: (061) 3543.948
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Trần Văn Nghị (Kiêm nhiệm)

#### 2. Chi nhánh Cần Thơ:

- Địa chỉ: Lô II.5, II.6 KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ
- Điện thoại: (0710) 3.843.064 / 3.843.067 - Fax: (0710) 3.843.063 / 3.843.066
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Lê Xuân Hòa

#### 3. Chi nhánh Tiền Giang:

- Địa chỉ: Cụm CN, Tiểu thủ CN Tân Mỹ Chánh, P. 9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang
- Điện thoại: (073) 3958.455 - Fax: (073) 3958.445
- Phó Giám đốc phụ trách: Ông Lê Xuân Hòa (Kiêm nhiệm)

#### 4. Chi nhánh Vĩnh Long:

- Địa chỉ: 138C Đinh Tiên Hoàng, P. 8, Thị xã Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại: (070) 3877.276 - Fax: (070) 3877.276
- Phó Giám đốc phụ trách: Ông Lê Xuân Hòa (Kiêm nhiệm)

#### 5. Chi nhánh Cà Mau:

- Địa chỉ: 18/4 Lý Thường Kiệt, P. 6, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Điện thoại: (0780) 3552.991 - Fax: (0780) 3552.991
- Phó Giám đốc phụ trách: Ông Lê Xuân Hòa (Kiêm nhiệm)

#### 6. Chi nhánh Nha Trang:

- Địa chỉ: 157 Tổ 2, P. Xóm Núi, Xã Vinh Phương, TP. Nha Trang
- Điện thoại: (058) 3725.112 / 3725.222 - Fax: (058) 3725.113
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Hoàng Thanh Vân

#### 7. Chi nhánh Ninh Thuận:

- Địa chỉ: 414 Ngô Gia Tự, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Hoàng Thanh Vân (Kiêm nhiệm)

#### 8. Chi nhánh Quảng Ngãi:

- Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Petrosetco, 01 An Dương Vương, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
- Điện thoại: (055) 3718.182 / 3718.183 - Fax: (055) 3718.185
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Phạm Tiến Mạnh

#### 9. Chi nhánh Bình Định:

- Địa chỉ: Lô D601, Khu CN Nhơn Hội A, Xã Nhơn Hội, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Điện thoại: (056) 3590.168 - Fax: (056) 3590.169
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Phạm Tiến Mạnh (Kiêm nhiệm)

#### 10. Chi nhánh Gia Lai:

- Địa chỉ: Lô D4 Khu công nghiệp Trà Đa, Xã Trà Đa, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (059) 3735.678 - Fax: (059) 3735.123
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Đào Văn Thủy

#### 11. Chi nhánh Đắk Lắk:

- Thôn 8, Xã Hòa Phú, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại: (0500) 3949.123 - Fax: (0500) 3842.842
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Nguyễn Đức Tuấn

#### 12. Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh PV Gas South

- Địa chỉ: Lô A - 208, A - 209, A - 210, KCN dệt may Nhơn Trạch, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 3566.051 - Fax: (061) 3566.052
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Vũ Văn Thực (Kiêm nhiệm)

## Công ty con

### Công ty CP CNG Việt Nam (CNG VietNam)

- **Địa chỉ:** Lầu 7 Gas Tower, Số 61B đường 30/4, P. Thăng Nhất, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- **Điện thoại:** (84.64). 3574 635 - Fax: (84.59). 3574619
- **Nhà máy:** Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Đường số 15, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
- **Website:** www.cng-vietnam.com
- **Chủ tịch HĐQT:** Ông Vũ Tuấn Ngọc
- **Giám đốc:** Ông Đặng Văn Vĩnh
- **Tỉ lệ sở hữu: 55,20%**

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (CNG VietNam) được thành lập vào ngày 28/05/2007 bởi các cổ đông là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South), Tổng Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí (DMC), Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp (PV Gas D) trong PVN và một số các công ty khác của Việt Nam như Habu Bank, IEV Energy (Malaysia), Sơn Anh... CNG VietNam chuyên sản xuất, vận chuyển, phân phối CNG để cung cấp cho các nhà máy có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến; phục vụ cho các khu chung cư và được sử dụng như là nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải.

Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG VietNam đặt tại KCN Phú Mỹ 1, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu m<sup>3</sup> khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đưa vào vận hành từ 03/9/2008. Nhà máy đang từng bước phát triển mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng theo từng giai đoạn và đạt mục tiêu nâng công suất lên 100 triệu m<sup>3</sup> khí/năm vào năm 2015. Hiện công suất của nhà máy là 70 triệu m<sup>3</sup> khí/năm.

CNG VietNam là khởi nguồn tiên phong trong việc phổ biến sản phẩm CNG tại Việt Nam, là giải pháp công nghệ tiên tiến **"ĐEM NGUỒN NĂNG LƯỢNG SẠCH TỚI MỌI NƠI"** sẽ giúp các Doanh nghiệp giảm chi phí nhiên liệu, góp phần bảo vệ môi trường.

### Kết quả kinh doanh năm 2014 của CNG VietNam

STT	CHỈ TIÊU	ĐV tính	KH 2014	TH 2014	%TH14/KH14	KH 2015
1	Sản lượng CNG	Triệu m <sup>3</sup>	70	75	107,14%	75
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.016	1.101	108,37%	1.081,70
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	122	130	106,59%	136

### Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-Gas)

- **Địa chỉ:** Cảng Đồng Nai, P. Long Bình Tân, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- **Điện thoại:** (84.61) 3831 988 - Fax: (84.61) 3832 008
- **Văn phòng đại diện:** Phòng 606, tòa nhà Waseco, 10 Phố Quang, P.2, Q. Tân Bình, TP. HCM
- **Điện thoại:** (84.8) 3997 6821 - Fax: (84.8) 3997 6823
- **Website:** www.VT-Gas.com.vn
- **Giám đốc:** Ông Đào Đình Thiêm
- **Tỉ lệ sở hữu: 100%**

Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-Gas) được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 816/GP ngày 04/03/1994 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư với tổng vốn đầu tư là 15 triệu USD gồm các bên liên doanh: Công ty CPKD Khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South) góp 55% cổ phần, Ủy ban Dầu khí Quốc gia Thái Lan (PTT) – Thái Lan góp 45% cổ phần. Trong năm 2014, Công ty mẹ đã hoàn tất việc mua lại 45% phần vốn góp từ Công ty PTT Public và sở hữu 100% vốn góp (năm 2013: 55%) tại Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam. Theo đó, chuyển Công ty TNHH Kinh doanh Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-Gas) thành Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam và thông qua việc bổ nhiệm nhân sự tại Công ty VT-Gas.

Được hình thành từ hai Tập đoàn Dầu khí có uy tín và tầm cỡ quốc tế, với công nghệ và thiết bị hiện đại, hệ thống quản lý đạt chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, ISO 14001:2005 và OHSAS 18001:2007, VT-Gas chuyên cung cấp sản phẩm Khí hóa lỏng LPG với chất lượng cao cho các ngành công nghiệp và nhà hàng-khách sạn. Sản phẩm LPG gồm hỗn hợp Butan/Propan với tỷ lệ tối ưu 50%/50% cho nhiệt trị cao >11.000Kcal/kg. Với hệ thống bồn chứa trên 1.000 tấn và nguồn hàng ổn định, VT-Gas luôn đáp ứng mọi nhu cầu về LPG dân dụng, căn tin, nhà hàng và cho các ngành công nghiệp như: gốm sứ, sắt thép, nhôm, nhựa, sơn, chế biến thực phẩm...

VT-Gas cung cấp hệ thống bồn chứa LPG, hệ thống bình 45kg với thiết bị của các hãng nổi tiếng trên thế giới, đạt chuẩn quốc tế, có chứng nhận của cơ quan kiểm định độc lập đạt độ an toàn cao. Cùng với đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm, công nhân kỹ thuật lành nghề, VT-Gas sẵn sàng tư vấn, thiết kế lắp đặt, bảo trì và hướng dẫn khách hàng sử dụng hệ thống an toàn và hiệu quả.





**Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông - PV Gas Saigon**

- **Địa chỉ:** 45-47 Nguyễn Kiệm, P. 3, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- **Điện thoại:** (84.8). 6295 5608 - Fax (08) 3894 1550
- **Giám đốc:** Ông Nguyễn Hải Long
- **Tỉ lệ sở hữu:** 100%

Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông (PV Gas Saigon) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 28/07/2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. PV Gas South sở hữu 100% vốn góp tại PV Gas Saigon. Công ty con này được hình thành từ việc hợp nhất các chi nhánh Sài Gòn, Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Phước của Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng miền Nam và hai công ty con được mua vào ngày 01/08/2011, là Công ty TNHH MTV Dầu khí Anpha Tây Nguyên và Công ty TNHH MTV Dầu khí Anpha Tây Ninh. Việc chuyển giao tài sản cho công ty con này được thực hiện vào ngày 01/10/2011.

**HỆ THỐNG PHÂN PHỐI**

Mạng lưới phân phối rộng lớn, trải đều khắp các tỉnh thành trong cả nước là một trong những lợi thế cạnh tranh hàng đầu của PV Gas South trên thị trường. Nhận thức được tầm quan trọng của yếu tố này, Công ty đã có những phương hướng đầu tư hiệu quả, nâng cao chất lượng của hệ thống phân phối. Không chỉ xây dựng và phát triển các hệ thống phân phối, Công ty còn chú trọng triển khai phát triển hạ tầng cho hệ thống phân phối thông qua các hoạt động như đầu tư mua các kho, cảng có vị trí chiến lược tại các vùng miền để hỗ trợ tốt nhất và kịp thời cho các hoạt động bán hàng và phân phối sản phẩm đến tay người tiêu dùng.

Hệ thống phân phối của Công ty đến nay đã phủ kín các tỉnh thành phía Nam, tạo sức mạnh toàn hệ thống trong việc thoả mãn tốt nhu cầu của khách hàng trong tương quan với các đối thủ cạnh tranh. Hiện sản phẩm của PV Gas South được cung cấp qua các kênh sau:

- **Kênh 1:** Cho các Tổng Đại lý để các đơn vị này cung cấp ra thị trường - hiện chiếm 45% sản lượng.
- **Kênh 2:** Cung cấp trực tiếp sản phẩm tới các đại lý tự do - hiện chiếm 25% sản lượng.
- **Kênh 3:** Cho các khách hàng công nghiệp, yêu cầu đơn vị cung cấp LPG phải đầu tư hệ thống cung cấp LPG, trợ giúp kỹ thuật thường xuyên, kịp thời với giá cả cạnh tranh - chiếm 15% sản lượng bán ra.
- **Kênh 4:** Cung cấp trực tiếp cho các cửa hàng trực thuộc để cung cấp cho khách hàng. Lượng bán hàng qua kênh này hiện chiếm tỷ lệ không đáng kể. Kênh phân phối này hướng tới các thị trường lớn để tranh thủ cạnh tranh về giá cả như: Cần Thơ, Quảng Ngãi, Nha Trang, Miền Đông.

**Thống kê các Đại lý, Tổng Đại lý và Cửa hàng tại PV Gas South hiện nay**

Địa điểm	Đại lý	Tổng Đại lý	Cửa hàng
Cần Thơ	43	11	6
Quảng Ngãi	120	1	1
Nha Trang	62	14	3
Đắk Lắk	34	12	0
Miền Đông	114	46	9
VT-Gas	44	34	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>417</b>	<b>108</b>	<b>19</b>



## CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

- ❖ Hoạt động Hội đồng quản trị
- ❖ Hoạt động Ban Kiểm soát
- ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BKS và BGD
- ❖ Thông tin cổ đông
- ❖ Quản trị rủi ro

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2 gồm 5 thành viên, đã được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 vào ngày 20/04/2012 và do có sự thay đổi nhân sự trong năm 2014 nên Công ty đã trình ĐHCĐ bất thường thông qua một số sự thay đổi nhân sự trong năm 2014.

Hiện các thành viên HĐQT tại Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT, 02 thành viên kiêm nhiệm trong Ban Điều hành, 1 thành viên chuyên trách và 01 thành viên HĐQT độc lập. Cơ cấu thành viên HĐQT năm 2014 như sau:

- 1/ Ông Đỗ Tấn – Chủ tịch HĐQT
- 2/ Ông Vũ Quý Hiệu – TV HĐQT kiêm GD
- 3/ Ông Vũ Văn Thực – TV HĐQT kiêm Phó GD
- 4/ Bà Nguyễn Minh Ngọc – TV HĐQT
- 5/ Ông Hà Anh Tuấn – TV HĐQT độc lập.

### Hoạt động trong năm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị tổ chức 06 cuộc họp HĐQT và lấy phiếu ý kiến 16 lần, đã ban hành 25 Nghị quyết và 44 Quyết định của HĐQT PV Gas South để quản lý và điều hành Công ty. Ngoài ra, HĐQT đã tiến hành các hoạt động giám sát đối với Ban Giám đốc thông qua các quyết định giao nhiệm vụ cụ thể và thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên theo quy chế của Công ty. HĐQT đã thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất để theo dõi, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại các cuộc họp hoặc phối hợp cùng Ban Giám đốc xử lý, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thông qua việc thường xuyên kiểm tra công tác điều hành của Ban Giám đốc, HĐQT đã chỉ đạo sát sao, giám sát và hỗ trợ việc thực thi các nghị quyết,

quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các chế độ kiểm tra, báo cáo, các buổi họp và làm việc với Ban điều hành cũng như tại các phiên họp HĐQT.

### Những cố gắng và nỗ lực đó đã mang lại những thành quả sau:

- Hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2014. Trong đó mục tiêu đầu tư phát triển thị trường CNG công nghiệp và giao thông vận tải đạt được những kết quả khả quan, với sản lượng năm 2014 đạt 159,33 triệu m<sup>3</sup> (PV Gas South 84,71 triệu m<sup>3</sup>; CNG Việt Nam 74,62 triệu m<sup>3</sup>) vượt 14,67% so với kế hoạch năm 2014 và tăng 13,21% so với năm 2013. Bám sát mục tiêu kế hoạch và chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

- Tiến hành thuận lợi việc di dời Nhà máy Bình khí Dầu khí từ Trảng Bom về Nhơn Trạch đưa nhà máy vào hoạt động ổn định. Hoàn thành việc lắp đặt dây chuyền sản xuất bình 20kg để xuất khẩu sang Korea.

- Hoàn thành việc mua 10 Modules và đưa vào sử dụng 01 trạm con tại Đại học Quốc Gia và chuyển đổi thêm gần 100 xe taxi đảm bảo khả năng cung cấp CNG cho khách hàng công nghiệp và cho các phương tiện GTVT.

Đánh giá chung về công tác này, HĐQT đã luôn hướng tới các chuẩn mực quản trị công ty cổ phần, công tác này thực tế trong năm qua đã đạt kết quả, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đốc thúc của HĐQT đã giúp Ban Điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT nhanh chóng kịp thời hơn, đồng thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định và đạt hiệu quả.



## Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2014

Thời gian	Số nghị quyết	Nội dung
<b>Quý 1/2014</b>	1	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2013 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014;
	2	Thông qua chủ trương vay vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2014 của Công ty;
	3	Thông qua việc chuyển Công ty TNHH Kinh doanh Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-Gas) thành Công ty TNHH MTV VT-Gas và thông qua việc bổ nhiệm nhân sự tại Công ty VT-Gas;
	4	Thông qua việc thành lập chi nhánh Đắk Lắk trực thuộc Công ty trên cơ sở tiếp nhận Chi nhánh Đắk Lắk từ Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông và phê chuẩn việc bổ nhiệm nhân sự tại Chi nhánh Đắk Lắk.
	5	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông và ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014;
	6	Thông qua công tác nhân sự tại các Đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam;
	7	Thông qua các văn kiện trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của PV Gas South;
	9	Thông qua Quy chế trả lương trả thưởng tạm thời cho Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh PV Gas South;
	10	Thông qua việc vay vốn phục vụ các dự án đầu tư năm 2014 của Công ty;
	<b>Quý 2/2014</b>	11
	12	Chấp thuận sửa đổi Kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2014 Dự án di dời Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam;
	13	Chấp thuận giải thể Phòng Tổ chức – Hành chính để thành lập Phòng Tổ chức nhân sự và Văn phòng trực thuộc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam;
	14	Phê duyệt Nhân sự của các Phòng sau khi thành lập mới;
<b>Quý 3/2014</b>	15	Phê duyệt Phương án di dời trạm chiết nạp Suối Dầu – Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa sang khu Công nghiệp Phú Hội, Đức Trọng, Lâm Đồng;
	16	Phê duyệt đơn vị cung cấp thiết bị cho Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam;
	17	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm và Kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2014;
	18	Thông qua Điều lệ và các quy chế của Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-Gas);

## Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2014 (Tiếp theo)

Thời gian	Số nghị quyết	Nội dung
	19	Thông nhất phê chuẩn để Giám đốc Công ty bổ nhiệm Ông Huỳnh Lâm Kiệt – Phó trưởng phòng Tài chính – Kế toán của PV Gas South giữ chức Kế toán trưởng PV Gas Sài Gòn thay Ông Ngô Duy Trọng chuyển công tác;
	20	Thông qua công tác nhân sự tại các Đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam;
	21	Ông Nguyễn Sĩ Thăng thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam để nghỉ hưu;
	22	Bầu Ông Trần Thanh Nam – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam thay Ông Nguyễn Sĩ Thăng;
	23	Thông qua công tác nhân sự tại các Chi nhánh của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam;
	24	Thông qua việc giới thiệu bà Nguyễn Thị Hồng Hải – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (CNG Việt Nam) ứng cử chức Thành viên Hội đồng quản trị CNG Việt Nam (kiêm nhiệm) nhiệm kỳ 2013 – 2018;
	25	Thông qua việc Bổ nhiệm Ông Nguyễn Xuân Đạt – chuyên viên Phòng Tài Chính kế toán kiêm giữ chức Kiểm soát viên chính Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-Gas) với thời hạn 03 năm;
	26	Thông qua việc miễn nhiệm chức Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam đối với Ông Đoàn Văn Nhuộm để nhận nhiệm vụ mới;
	27	Thông qua việc giao nhiệm vụ cho Ông Vũ Quý Hiệu – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty nhận bàn giao công việc từ Ông Đoàn Văn Nhuộm và điều hành Công ty cho đến khi có quyết định bổ nhiệm Giám đốc Công ty.
<b>Quý 4/2014</b>	28	Chấp thuận phê duyệt phương án thuê mua tài chính đối với hệ thống tuyến ống bơm rót khí đốt hóa lỏng;
	29	Chấp thuận phê duyệt phương án thuê mua tài chính cho việc mua sắm 01 Lò đốt vỏ bình Gas cho nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam;
	30	Bổ nhiệm Ông Đỗ Tấn – Trưởng Ban Kế hoạch Tổng Công ty Khí Việt Nam giữ chức Thành viên HĐQT thay Ông Trần Thanh Nam chuyển công tác;
	31	Bầu Ông Đỗ Tấn – Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam;
	32	Bổ nhiệm Ông Vũ Văn Thực – Phó Giám đốc Công ty giữ chức Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty;

## Các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2014 (Tiếp theo)

Thời gian	Số nghị quyết	Nội dung
	33	Bổ nhiệm Ông Vũ Văn Thực – Phó Giám đốc Công ty giữ chức Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty;
	34	Bổ nhiệm Ông Vũ Quý Hiệu – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty giữ chức Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty thay Ông Đoàn Văn Nhuộm;
	35	Bổ nhiệm Ông Đào Hữu Thăng giữ chức Phó Giám đốc Công ty PV Gas South;
	36	Thông qua Kế hoạch tiền lương năm 2014 của Công ty PV Gas South và các Công ty thành viên của PV Gas South;
	37	Phê duyệt bổ sung kế hoạch và chủ trương mua trạm chiết LPG tại Đà Nẵng và bổ sung Kế hoạch dự án Kho và Trạm chiết LPG Đồng Nai cho Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-Gas);
	38	Thông qua công tác nhân sự tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (CNG Việt Nam) và Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-Gas);
	39	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ từ 380 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng bằng nguồn vốn chủ sở hữu;
	40	Thông qua việc tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2014;
	41	Thông qua việc giới thiệu Ông Trần Văn Nghị - Phó Giám đốc Công ty làm Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Công ty Vinabenny thay Ông Nguyễn Sỹ Thăng nghỉ hưu;
	42	Thông qua công tác nhân sự của Công ty PV Gas South và các Công ty thành viên.

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có

### Việc tham gia các khóa Đào tạo Quản trị của thành viên Hội đồng quản trị

Hiện tất cả các thành viên trong HĐQT và Ban Giám đốc (bao gồm các chức vụ từ Thư ký trở lên) đều có chứng nhận Đào tạo về Quản trị Công ty.

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

### Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty có 3 thành viên gồm:

- 1/ Bà Nguyễn Thục Quyên – Trưởng Ban
- 2/ Ông Võ Đình Quang – Thành viên
- 3/ Bà Trần Thị Thu Hiền – Thành viên

### Hoạt động trong năm của Ban Kiểm soát

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp. Căn cứ vào Điều lệ Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam. Căn cứ vào nhiệm vụ kế hoạch của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua. Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ như sau:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2014. Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 và chiến lược phát triển Công ty đến năm 2015, định hướng đến năm 2025.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, các phòng chức năng Công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại các đơn vị cũng như tại văn phòng Công ty.
- Theo dõi, kiểm tra và giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư.
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2014. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty. Giám sát việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.
- Giám sát quá trình thực hiện tăng vốn điều lệ, chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHCĐ.



**LỄ KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP**  
**VÀ ĐÓN NHẬN CÁC DANH HIỆU QUÝ**  
**CỦA ĐẢNG, NHỮNG THẠC SĨ CÁ NHÂN**





## Kế hoạch hoạt động năm 2015 của Ban Kiểm soát

- Tiếp tục giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức, hoạt động Công ty và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn minh bạch tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, để giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ. Định kỳ hàng quý Ban Kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên theo từng lĩnh vực, thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã đề ra và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, giám sát.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BKS, BGD

### Thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc

Công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của PV Gas South. Trong năm 2014, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thanh toán các khoản thưởng, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc như sau:

### Thu nhập của Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương/Thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
1	Nguyễn Sĩ Thắng	Chủ tịch HĐQT (Đã miễn nhiệm)	604.893.617		604.893.617
2	Trần Thanh Nam	Chủ tịch HĐQT (Đã miễn nhiệm)	164.201.588		164.201.588
3	Đỗ Tấn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm mới)	196.845.421		196.845.421
4	Đoàn Văn Nhuộm	TV HĐQT kiêm Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	658.899.274		658.899.274
5	Vũ Quý Hiệu	TV HĐQT kiêm Giám đốc	833.022.714		833.022.714
6	Nguyễn Minh Ngọc	TV HĐQT	799.006.291		799.006.291
7	Vũ Văn Thục	TV HĐQT kiêm P.Giám đốc	95.484.046		95.484.046
8	Hà Anh Tuấn	TV HĐQT độc lập		36.000.000	36.000.000

### Thu nhập của Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương/Thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
1	Nguyễn Thục Quyên	Trưởng BKS	786.710.809		786.710.809
2	Võ Đình Quang	Thành viên BKS	324.672.293		324.672.293
3	Ngô An Hòa	Thành viên BKS (Đã miễn nhiệm)		24.000.000	24.000.000
4	Trần Thị Thu Hiền	Thành viên BKS (Bổ nhiệm mới)			

### Thu nhập của Thành viên Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương/Thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
1	Đoàn Văn Nhuộm	Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	658.899.274		658.899.274
2	Vũ Quý Hiệu	Giám đốc (Bổ nhiệm mới)			
3	Trần Văn Nghị	P.Giám đốc	810.706.291		810.706.291
4	Trần Thanh Nam	P.Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	458.416.386		458.416.386
5	Vũ Văn Thục	P.Giám đốc	673.670.545		673.670.545
6	Đào Hữu Thắng	P.Giám đốc (Bổ nhiệm mới)	133.273.167		133.273.167

### Ghi chú:

- + Chức danh chuyên trách hoặc kiêm nhiệm hưởng lương tại PV Gas South thì không hưởng thù lao.
- + Mức thù lao được hưởng như sau:
  - Thành viên HĐQT không quá 3 triệu đồng/tháng
  - Thành viên BKS không quá 2 triệu đồng/tháng.

### Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2014, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc, không có giao dịch cổ phiếu PVGas South.

### Các giao dịch cổ phiếu của những người liên quan

Trong năm 2014, những người liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, không có giao dịch cổ phiếu PV Gas South.

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Không có)

### Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm 2014, Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt công tác Quản trị công ty theo quy định Quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng.

## THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

### Cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch PGS và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Đến ngày 07/12/2010, vốn điều lệ của PV Gas South là 380.000.000.000 đồng với 38.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng.

## Cơ cấu cổ đông :

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/12/2014

Tên cổ đông	Vốn Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam-Công ty Cổ phần	13.400.000	35,26%
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	3.596.300	9,46%
Acadian Frontier Markets Equity Fund	1.664.500	4,38%

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm Công ty không có các hoạt động làm tăng/giảm vốn chủ sở hữu

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ

### Các chứng khoán khác

(Không có)

### Các giao dịch của cổ đông lớn

(Không có)

## Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Điều hành	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Đỗ Tấn	Chủ tịch HĐQT	Không	Đại diện sở hữu: 4.259.494 cp (PV Gas) Sở hữu cá nhân: không	11,21%
Vũ Quý Hiệu	TV HĐQT kiêm GĐ	Giám đốc	Đại diện sở hữu: 4.240.506 cp (PV Gas) Sở hữu cá nhân: không	11,16%
Nguyễn Minh Ngọc	TV HĐQT	Không	Đại diện sở hữu: 3.000.000 cp (PV Gas) Sở hữu cá nhân: không	7,89%
Vũ Văn Thực	TV HĐQT kiêm PGĐ	Phó Giám đốc	Đại diện sở hữu: 1.900.000 cp (PV Gas) Sở hữu cá nhân: không	5%
Hà Anh Tuấn	TV HĐQT	Không	Sở hữu cá nhân: 10.000 cp	0,03%

## Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Thục Quyên	Trưởng BKS	Sở hữu cá nhân: 11.500 cp	0,03%
Võ Đình Quang	TV BKS	Sở hữu cá nhân: không	
Trần Thị Thu Hiền	TV BKS	Sở hữu cá nhân: 5.000 cp	0,01%

## Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Vũ Quý Hiệu	Giám đốc	Như trên phần HĐQT	Như trên phần HĐQT
Trần Văn Nghị	Phó Giám đốc	Sở hữu cá nhân: không	0
Vũ Văn Thực	Phó Giám đốc	Như trên phần HĐQT	Như trên phần HĐQT
Đào Hữu Thắng	Phó Giám đốc	Sở hữu cá nhân: không	0
Ngô An Hòa	Kế toán trưởng	Sở hữu cá nhân: không	0

Số lượng và tỷ lệ sở hữu của Cổ đông có liên quan đến cổ đông nội bộ: (Không có)

## QUẢN TRỊ RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Nhìn chung trong năm 2014 mặc dù đã có sự khởi sắc sau một thời gian dài chìm vào suy giảm và khủng hoảng, tuy nhiên quá trình phục hồi của kinh tế toàn cầu vẫn khá mong manh. Trong năm, IMF phải hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ đạt 3,30% trong năm 2014, thấp hơn 0,1% so với dự báo IMF đưa ra tháng 7/2014 và 0,4% so với con số dự báo tháng 4/2014. Do thực trạng kinh tế yếu kém trên toàn cầu trong nửa đầu năm 2014, đặc biệt ở khu vực sử dụng đồng Euro (Eurozone), Nhật Bản, Trung Đông, các nước Mỹ La - Tinh và Caribe. Căng thẳng chính trị giữa Ukraine và Nga, bất ổn ở Trung Đông là những yếu tố đẩy giá xăng dầu thế giới tăng cao, từ đó ảnh hưởng đến các giao dịch thương mại quốc tế và đe dọa trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế thế giới.

Tại Việt Nam, nền kinh tế đang có dấu hiệu phục hồi từ vùng đáy. Kinh tế vĩ mô năm 2014 đã từng bước ổn định. Tăng trưởng và sản xuất đã có sự chuyển biến tích cực đi lên về cuối năm. Tuy nhiên, tăng trưởng vẫn còn ở mức thấp, cân đối ngân sách còn nhiều thách thức và các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự thoát khỏi khó khăn. Sức mua của người dân chậm cải thiện, thể hiện qua mức hàng hóa bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng cũng như vận chuyển hàng hóa tăng chậm hơn cùng kì năm trước.

Riêng đối với thị trường dầu khí, năm 2014 được nhận định là năm có nhiều diễn biến khó khăn, từ tình hình Biển Đông tới các biện pháp trừng phạt kinh tế của các nước EU và Mỹ đối với Liên bang Nga đã khiến giá dầu thô từ tháng 10/2014 liên tục suy giảm mạnh, xuống mức dưới 60 USD/thùng, thấp nhất trong 5 năm qua... ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành dầu khí nói chung và của PV Gas South nói riêng.

**Phương pháp quản trị:** Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, PV Gas South chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp, và tổ chức tín dụng của Công ty. Cụ thể, PV Gas South có hệ thống kho chứa lớn tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tích trữ nguồn hàng và có thể chủ động đương đầu với sự biến động giá cả trên thị trường thế giới.

Thêm vào đó, xu hướng giá dầu giảm là một trong những thách thức lớn nhất đối với PV Gas South trong việc xây dựng giá bán phù hợp đối với khách hàng nhưng vẫn đảm bảo được mức lợi nhuận hợp lý cho Công ty. Đối với điều này, PV Gas South có kế hoạch trình lên PV Gas cho việc xây dựng lộ trình giá mua và giá bán thích ứng kịp thời với sự thay đổi trong kịch bản giá dầu thấp đảm bảo ổn định hoạt động kinh doanh CNG.

## Rủi ro về cạnh tranh

Thị trường kinh doanh LPG là một thị trường mang lại lợi nhuận cao và đó là một thuận lợi đối với việc gặt hái thành công của PV Gas South. Tuy nhiên, đi cùng với lợi ích là sự cạnh tranh của các đối thủ xuất hiện ngày một nhiều trên thị trường. Đó là các Công ty TNHH, lực lượng chủ yếu nhập khẩu hơn một nửa sản lượng LPG trên thị trường. Đây là một lực lượng đang hình thành và sẽ cạnh tranh khốc liệt với PV Gas South trong những năm tới, đặc biệt là tại thị trường phía Nam. Bên cạnh đó còn có các Tập đoàn đa quốc gia, các hãng LPG lớn có tiềm lực về vốn, về kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh và điều hành.

Không chỉ vậy, các doanh nghiệp bán lẻ LPG hiện nay phải chịu ảnh hưởng tiêu cực từ tình trạng sang chiết gas lậu. Việc này được thực hiện bằng cách sử dụng vỏ bình gas của các hãng gas uy tín bơm vào các loại khí kém chất lượng hơn nhằm thu lợi bất chính. Đây được xem như một hình thức cạnh tranh không lành mạnh nhưng đang có xu hướng bành trướng và tổn hại nghiêm trọng đến lợi ích của các doanh nghiệp.

Tình trạng cạnh tranh gay gắt đi cùng với việc xu hướng người tiêu dùng đang chuyển đổi từ sử dụng LPG sang các loại nhiên liệu giá rẻ khác sẽ khiến PV Gas South đối mặt với nhiều khó khăn trong tương lai.

**Phương pháp quản trị:** Để có thể vững vàng tại thị trường, PV Gas South phải củng cố và nâng cao năng lực quản lý, tăng tính chuyên nghiệp trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.

PV Gas South đã đầu tư mạng lưới phân phối trải đều trên khắp các tỉnh, thành từ Đà Nẵng trở vào và hệ thống chiết nạp vệ tinh phân bố đều khắp thị trường miền Tây Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, đồng thời có chính sách chiết khấu cao cho các đại lý bán lẻ nhằm hạn chế nguồn khí lậu giá rẻ tràn vào thị trường. Thêm vào đó, Công ty đã tạo được uy tín đối với khách hàng cho thương hiệu PETROVIETNAM GAS. Nguồn khách hàng của Công ty rất đa dạng, từ khách hàng LPG dân dụng và công nghiệp đến các đại lý bán lẻ và khách hàng CNG giúp Công ty tạo được vị thế vững mạnh trên thị trường.

Với lợi thế là Công ty thành viên của PVN, PV Gas South có lợi thế nhất định khi có nguồn cung cấp LPG ổn định từ Nhà máy Chế biến Khí Dinh Cố và Nhà máy Dung Quất.

## Rủi ro về hoạt động kinh doanh

Hoạt động của Công ty hiện tại phụ thuộc chủ yếu vào kinh doanh LPG nên phụ thuộc rất nhiều vào biến động của thị trường. Bất kỳ biến động về nguồn hay tiêu thụ LPG của thị trường đều ảnh hưởng tới hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhất là trong giai đoạn giá dầu và khí thế giới biến động bất thường như hiện nay thì rủi ro này trở nên đáng quan ngại hơn bao giờ hết.

**Phương pháp quản trị:** Để khắc phục tình trạng này, Công ty đang tìm cách giảm tối đa các chi phí và tìm kiếm các nguồn LPG có giá vốn thấp, nâng sức chứa của các kho nhằm chủ động nguồn hàng cung cấp, góp phần bình ổn giá trong những trường hợp có biến động giá đột biến.

## Rủi ro pháp lý

Là một Công ty cổ phần đã niêm yết trên sàn chứng khoán, PV Gas South phải chịu sự ảnh hưởng và chi phối của các bộ luật Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật pháp Quốc tế, Luật thương mại Quốc tế...các Nghị định, Thông tư và các văn bản luật pháp liên quan khác. Trong điều kiện hệ thống pháp lý Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, bất cứ thay đổi nào trong chính sách hay quy định có liên quan sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

**Phương pháp quản trị:** Công ty luôn có ý thức chủ động cập nhật và tìm hiểu thông tin pháp lý liên quan đến nền kinh tế và đặc thù ngành để chủ động điều chỉnh cơ chế vận hành cho phù hợp với pháp luật của Nhà nước, tránh những rủi ro đáng tiếc có thể tác động xấu đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

## Rủi ro đặc thù ngành

LPG nói riêng và các sản phẩm Khí nói chung là loại sản phẩm rất dễ cháy nổ, điều kiện tồn trữ, vận chuyển, phân phối rất khắt khe. Trong trường hợp xảy ra sự cố sẽ để lại hậu quả và thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, nhân lực, uy tín cũng như khả năng phát triển dài hạn của Công ty.

**Phương pháp quản trị:** Để giảm thiểu rủi ro đặc thù này, Công ty rất chú trọng trong việc tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật từ khâu thiết kế (bình LPG, bồn LPG, hệ thống tồn trữ, vận chuyển,...), chế tạo, xây dựng, đến vận hành, bảo dưỡng cũng như khuyến khích các đại lý, đơn vị trực thuộc tuân thủ nghiêm túc các quy định về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu khí.

## Rủi ro khác

Những rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn...là những rủi ro bất ngờ có thể gây thiệt hại to lớn về người và tài sản cho Công ty đồng thời để lại những hậu quả nặng nề cho cả nền kinh tế.

**Phương pháp quản trị:** Công ty luôn ý thức phải phòng chống những rủi ro này ở mức tối đa có thể bằng cách luôn đảm bảo các biện pháp an toàn trong lao động, sản xuất đồng thời tích cực thực hiện cam kết bảo vệ môi trường để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm và thiên tai.

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- ❖ Mục tiêu – chiến lược
- ❖ Kế hoạch phát triển trung và dài hạn



# MỤC TIÊU – CHIẾN LƯỢC

## Mục tiêu tổng quát

Xây dựng PV Gas South trở thành Công ty kinh doanh LPG đứng đầu khu vực miền Nam trong tất cả các mặt như: sản lượng bán LPG, thị phần, giá trị vốn hóa, đội ngũ cán bộ đáp ứng mọi yêu cầu nhiệm vụ trong nền kinh tế hội nhập.

Xây dựng một Công ty kinh doanh đa ngành, đa sản phẩm nhưng chủ đạo là kinh doanh LPG.

Giữ vững thương hiệu sản phẩm PETROVIETNAM GAS có uy tín cao, luôn đi kèm với chất lượng tốt, dịch vụ hoàn hảo, văn hóa và phong cách phục vụ chuyên nghiệp trên thị trường Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Tạo ra một Công ty cổ phần đa sở hữu, trong đó PV Gas nắm giữ cổ phần lớn nhất, với mô hình bao gồm các chi nhánh chuyên môn hóa, cung cấp các dịch vụ liên quan đến LPG và các sản phẩm Dầu khí, không chỉ phục vụ cho hoạt động của Công ty mà còn phục vụ cho các Công ty bên ngoài như dịch vụ thiết kế, xây lắp công trình cung cấp LPG, dịch vụ kho cảng,...

Mục tiêu tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu giai đoạn 2012 – 2025 là 5,42%/năm, trong đó:

+ Giai đoạn 2012 – 2015: 13,65%/năm.

+ Giai đoạn 2016 – 2020: 3,43%/năm.

+ Giai đoạn 2021 – 2025: 2,57%/năm.

## Mục tiêu cụ thể

### 1. Sản lượng, thị phần

#### + Kinh doanh LPG

Trên cơ sở tổng hợp tình hình hiện tại và dự báo phát triển trong từng giai đoạn, Công ty quyết tâm giữ vững vị trí là đơn vị kinh doanh LPG dân dụng đứng đầu cả nước và khu vực miền Nam với mục tiêu: Chiếm 35% thị phần LPG dân dụng khu vực phía Nam vào năm 2015 với kế hoạch sản lượng LPG năm 2015 là 219.000 tấn, trong đó LPG bình là 155.000 tấn.

#### + Kinh doanh CNG

- Xây dựng PVGas South trở thành Công ty kinh doanh CNG hàng đầu với mạng lưới tiêu thụ trên khắp cả nước.
- Đưa CNG vào sử dụng rộng rãi cho giao thông vận tải và các hộ công nghiệp tại khu vực miền Đông Nam Bộ. Phát triển rộng thị trường cung cấp CNG trên toàn quốc.

## Hệ thống phân phối

- Điều chỉnh hệ thống kênh phân phối theo hướng giảm bớt trung gian, phát triển hệ thống bán lẻ đến người tiêu dùng.
- Xây dựng kế hoạch nhập khẩu định hạn hàng năm để ổn định nguồn hàng, đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng.
- Xây dựng chiến lược quảng cáo, khuyến khích thương hiệu PETROVIETNAM GAS, phát triển thị trường trong nước và các khu vực lân cận như Lào, Campuchia.

- Xây dựng các trung tâm dịch vụ, chăm sóc khách hàng tại các khu vực thị trường trọng điểm & có kế hoạch mở rộng phủ kín toàn bộ hệ thống từ Đà Nẵng đến Cà Mau.

- Tăng cường công tác phối hợp chống gian lận thương mại nhằm tăng hiệu quả sử dụng bình (bình 12kg & bình 45kg) của Công ty.

## Hoạt động tài chính

- Từng bước đưa Công ty chủ động về mặt tài chính, cân đối hợp lý giữa các nguồn vốn cổ đông, vốn vay, đảm bảo tỷ lệ tự đầu tư trong Công ty ở mức 30%.

- Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ hàng năm liên tục tăng và sau năm 2012 không thấp hơn 20%.

- Tăng cường hoạt động đầu tư tài chính trên cơ sở đảm bảo và phát triển vốn.

- Tiếp tục góp vốn vào các Công ty cổ phần hoạt động hiệu quả.

- Nghiên cứu tham gia thị trường chứng khoán và đầu tư tài chính.

- Tham gia góp vốn/mua lại các Công ty kinh doanh LPG, kinh doanh kho cảng, kinh doanh dịch vụ, vận tải, từng bước gia tăng tỉ lệ góp vốn nếu có hiệu quả.

- Tiếp tục nghiên cứu để tìm cơ hội đầu tư mới, đặc biệt là các dự án sản xuất, dịch vụ có liên quan đến ngành LPG.

## Đầu tư cơ sở vật chất

- Đầu tư kho chứa và trạm chiết để tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh LPG dân dụng, phủ kín thị trường từ Đà Nẵng đến Cà Mau.

- Đầu tư phương tiện vận chuyển LPG trên cơ sở cân đối nhu cầu & tài chính nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

- Đầu tư xây dựng/mua nhà máy sơn, sửa, tái kiểm định bình LPG.

- Tiếp tục đầu tư hoặc hợp tác đầu tư có hiệu quả cơ sở hạ tầng (kho chứa, trạm chiết, phương tiện vận chuyển,...)

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÀI HẠN

**Căn cứ theo Nghị quyết số 16/NQ-KVN ngày 06/03/2009 về Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam – PV Gas South đến năm 2025, Ban Giám đốc đã đặt ra những mục tiêu hoạt động cụ thể trong chiến lược trung và dài hạn như sau:**

- Vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo công tác an ninh an toàn các kho, trạm LPG, CNG hiện có của Công ty.
- Tăng cường, tập trung công tác bán lẻ LPG tại khu vực thị trường PV Gas South quản lý, chú trọng mở các cửa hàng bán lẻ trực tiếp, giảm thiểu bán LPG ở các khâu trung gian để tăng hiệu quả kinh doanh.
- Quán triệt nghiêm túc chỉ đạo của Tập đoàn, Tổng Công ty về phát huy nội lực, tăng cường sử dụng dịch vụ trong ngành hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Cùng Tổng Công ty tập trung xây dựng và phát triển thương hiệu PETROVIETNAM GAS ngày càng lớn mạnh và có uy tín trên thị trường.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Công ty giao.

## - Các giải pháp thực hiện

### 1. Giải pháp Sản xuất kinh doanh:

- Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh gas bình, nâng cao hiệu quả của các cửa hàng bán lẻ trực thuộc, quản lý hiệu quả công tác đầu tư vỏ bình mới và vòng quay vỏ bình gas.

- Nghiên cứu tổng quát thị trường từ đó đưa ra chính sách phù hợp để phát triển, tiếp tục củng cố các vùng thị trường theo địa bàn hoạt động của Công ty, đẩy mạnh các thị trường còn yếu. Xây dựng chương trình quảng cáo khuyến mại, khuyến trương thương hiệu hướng tới người tiêu dùng.

- Khai thác hiệu quả kho LPG Gò Dầu, Dung Quất, Cần Thơ, tăng công suất các trạm chiết nạp của Công ty để chủ động hàng bán và giảm dần chi phí.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy trình về an toàn, quy chế bảo dưỡng sửa chữa, định mức kinh tế kỹ thuật,... nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng năng suất lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Tăng cường công tác thông tin, dự báo thị trường nhằm phục vụ công tác kế hoạch, sắp xếp nguồn hàng, cân đối hàng tồn kho và tiêu thụ sản phẩm.

### 2. Giải pháp về Tài chính - Kế toán:

- Tận dụng tối đa nguồn vốn tín dụng của các tổ chức tài chính, nguồn vốn của Tổng Công ty, Tập đoàn, đảm bảo vốn cho nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát chặt chẽ giá thành, giá vốn đảm bảo chất lượng và giá sản phẩm hàng hóa dịch vụ ở mức hợp lý. Tổ chức kiểm tra, giám sát để chấn chỉnh kịp thời những vấn đề phát sinh.

- Rà soát lại các chi phí hoạt động để giảm chi phí và có thể giảm giá bán nhằm tăng khả năng cạnh tranh với các thương hiệu khác và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi công nợ, có biện pháp thu hồi với những khách hàng có công nợ lớn, kéo dài.

### 3. Giải pháp Đầu tư - Xây dựng, An toàn phòng chống cháy nổ:

#### a. Giải pháp về Khoa học Công nghệ và Sản xuất:

- Tiếp tục nghiên cứu, duy trì và phát triển ứng dụng của khí thiên nhiên nén (CNG) trong giao thông vận tải và trong lĩnh vực công nghiệp ... thay thế cho các loại nhiên liệu khác.

- Nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, tiêu thụ LNG (cho giao thông vận tải cũng như công nghiệp), góp phần đưa LNG vào sử dụng như một dòng sản phẩm mới của Công ty.

- Lựa chọn, chuyển giao, ứng dụng và làm chủ các công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### b. Giải pháp về An toàn và Bảo vệ môi trường:

- Xây dựng văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, xây dựng các chuẩn mực, ý thức thân thiện với thiên nhiên.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho CBCNV nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động.

- Bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng các công nghệ mới, phát triển các công nghệ tiết kiệm tài nguyên, nguyên liệu, năng lượng, thân thiện với môi trường.

- Duy trì, áp dụng hiệu quả và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường.

### c. Các giải pháp đột phá:

- Có chính sách ưu tiên phát triển khoa học công nghệ, chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ.

- Tập trung nghiên cứu và phát triển các sản phẩm khoa học công nghệ mang thương hiệu PV Gas South, hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ đối với các đối tác truyền thống để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho các CBCNV có trình độ phù hợp.

- Tạo điều kiện thuận lợi nhằm phát huy các khả năng sáng tạo của các CBCNV trong việc phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Áp dụng các sáng kiến, cải tiến vào thực tiễn sản xuất kinh doanh.

### 4. Giải pháp về Phát triển nhân lực, đào tạo và đổi mới doanh nghiệp:

- Quán triệt, thực hiện tốt công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, đảm bảo có được đội ngũ kế thừa cũng như lựa chọn được các cán bộ có đủ năng lực thực hiện công việc đảm nhiệm.

- Sắp xếp bố trí và sử dụng lao động hợp lý, không tuyển thêm lao động khi khối lượng công việc không tăng.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo gắn với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đề xuất nhân sự tham gia các khóa đào tạo đúng người phù hợp với yêu cầu từng chức danh công việc.

- Xây dựng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực trẻ, năng động sáng tạo.





## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ❖ Trách nhiệm với nhà đầu tư
- ❖ Trách nhiệm với người lao động
- ❖ Trách nhiệm với cộng đồng
- ❖ Trách nhiệm với môi trường

**Bên cạnh việc mở rộng phát triển hệ thống sản xuất kinh doanh, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và cải thiện doanh thu, lợi nhuận thì việc hướng đến mục tiêu “Phát triển bền vững” với việc gắn kết lợi ích doanh nghiệp với lợi ích cộng đồng trong đó có nhà đầu tư, người lao động và các chính sách bảo vệ môi trường là một trong những nền tảng thiết yếu cho sự phát triển dài lâu và vững mạnh của doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập và hiện đại ngày nay.**

## TRÁCH NHIỆM VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

Đối với Công ty đại chúng như PV Gas South, việc duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các Cổ đông là điều vô cùng cần thiết và có ý nghĩa to lớn đối với sự duy trì và phát triển của Công ty. Để đạt được điều đó, trong năm qua, PV Gas South đã luôn thực hiện quy trình công bố thông tin một cách minh bạch và chính xác, duy trì tốt kênh thông tin tương tác giữa Công ty và Nhà đầu tư thông qua các hoạt động sau:

- Tổ chức thành công Hội nghị thường niên Đại hội cổ đông năm 2013-2014
- Thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định của thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 10/01/2010 và thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012. Theo đó, các Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên của Công ty luôn được công bố đúng hạn, đúng quy trình theo quy định.
- Các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản liên quan đến các cuộc họp của HĐQT luôn được cập nhật kịp thời, chính xác trên website của Công ty, giúp quý vị cổ đông và Nhà đầu tư dễ dàng theo dõi.
- Công ty đang tiến hành hoàn thiện website bằng tiếng Anh cho Nhà đầu tư nước ngoài.

## TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Về việc làm và bảo đảm việc làm

Mặc dù trong bối cảnh kinh tế cả nước hết sức khó khăn nhưng lãnh đạo Công ty đã nỗ lực hết sức để tạo việc làm ổn định cho người lao động, 100% NLĐ được bố trí việc làm đúng theo giao kết trong hợp đồng lao động, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng của mình. Không có trường hợp nào mất việc, ngừng việc hoặc chờ việc.

### Về thời gian làm việc và thời gian nghỉ ngơi

Thực hiện tốt về thời gian làm việc và thời gian nghỉ ngơi của người lao động theo đúng thỏa ước LĐTT và quy định của Bộ luật lao động, cụ thể: Công ty đang áp dụng chế độ làm việc 40 giờ/tuần, trường hợp cần thiết cần huy động NLĐ làm thêm giờ thì được tính làm thêm giờ hoặc đơn vị bố trí nghỉ bù theo quy định của pháp luật; các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định NLĐ được hưởng đúng quy định trong thỏa ước LĐTT, nội quy lao động.

### Về công tác đào tạo

Trong năm 2014, công ty đã tổ chức 53 khóa đào tạo cho 1.092 lượt người, đạt 124% kế hoạch, trong đó chủ yếu là đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho người lao động để đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty.

### Về tiền lương, tiền thưởng

Công ty có Quy chế trả lương, trả thưởng được ban hành, việc trả lương, trả thưởng cho NLĐ trong Công ty dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động, gắn liền với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc được thể hiện thông qua chế độ tiền lương theo Nghị định 205 Chính phủ (Lương cơ bản) và chế độ tiền lương chức danh công việc đảm nhận (Lương chức danh), nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo để hoàn thành nhiệm vụ theo chức danh công việc được giao; hằng năm Công ty đều tổ chức xét nâng lương theo quy định cho NLĐ (trong năm 2014, toàn Công ty có 139 NLĐ được xét nâng lương theo nghị định 205 Chính phủ và 72 NLĐ được xét nâng lương chức danh).

Việc sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi theo đúng mục đích đã được thông qua tại Hội nghị Người lao động năm 2014 nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, trợ cấp ốm đau cho người lao động, ủng hộ các chương trình xã hội, từ thiện theo chủ trương của Nhà nước, Tập đoàn, Tổng Công ty và địa phương; chi hỗ trợ kinh phí cho người lao động đi du lịch, nghỉ ngơi.

### Về thực hiện chế độ chính sách khác cho người lao động

+ Trích nộp đầy đủ và kịp thời đóng BHXH, BHYT, BHTN, mua bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật cho người lao động;

+ Việc giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động: chế độ hưu trí, trợ cấp tử tuất, ốm đau, thai sản được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của bộ luật lao động và TULĐTT;

+ Định kỳ hàng năm công ty tổ chức cho người lao động được khám sức khỏe, sau khi khám sức khỏe, NLĐ được đánh giá, tư vấn sức khỏe, khi cần thiết NLĐ được bố trí công việc phù hợp;

+ Công ty đã thực hiện cấp phát bồi dưỡng hiện vật đầy đủ, đúng quy định cho người lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại;

+ Công ty duy trì tổ chức bếp ăn tập thể phục vụ ăn trưa với chất lượng tốt cho NLĐ làm việc tại khối Điều hành và một số đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên góp phần cải thiện đời sống vật chất và đảm bảo an toàn sức khỏe cho NLĐ.

## TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

### “Trong năm 2014, tổng số tiền đóng góp xã hội từ thiện hơn 3 tỷ đồng”

Nhận thức được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, các hoạt động xã hội luôn được các cấp lãnh đạo của PV Gas South quan tâm thực hiện và được toàn thể CBCNV nhiệt tình hưởng ứng.

Công đoàn Công ty đã chủ động phối hợp với lãnh đạo và chính quyền vận động 100% CBCNV đóng góp “Quỹ tương trợ Dầu khí”, thường xuyên tổ chức thực hiện công tác an sinh xã hội, các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, Ủng hộ đồng bào các tỉnh bị thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn... với tinh thần tương thân, tương ái, cụ thể các chương trình như sau:

+ Quỹ ủng hộ phụ nữ nghèo.

+ Chương trình vì thế hệ trẻ Dầu Khí.

+ Chương trình ủng hộ Quỹ nghĩa tình đồng đội.

+ Chương trình Quỹ tương trợ Dầu khí.

+ Ủng hộ đồng bào bão lụt.

Ngoài ra, trong năm 2014 Cán bộ và NLĐ trong toàn PV Gas South đã tự nguyện đóng tiền xây 03 nhà tình nghĩa trao cho các gia đình nghèo tại địa phương (Tây Ninh, Cần Thơ, Bình Phước); quyên góp cho 02 gia đình CBCNV trong Công ty có hoàn cảnh khó khăn (gia đình có chồng là CBCNV tai nạn qua đời trên đường công tác và gia đình có con mắc bệnh hiểm nghèo); tặng quà cho cháu khuyết tật tại cơ sở Thiên Phước quận 12 và Củ Chi, các cháu mắc bệnh nghèo tại bệnh viện Ung bướu, Nhi đồng và các tổ chức khác trên địa bàn các đơn vị trực thuộc hoạt động.

Bên cạnh đó, BCH Công đoàn và các tổ công đoàn trực thuộc thường xuyên tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho 250 lượt cán bộ, công nhân lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, ốm đau, hiếu hỉ, để động viên, khích lệ tinh thần làm việc của toàn thể CBCNV trong toàn Công ty thi đua lao động sản xuất. Tổ chức tham quan những nơi di

tích lịch sử của đất nước. Tổ chức các hoạt động thiết thực chào mừng các ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày gia đình Việt Nam 28/6... Tổ chức tặng quà nhân dịp Tết Thiếu nhi 1/6 và Tết Trung thu cho các cháu đạt học sinh giỏi các cấp I, II, III là con em CBCNV trong Công ty. Ngoài ra Công ty mẹ và Công ty thành viên còn tổ chức đi du lịch nước ngoài cho 89 cán bộ, đoàn viên, công nhân viên đủ tiêu chuẩn theo quy chế tham quan du lịch hàng năm của Công ty.

## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

Với đặc trưng kinh doanh các sản phẩm khí thì việc đảm bảo các công tác bảo vệ môi trường có ý nghĩa rất quan trọng trong việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhận thức rõ điều này, Công ty đã áp dụng những Chính sách bảo vệ môi trường như sau:

- Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý Chất lượng – An toàn – Môi trường theo các tiêu chuẩn sau: ISO 9001: 2008, ISO 14001: 2004, OHSAS 18001: 2007. Gần đây nhất, vào ngày 19/03/2013, Công ty đã đạt chứng nhận về Hệ thống quản lý tích hợp PAS 99: 2006 cho phạm vi kinh doanh LPG và khí CNG.

- Thông qua mặt hàng kinh doanh là khí CNG, PV Gas South mong muốn phổ biến sản phẩm CNG – nguồn năng lượng sạch tới khách hàng, trong năm 2014 Công ty đã ký mới nhiều hợp đồng, góp phần nâng cao sản lượng kinh doanh CNG, sản lượng CNG đã tăng hơn 13% so với năm trước. Các lợi ích về môi trường của sản phẩm CNG so với các sản phẩm khác:

+ Tiết kiệm chi phí nhiên liệu do giá rẻ hơn các nhiên liệu khác, theo đó góp phần giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

+ Giảm chi phí bảo dưỡng máy móc thiết bị so với việc sử dụng dầu FO, DO, than đá...

+ Là nhiên liệu sạch không phát sinh những chất độc hại gây ô nhiễm môi trường khi cháy như COx, SOx, NOx.

+ Hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao, kéo dài tuổi thọ thiết bị so với những nhiên liệu khác đang được sử dụng phổ biến hiện nay như dầu DO, FO, than đá...

+ An toàn do sử dụng thiết bị chất lượng cao phù hợp với các tiêu chuẩn của Mỹ và Châu Âu, áp dụng quy trình quản lý và vận hành nghiêm ngặt. Ngoài ra, CNG nhẹ hơn không khí nên phát tán nhanh và bay lên cao khi bị rò rỉ, do đó, hạn chế tối đa nguy cơ cháy, nổ do sự tích tụ khí.

+ Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các luật pháp hiện hành và các yêu cầu khác về quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn Quốc tế nhằm hạn chế tối đa những rủi ro tiềm ẩn trong quá trình sản xuất, vận chuyển và phân phối các sản phẩm khí. Đồng thời Ban lãnh đạo và tập thể Cán bộ - Công nhân viên cam kết đảm bảo an toàn trong sản xuất, phòng ngừa và kiểm soát các nguy hiểm đến từ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cháy nổ, tác hại môi trường và chất lượng sản phẩm.



CÁC  
HOẠT  
ĐỘNG  
XÃ HỘI



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Báo cáo Ban Giám đốc	80
Báo cáo kiểm toán độc lập	82
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	83
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	85
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	86
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	88 - 122



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Tấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2014)
Ông Trần Thanh Nam	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2014 và miễn nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2014)
Ông Nguyễn Sỹ Thắng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2014)
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2014)
Ông Vũ Quý Hiệu	Ủy viên
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Vũ Văn Thục	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2014)
Ông Hà Anh Tuấn	Ủy viên

#### Ban Giám đốc

Ông Vũ Quý Hiệu	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2014)
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2014)
Ông Vũ Văn Thục	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Nghị	Phó Giám đốc
Ông Đào Hữu Thắng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2014)
Ông Trần Thanh Nam	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2014)

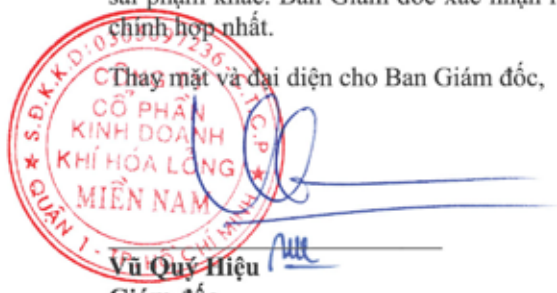
### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Quý Hiệu**  
 Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2015

**Deloitte.****BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Số: 324/VNIA-HC-BC

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các Công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2015, từ trang 03 đến trang 42 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Khúc Thị Lan Anh**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0036-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho****CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 06 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên, mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.



**Huỳnh Thanh Phương**  
**Kiểm toán viên**

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2061-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
				(Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.845.754.525.124</b>	<b>1.739.387.652.331</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>619.799.701.899</b>	<b>593.788.148.573</b>
1. Tiền	111		457.684.701.899	396.138.426.351
2. Các khoản tương đương tiền	112		162.115.000.000	197.649.722.222
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>40.000.000.000</b>	<b>68.100.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	40.000.000.000	68.100.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>917.840.665.860</b>	<b>818.641.363.203</b>
1. Phải thu khách hàng	131		895.410.677.256	772.213.043.801
2. Trả trước cho người bán	132		17.113.241.917	23.479.641.119
3. Các khoản phải thu khác	135	8	14.308.374.956	29.781.151.337
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8.991.628.269)	(6.832.473.054)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>184.109.292.453</b>	<b>204.115.247.651</b>
1. Hàng tồn kho	141		188.228.887.623	211.786.602.674
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.119.595.170)	(7.671.355.023)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>84.004.864.912</b>	<b>54.742.892.904</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	37.732.058.518	22.311.050.665
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.455.253.683	22.997.988.667
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.082.821	42.489.133
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		11.815.469.890	9.391.364.439
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260+269)	<b>200</b>		<b>1.356.800.464.843</b>	<b>1.330.340.806.819</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>842.512.673.996</b>	<b>847.915.484.182</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	668.007.136.543	657.649.495.566
- Nguyên giá	222		1.740.101.706.664	1.468.293.466.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.072.094.570.121)	(810.643.971.334)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	93.944.853.925	117.401.685.038
- Nguyên giá	225		228.700.252.298	234.189.964.033
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(134.755.398.373)	(116.788.278.995)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	33.418.304.494	33.185.064.857
- Nguyên giá	228		36.991.391.112	36.020.641.112
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.573.086.618)	(2.835.576.255)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	47.142.379.034	39.679.238.721
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>484.732.192.001</b>	<b>470.035.366.776</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	444.931.383.626	441.343.160.076
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	17.856.288.008	5.499.218.456
3. Tài sản dài hạn khác	268	19	21.944.520.367	23.192.988.244
<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>20</b>	<b>29.555.598.846</b>	<b>12.389.955.861</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>3.202.554.989.967</b>	<b>3.069.728.459.150</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	
			31/12/2014	(Trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>2.067.877.707.579</b>	<b>1.929.012.693.735</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.827.859.921.978</b>	<b>1.646.898.053.416</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	21	315.238.199.454	388.798.977.084
2. Phải trả người bán	312		1.424.556.979.039	1.133.610.987.533
3. Người mua trả tiền trước	313		1.685.368.042	905.719.905
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	9.935.339.255	27.690.963.535
5. Phải trả người lao động	315		26.208.038.631	21.379.723.508
6. Chi phí phải trả	316	23	11.278.491.580	31.303.283.667
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	24	32.638.069.036	37.147.568.020
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.319.436.941	6.060.830.164
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>240.017.785.601</b>	<b>282.114.640.319</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	25	108.515.632.035	126.717.001.974
2. Vay và nợ dài hạn	334	26	124.547.705.927	148.443.190.706
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	27	6.954.447.639	6.954.447.639
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>941.615.128.045</b>	<b>901.724.738.833</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>28</b>	<b>941.615.128.045</b>	<b>901.724.738.833</b>
1. Vốn điều lệ	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.150.397.684	46.150.397.684
3. Vốn khác thuộc chủ sở hữu	413		2.042.818.129	2.042.818.129
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		349.265.004.221	268.171.579.832
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		49.268.338.080	44.380.298.554
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		114.888.569.931	160.979.644.634
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>29</b>	<b>193.062.154.343</b>	<b>238.991.026.582</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>3.202.554.989.967</b>	<b>3.069.728.459.150</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>			<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
1. Hàng hóa nhận giữ hộ (Khí hóa lỏng - VND)			9.688.536.429	50.344.504.169
2. Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ (USD)			10.404	135.190
- Euro (EUR)			945	943

*ngda*

Nguyễn Ngọc Dân  
 Người lập biểu

*Ngô An Hòa*

Ngô An Hòa  
 Kế toán trưởng



*Vũ Quý Hiệu*  
 Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B 02-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.657.774.019.955	7.057.523.937.754
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		173.479.716.511	155.530.739.889
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>31</b>	<b>7.484.294.303.444</b>	<b>6.901.993.197.865</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	6.336.240.549.977	5.805.957.804.596
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>1.148.053.753.467</b>	<b>1.096.035.393.269</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	17.363.569.934	34.789.625.407
7. Chi phí tài chính	22	35	33.445.080.952	80.967.663.643
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.704.181.115	60.850.944.252
8. Chi phí bán hàng	24		672.513.186.759	623.197.463.232
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		207.377.218.670	169.884.928.112
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>252.081.837.020</b>	<b>256.774.963.689</b>
11. Thu nhập khác	31		12.768.322.994	25.019.756.231
12. Chi phí khác	32		18.243.787.151	4.475.336.569
<b>13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>36</b>	<b>(5.475.464.157)</b>	<b>20.544.419.662</b>
<b>14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>246.606.372.863</b>	<b>277.319.383.351</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	67.507.327.467	51.115.220.576
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	(12.357.069.552)	(2.078.752.325)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>191.456.114.948</b>	<b>228.282.915.100</b>
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	29	51.198.196.750	54.651.871.396
- Cổ đông của Công ty mẹ	62		140.257.918.198	173.631.043.704
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>38</b>	<b>3.691</b>	<b>4.569</b>

*ngdas*

Nguyễn Ngọc Dân  
 Người lập biểu

*Ngô An Hòa*

Ngô An Hòa  
 Kế toán trưởng



Vũ Quý Hiệu  
 Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B 03-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2014</b>	<b>2013</b> (Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>246.606.372.863</i>	<i>277.319.383.351</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	282.449.061.497	316.561.757.976
- Các khoản dự phòng	03	(1.392.604.638)	27.884.339.872
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	173.188.713	118.026.833
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(17.259.183.068)	(31.423.122.792)
- Chi phí lãi vay	06	32.704.181.115	60.850.944.252
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>543.281.016.482</i>	<i>651.311.329.492</i>
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(129.420.259.699)	(273.199.456.158)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	23.557.715.051	(54.974.708.792)
- Thay đổi các khoản phải trả	11	250.779.830.937	301.294.756.829
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(8.412.886.591)	74.274.207.611
- Tiền lãi vay đã trả (i)	13	(35.834.097.890)	(67.266.277.120)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(84.141.325.413)	(59.473.007.962)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	748.336.113
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(44.708.136.718)	(46.370.584.115)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>515.101.856.159</i>	<i>526.344.595.898</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Mua sắm và xây dựng tài sản cố định (ii)	21	(263.919.373.129)	(108.092.545.994)
2. Tiền thu từ thanh lý và nhượng bán tài sản cố định	22	2.872.728.612	2.358.903.728
3. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	28.100.000.000	54.400.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(80.988.600.000)	(44.554.880.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	6.239.913.649
6. Thu nhập lãi tiền gửi (iii)	27	18.746.099.592	28.135.868.148
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(295.189.144.925)</i>	<i>(61.512.740.469)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu do Công ty con phát hành cổ phiếu cho cổ đông thiểu số		-	10.652.660.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	857.443.762.263	752.365.692.360
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(899.738.157.540)	(961.487.755.253)
4. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(52.751.025.649)	(29.653.684.508)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông (iv)	36	(98.855.736.982)	(85.958.011.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(193.901.157.908)</i>	<i>(314.081.098.401)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>26.011.553.326</b>	<b>150.750.757.028</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>593.788.148.573</b>	<b>443.037.391.545</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>619.799.701.899</b>	<b>593.788.148.573</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

- (i) Tiền lãi vay đã trả trong năm bao gồm 5.286.154.480 đồng, là số tiền lãi vay phát sinh trong năm 2013 và không bao gồm 2.156.237.704 đồng (năm 2013: 5.286.154.480 đồng), là số tiền lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.
- (ii) Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định không bao gồm 4.441.816.794 đồng (năm 2013: 2.181.331.595 đồng), là số tiền dùng để mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.
- (iii) Thu nhập lãi tiền gửi không bao gồm 668.049.333 đồng (năm 2013: 2.154.965.857 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.
- (iv) Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm cổ tức bằng tiền chưa thanh toán với số tiền là 1.527.989.612 đồng (năm 2013: 1.049.241.594 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Ngọc Dân  
Người lập biểu



Ngô An Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Quý Hiệu  
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2015



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty bao gồm Công ty mẹ và các công ty con:

#### Công ty mẹ:

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305097236 ngày 03 tháng 3 năm 2014 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 380.000.000.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007397 ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại Lầu 4, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty mẹ có các chi nhánh tại Đắk Lắk, Cần Thơ, Nha Trang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Cà Mau, Gia Lai, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Ninh Thuận và Bình Định. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông (Công ty con) đã bàn giao chi nhánh Đắk Lắk cho Công ty mẹ.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 577 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 467 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ gồm:

Xuất khẩu, nhập khẩu khí dầu mỏ hóa lỏng (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh); mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng, các sản phẩm khí, các vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (trừ mua bán dầu mỏ khí hóa lỏng tại trụ sở chính Công ty mẹ); xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí; chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh và bảo dưỡng các công trình liên quan đến khí hóa lỏng; vận chuyển khí hóa lỏng và kinh doanh vận tải hàng hóa bằng container; các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; kinh doanh xăng, dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt; bán buôn và bán lẻ khí thiên nhiên nén; bán buôn phân bón; kinh doanh bất động sản; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; sản xuất, chiết nạp, phân phối khí dầu mỏ hóa lỏng và khí thiên nhiên nén; sản xuất thùng chứa kim loại cho khí nén, khí dầu mỏ hóa lỏng và khí đốt; sửa chữa các thùng bể chứa, container bằng kim loại; sơn, duy tu, sửa chữa bồn chứa, bể chứa, đường ống, kho chứa khí dầu mỏ các loại; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; xây dựng và hoàn thiện công trình kỹ thuật dân dụng.

#### Các công ty con:

1. Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (sau đây gọi tắt là “CNG Việt Nam”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động 20 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Hoạt động chính của CNG Việt Nam là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG, quy mô 50.000.000 m<sup>3</sup>/năm; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyên đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.
2. Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (sau đây gọi tắt là “VT Gas”) hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603179151 ngày 19 tháng 5 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 471023000142 ngày 30 tháng 6 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai cấp và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ đã hoàn tất việc mua lại 45% phần vốn góp từ Công ty PTT Public và sở hữu 100% vốn góp (năm 2013: 55%) tại Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam. Theo đó, Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603179151. Hoạt động chính của VT Gas là sản xuất, chiết nạp, phân phối khí dầu mỏ hóa lỏng; vận chuyển khí dầu mỏ hóa lỏng; vận

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

tài hàng hóa bằng container; xuất khẩu, nhập khẩu khí dầu mỏ hóa lỏng; bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng, các sản phẩm khí, các vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng; lắp đặt hệ thống khí dầu mỏ hóa lỏng trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng; khai thác các công trình liên quan đến khí dầu mỏ hóa lỏng; xây dựng công trình khí dầu mỏ hóa lỏng và công nghiệp khí; chuyển giao công nghệ liên quan đến khí dầu mỏ hóa lỏng.

3. Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông (sau đây gọi tắt là “PV Gas Sài Gòn”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311024733 ngày 28 tháng 7 năm 2011 và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của PV Gas Sài Gòn là mua bán khí hóa lỏng, các sản phẩm khí, và các vật tư thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tích trữ, đóng bình và mua bán khí hóa lỏng (trừ mua bán gas tại trụ sở chính); xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí, chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng liên quan đến khí hóa lỏng; vận chuyển khí hóa lỏng; các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; kinh doanh xăng, dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt; mua bán phân bón; kinh doanh bất động sản (chi thực hiện theo khoản 01 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản); dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC**

Trong năm, Ban Giám đốc đã quyết định trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để điều chỉnh các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (Công ty con) liên quan đến quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và thuế nhà thầu cho giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 căn cứ vào Quyết định số 4385/QĐ-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 ban hành bởi Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Việc lập và trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 “*Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót*”.

Chi tiết ảnh hưởng của việc trình bày lại trên báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Mã số	Số đã báo cáo	Thay đổi	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	7.152.855.220	20.538.108.315	27.690.963.535
Vốn khác thuộc chủ sở hữu	413	5.846.098.031	(3.803.279.902)	2.042.818.129
Quỹ dự phòng tài chính	418	46.979.534.491	(2.599.235.937)	44.380.298.554
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	166.380.379.643	(5.400.735.009)	160.979.644.634
Lợi ích cổ đông thiểu số	439	247.725.884.049	(8.734.857.467)	238.991.026.582
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	169.093.168.381	791.759.731	169.884.928.112
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	278.111.143.082	(791.759.731)	277.319.383.351
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	42.509.494.646	8.605.725.930	51.115.220.576
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	237.680.400.761	(9.397.485.661)	228.282.915.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.711	(142)	4.569

**4. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “*Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con*”.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chi tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của các công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 5 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế tài chính công ty, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán thực tế.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 04
Tài sản cố định khác	03 - 04

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty trong trường hợp bên thuê có quyền sở hữu tài sản thuê khi hết hạn hợp đồng thuê, hoặc trên thời gian đi thuê trong trường hợp thời gian này ngắn hơn thời gian hữu dụng ước tính theo chính sách kế toán của Công ty, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải	03 - 06

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, thương hiệu, phần mềm máy tính và giá trị quyền thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn và giá trị quyền thuê. Giá trị thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 9 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được thực hiện theo các qui định hiện hành.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê đất và lợi thế sử dụng đất, khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

#### *Phân bổ giá trị vỏ bình gas*

Giá trị của vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 10 năm.

#### *Tiền thuê đất, lợi thế sử dụng đất và thuê văn phòng*

Tiền thuê đất, lợi thế sử dụng đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

#### *Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác*

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí cải tạo văn phòng, giá trị bộ chuyển đổi CNG và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng của các khoản chi phí trả trước dài hạn đó.

#### **Phân bổ khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được**

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas. Số tiền ký quỹ, ký cược còn lại chưa phân bổ được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho các cổ đông.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### **Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ**

Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành để sử dụng cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Công ty.

#### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	6.554.179.691	14.706.401.700
Tiền gửi ngân hàng	421.130.522.208	381.001.511.076
Tiền đang chuyển	30.000.000.000	430.513.575
Các khoản tương đương tiền (*)	162.115.000.000	197.649.722.222
	<u><b>619.799.701.899</b></u>	<u><b>593.788.148.573</b></u>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn trong vòng 03 tháng với lãi suất được hưởng từ 4% đến 5,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: từ 7% đến 8%/năm).

**7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền cho đại lý vay	-	100.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	40.000.000.000	8.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	60.000.000.000
	<u><b>40.000.000.000</b></u>	<u><b>68.100.000.000</b></u>

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất được hưởng là 4,5%/năm.

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng hóa cho mượn	-	1.221.844.323
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn đã hết hạn	3.300.000.000	3.300.000.000
Lãi tiền gửi phải thu	668.049.333	2.154.965.857
Góp vốn hợp tác xây văn phòng	-	11.374.000.000
Phải thu khác	10.340.325.623	11.730.341.157
	<u><b>14.308.374.956</b></u>	<u><b>29.781.151.337</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Hàng mua đang đi đường	392.909.091	24.701.739.955
Nguyên liệu, vật liệu	75.194.262.048	48.834.368.929
Công cụ, dụng cụ	50.989.060.309	25.256.527.890
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.296.034.859	7.669.248.258
Thành phẩm	50.110.059	11.607.911.964
Hàng hóa	46.274.772.894	93.660.041.920
Hàng gửi đi bán	31.738.363	56.763.758
<b>Tổng</b>	<b><u>188.228.887.623</u></b>	<b><u>211.786.602.674</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.119.595.170)	(7.671.355.023)
	<b><u>184.109.292.453</u></b>	<b><u>204.115.247.651</u></b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Chi phí bảo hiểm	7.853.056.676	5.115.310.564
Công cụ, dụng cụ	2.231.848.758	2.850.531.687
Chi phí quảng cáo	8.922.993.460	-
Chi phí thuê đất	1.849.999.997	43.123.800
Thuê văn phòng, chi phí sửa chữa bình gas, phương tiện vận chuyển và thiết bị văn phòng	8.762.107.672	10.592.683.479
Chi phí khác	8.112.051.955	3.709.401.135
	<b><u>37.732.058.518</u></b>	<b><u>22.311.050.665</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc, thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tài sản cố định khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	379.048.648.673	768.175.289.056	291.900.236.143	5.041.656.395	24.127.636.633	1.468.293.466.900
Mua sắm mới	26.378.127.672	74.552.021.122	806.720.064	1.532.704.900	64.500.000	103.334.073.758
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	33.683.338.325	52.641.674.753	44.531.786.894	513.316.000	-	131.370.115.972
Phân loại lại	(47.469.331)	(380.480.573)	42.070.921.615	627.639.904	-	42.270.611.615
Thanh lý, nhượng bán	(3.959.455.068)	(487.753.077)	(521.912.336)	(197.441.100)	-	(5.166.561.581)
Tại ngày 31/12/2014	<u>435.103.190.271</u>	<u>894.500.751.281</u>	<u>378.787.752.380</u>	<u>7.517.876.099</u>	<u>24.192.136.633</u>	<u>1.740.101.706.664</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	114.051.955.807	431.701.931.967	240.920.464.580	3.518.327.567	20.451.291.413	810.643.971.334
Khấu hao trong năm	31.029.125.639	149.284.393.903	41.108.827.816	787.991.038	1.747.716.303	223.958.054.699
Phân loại lại	-	-	39.786.377.057	-	-	39.786.377.057
Thanh lý, nhượng bán	(1.485.241.775)	(89.237.758)	(521.912.336)	(197.441.100)	-	(2.293.832.969)
Tại ngày 31/12/2014	<u>143.595.839.671</u>	<u>580.897.088.112</u>	<u>321.293.757.117</u>	<u>4.108.877.505</u>	<u>22.199.007.716</u>	<u>1.072.094.570.121</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>291.507.350.600</u></u>	<u><u>313.603.663.169</u></u>	<u><u>57.493.995.263</u></u>	<u><u>3.408.998.594</u></u>	<u><u>1.993.128.917</u></u>	<u><u>668.007.136.543</u></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>264.996.692.866</u></u>	<u><u>336.473.357.089</u></u>	<u><u>50.979.771.563</u></u>	<u><u>1.523.328.828</u></u>	<u><u>3.676.345.220</u></u>	<u><u>657.649.495.566</u></u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 26, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 179.254.090.063 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 67.932.227.106 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 367.147.015.987 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 138.797.030.361 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	190.581.907.418	43.608.056.615	234.189.964.033
Tăng trong năm	25.006.417.520	-	25.006.417.520
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (*)	11.590.692.360	-	11.590.692.360
Phân loại lại	-	(42.086.821.615)	(42.086.821.615)
Tại ngày 31/12/2014	<u>227.179.017.298</u>	<u>1.521.235.000</u>	<u>228.700.252.298</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	87.182.724.947	29.605.554.048	116.788.278.995
Khấu hao trong năm	46.051.438.426	11.702.058.009	57.753.496.435
Phân loại lại	-	(39.786.377.057)	(39.786.377.057)
Tại ngày 31/12/2014	<u>133.234.163.373</u>	<u>1.521.235.000</u>	<u>134.755.398.373</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2014	<u>93.944.853.925</u>	<u>-</u>	<u>93.944.853.925</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>103.399.182.471</u>	<u>14.002.502.567</u>	<u>117.401.685.038</u>

(\*) Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành thể hiện việc Công ty đã hoàn tất việc lắp đặt, chạy thử các tài sản thuê tài chính và đưa các tài sản này vào sử dụng cho hoạt động kinh doanh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định thuê tài chính của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.521.235.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 0 đồng).

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Giá trị quyền thuê VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	28.839.738.884	1.464.370.376	1.428.524.606	4.288.007.246	36.020.641.112
Tăng trong năm	-	-	970.750.000	-	970.750.000
Tại ngày 31/12/2014	<u>28.839.738.884</u>	<u>1.464.370.376</u>	<u>2.399.274.606</u>	<u>4.288.007.246</u>	<u>36.991.391.112</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	976.698.262	567.290.437	1.291.587.556	-	2.835.576.255
Khấu hao trong năm	343.355.441	162.707.820	231.447.102	-	737.510.363
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.320.053.703</u>	<u>729.998.257</u>	<u>1.523.034.658</u>	<u>-</u>	<u>3.573.086.618</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2014	<u>27.519.685.181</u>	<u>734.372.119</u>	<u>876.239.948</u>	<u>4.288.007.246</u>	<u>33.418.304.494</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>27.863.040.622</u>	<u>897.079.939</u>	<u>136.937.050</u>	<u>4.288.007.246</u>	<u>33.185.064.857</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 26, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.884.235.588 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.904.603.332 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 153.10.105658917 HĐHT ngày 28 tháng 6 năm 2010 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.104.699.452 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.104.699.452 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trạm chiết nạp LPG Cần Thơ	2.968.057.217	2.968.057.218
Phần mềm quản trị tài chính kế toán cho Công ty mẹ	1.670.200.000	1.670.200.000
Công trình khác	3.318.049.006	17.332.907
Di dời nhà máy Bình Khí	39.186.072.811	-
Dự án cung cấp CNG cho giao thông vận tải	-	9.136.576.453
Xây dựng trạm CNG ở Đại học Quốc Gia	-	6.844.781.695
Công trình nội thất tòa nhà văn phòng	-	3.595.593.139
Công trình mở rộng trạm CNG Hiệp Phước	-	2.255.095.859
Cải tạo trạm chiết Gia Lai	-	1.020.000.000
Cải tạo văn phòng trạm mẹ CNG Hiệp Phước	-	580.909.091
Bồn chứa CNG trong quá trình lắp đặt, chạy thử	-	11.590.692.360
	<b><u>47.142.379.034</u></b>	<b><u>39.679.238.721</u></b>

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Vũng Tàu	55,2%	55,2%	Kinh doanh khí CNG
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (*)	Đồng Nai	100%	100%	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh khí hóa lỏng

(\*) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ đã hoàn tất việc mua lại 45% phần vốn góp từ Công ty PTT Public và theo đó sở hữu 100% vốn góp (năm 2013: 55%) tại Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (xem Thuyết minh số 1).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	50.000.000.000	50.000.000.000

Thông tin chi tiết về Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	Long An	14%	14%	Cho thuê kho LPG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã lập dự phòng giảm giá 100% cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny dựa trên tình hình hoạt động thực tế của Công ty này. Chi tiết như sau:

	<b><u>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</u></b>
	<b><u>VND</u></b>
Tại ngày 01/01/2014 và ngày 31/12/2014	<u>50.000.000.000</u>

**17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ (1)	318.041.338.791	347.753.326.508
Trả trước tiền thuê đất và lợi thế sử dụng đất (2)	62.483.871.658	28.819.708.159
Chi phí cải tạo văn phòng	6.048.702.920	6.691.451.546
Giá trị bộ chuyển đổi khí CNG	7.306.048.564	9.068.829.516
Trả trước tiền thuê văn phòng (3)	43.501.670.115	44.455.285.321
Chi phí khác	7.549.751.578	4.554.559.026
	<b><u>444.931.383.626</u></b>	<b><u>441.343.160.076</u></b>

(1) Giá trị vỏ bình gas biến động trong năm như sau:

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Tại ngày đầu năm	347.753.326.508	405.783.427.399
Tăng thêm trong năm	86.242.040.481	33.553.304.182
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(115.892.959.830)	(90.937.423.976)
Thanh lý	(61.068.368)	(645.981.097)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>318.041.338.791</u></b>	<b><u>347.753.326.508</u></b>

(2) Trả trước tiền thuê đất và lợi thế sử dụng đất chủ yếu bao gồm:

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phản ánh số tiền thuê 6.675 m<sup>2</sup> được trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 43,6 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2008;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, thành phố Cần Thơ phản ánh số tiền thuê 30.000 m<sup>2</sup> trả trước cho Công ty Xây dựng Hạ tầng Khu Công nghiệp Cần Thơ với thời hạn thuê là 35 năm kể từ năm 2009;
  - Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội, tỉnh Bình Định phản ánh số tiền thuê 10.098 m<sup>2</sup> trả trước cho Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn Nhơn Hội với thời hạn thuê là 45 năm, từ ngày 18 tháng 3 năm 2011 đến ngày 21 tháng 6 năm 2056.
  - Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai phản ánh số tiền thuê 17.000 m<sup>2</sup> với thời hạn thuê là 39,9 năm từ ngày 20 tháng 11 năm 2013.
  - Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phản ánh số tiền thuê 10.000 m<sup>2</sup> trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 37,6 năm kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2014.
  - Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch phản ánh số tiền thuê 12.011,475 m<sup>2</sup> trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex - Tân Tạo với thời hạn thuê là 39,3 năm từ ngày 30 tháng 6 năm 2014.
  - Tiền trả cho lợi thế sử dụng khu đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được phân bổ 36 tháng kể từ tháng 10 năm 2012.
- (3) Trả trước tiền thuê văn phòng phản ánh số tiền thuê 670,02 m<sup>2</sup> được trả trước 50 năm cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

**18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm 2013 và năm 2014.

	<b>Khấu hao tài sản cố định VND</b>	<b>Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tại ngày 01/01/2013	-	3.420.466.131	3.420.466.131
Ghi tăng lợi nhuận	-	2.078.752.325	2.078.752.325
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	-	<b>5.499.218.456</b>	<b>5.499.218.456</b>
Ghi tăng lợi nhuận	7.645.625.743	4.711.443.809	12.357.069.552
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>7.645.625.743</b>	<b>10.210.662.265</b>	<b>17.856.288.008</b>

**19. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Tài sản dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu bao gồm các khoản ký quỹ dài hạn cho các công ty cho thuê tài chính liên quan đến việc thuê tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI**

**Lợi thể thương mại**  
**VND**

**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2014	27.533.235.246
Tăng trong năm (*)	27.761.987.797
Tại ngày 31/12/2014	<u>55.295.223.043</u>

**GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2014	15.143.279.385
Phân bố trong năm	10.596.344.812
Tại ngày 31/12/2014	<u>25.739.624.197</u>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 31/12/2014	<u>29.555.598.846</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>12.389.955.861</u>

(\*) Tăng trong năm thể hiện giá trị lợi thể thương mại khi Công ty mẹ mua lại 45% phần vốn góp từ Công ty PTT Public như đề cập tại Thuyết minh số 15. Giá trị lợi thể thương mại này được phân bổ trong vòng 5 năm.

**21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (1)	30.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (2)	70.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (3)	50.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 26)	127.190.526.947	147.844.266.666
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 26)	38.047.672.507	40.954.710.418
	<u>315.238.199.454</u>	<u>388.798.977.084</u>

(1) Thể hiện khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay số 130-000-146415 ngày 04 tháng 12 năm 2012 và Phụ lục số 02 Hợp đồng tín dụng số 130-000-146415 ngày 04 tháng 12 năm 2013 cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có thể được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa 100.000.000.000 VND. Đến ngày 04 tháng 12 năm 2014, hợp đồng này đã hết thời hạn duy trì hạn mức tín dụng. Thời hạn cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên từng kế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên kế ước nhận nợ và biến động theo lãi suất thị trường. Lãi vay được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán một lần khi đến hạn. Số dư vay còn lại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 đến hạn vào ngày 21 tháng 01 năm 2015.

(2) Thể hiện khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/CV - 0147/KH/12NH ngày 18 tháng 02 năm 2014 cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có thể được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa 200.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến hết ngày 18 tháng 02 năm 2015. Thời hạn cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên từng kế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên kế ước nhận nợ và biến động theo lãi suất thị trường. Lãi vay được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán một lần khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (3) Thể hiện khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 015/2014 - HĐTĐHM/NHCT948 - PGS ngày 12 tháng 6 năm 2014 cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có thể được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa 100.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2015. Thời hạn cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng. Lãi suất cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên khế ước nhận nợ và biến động theo lãi suất thị trường. Lãi vay được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán một lần khi đến hạn.

**22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
		<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	697.465.641	1.497.481.412
Thuế nhập khẩu	-	40.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.005.950.986	24.639.948.932
Thuế thu nhập cá nhân	706.417.322	897.022.011
Thuế nhà thầu	525.505.306	656.471.180
	<b><u>9.935.339.255</u></b>	<b><u>27.690.963.535</u></b>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	<b>31/12/2013</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>(Trình bày lại)</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>			<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.497.481.411	1.204.709.141.413	(1.205.509.157.183)	697.465.641
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(2.082.821)	17.188.070.749	(17.188.070.749)	(2.082.821)
Thuế nhập khẩu	40.000	3.765.611.456	(3.765.651.456)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.639.948.932	67.507.327.467	(84.141.325.413)	8.005.950.986
Thuế thu nhập cá nhân phải trả	897.022.011	11.884.647.632	(12.062.291.277)	719.378.366
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	(40.406.311)	40.406.312	(12.961.045)	(12.961.044)
Thuế và các khoản phải nộp khác	656.471.180	19.374.286.856	(19.505.252.730)	525.505.306
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>27.648.474.402</u></b>	<b><u>1.324.469.491.885</u></b>	<b><u>(1.342.184.709.853)</u></b>	<b><u>9.933.256.434</u></b>
<i>Trong đó</i>				
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	<i>(42.489.133)</i>			<i>(2.082.821)</i>
<i>Thuế và các khoản phải trả Nhà nước</i>	<i>27.690.963.535</i>			<i>9.935.339.255</i>

**23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	2.156.237.705	5.286.154.480
Chi phí mua khí hóa lỏng	-	17.684.299.637
Khác	9.122.253.875	8.332.829.550
	<b><u>11.278.491.580</u></b>	<b><u>31.303.283.667</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chiết khấu bán hàng	18.912.350.047	22.706.311.530
Cổ tức phải trả	1.527.989.612	1.049.241.594
Thương hoàn thành kế hoạch	2.243.916.775	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	5.035.329.995
Các khoản khác	9.953.812.602	8.356.684.901
	<b><u>32.638.069.036</u></b>	<b><u>37.147.568.020</u></b>

**25. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số đầu năm	126.717.001.974	159.009.870.154
Tăng thêm trong năm	47.322.171.596	18.534.400.000
Kết chuyển vào doanh thu	(37.523.197.618)	(29.305.176.962)
Kết chuyển vào thu nhập khác	-	(17.114.778.803)
Thanh lý hợp đồng ký quỹ, ký cược vỏ bình gas	(28.000.343.917)	(4.407.312.415)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>108.515.632.035</u></b>	<b><u>126.717.001.974</u></b>

**26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	46.666.666.668	153.333.333.334
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	38.928.564.791	80.058.679.230
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5.938.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Hồ Chí Minh	18.820.032.000	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	71.024.400.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	32.242.010.845	-
<b>Tổng các khoản vay dài hạn</b>	<b><u>213.619.674.304</u></b>	<b><u>233.392.012.564</u></b>
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	40.189.762.590	41.068.480.639
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	21.352.436.963	42.380.188.435
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	8.643.494.799	18.072.761.679
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	5.980.536.725	2.328.724.473
<b>Tổng các khoản nợ dài hạn</b>	<b><u>76.166.231.077</u></b>	<b><u>103.850.155.226</u></b>
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 21)	(127.190.526.947)	(147.844.266.666)
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 21)	(38.047.672.507)	(40.954.710.418)
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>124.547.705.927</u></b>	<b><u>148.443.190.706</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

**Vay dài hạn**

Vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương. Các khoản vay này có thời hạn từ 2 đến 5 năm và chịu lãi suất từ 6,9%/năm đến 12,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: từ 7,5%/năm đến 15,5%/năm). Lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo thông báo của ngân hàng. Các khoản vay này được sử dụng để tài trợ các công trình xây dựng các dự án CNG; mua các bồn chứa khí, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh; và xây dựng các kho chứa LPG tại Dung Quất và Gò Dầu. Một số khoản vay theo hình thức tín chấp. Một số khoản vay được thế chấp bằng nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi của Công ty (xem Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 13).

**Nợ dài hạn**

Nợ dài hạn bao gồm các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu, Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease, có thời hạn thuê từ 3 đến 5 năm. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam chịu lãi suất cho thuê là 8,3% - 10,5%/năm. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Sài Gòn Thương Tín cộng với 4,5% - 5%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Á Châu cộng với 4,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Lãi suất có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng với 4%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Trong vòng một năm	127.190.526.947	147.844.266.666
Trong năm thứ hai	45.158.095.488	85.547.745.898
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	41.271.051.869	-
	<b>213.619.674.304</b>	<b>233.392.012.564</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(127.190.526.947)	(147.844.266.666)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>86.429.147.357</u></b>	<b><u>85.547.745.898</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Trong vòng một năm	43.361.844.310	49.374.705.610	38.047.672.507	40.954.710.418
Trong năm thứ hai	29.520.934.955	63.355.389.136	27.176.038.014	57.884.781.870
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.579.233.074	5.339.752.828	10.942.520.556	5.010.662.938
	84.462.012.339	118.069.847.574	76.166.231.077	103.850.155.226
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(8.295.781.262)	(14.219.692.348)	-	-
<b>Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả</b>	<b>76.166.231.077</b>	<b>103.850.155.226</b>	<b>76.166.231.077</b>	<b>103.850.155.226</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày ở nợ ngắn hạn)			(38.047.672.507)	(40.954.710.418)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>			<b>38.118.558.570</b>	<b>62.895.444.808</b>

**27. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trích lập bởi Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (công ty con của Công ty) từ năm 2012 để sử dụng cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam chưa có kế hoạch sử dụng Quỹ này.

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2014	31/12/2013
<b>Được phép phát hành và đã góp vốn đủ</b>		
Số lượng (cổ phần)	38.000.000	38.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
<b>Giá trị (đồng)</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>380.000.000.000</b>
<b>Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phiếu đó có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	134.000.000.000	35,26	134.000.000.000	35,26
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	35.963.000.000	9,46	29.993.000.000	7,89
Cổ đông khác	210.037.000.000	55,28	216.007.000.000	56,85
	<b>380.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>100</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác thuộc chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013 (Trình bày lại)	380.000.000.000	46.150.397.684	2.042.818.129	173.944.441.032	38.787.923.044	163.039.988.446	803.965.568.335
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	173.631.043.704	173.631.043.704
Chia cổ tức cho cổ đông Công ty mẹ	-	-	-	-	-	(45.600.000.000)	(45.600.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	99.248.656.491	6.176.542.891	(105.425.199.382)	-
Phân phối quỹ cho cổ đông thiểu số	-	-	-	(5.021.517.691)	(584.167.381)	5.605.685.072	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(29.971.873.206)	(29.971.873.206)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013 (Trình bày lại)</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>46.150.397.684</b>	<b>2.042.818.129</b>	<b>268.171.579.832</b>	<b>44.380.298.554</b>	<b>160.979.644.634</b>	<b>901.724.738.833</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	140.257.918.198	140.257.918.198
Chia cổ tức cho cổ đông Công ty mẹ (1)	-	-	-	-	-	(57.000.000.000)	(57.000.000.000)
Phân phối quỹ (2)	-	-	-	85.407.582.058	4.888.039.526	(90.295.621.584)	-
Phân phối quỹ cho cổ đông thiểu số	-	-	-	(4.314.157.669)	-	4.314.157.669	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	-	(42.586.368.888)	(42.586.368.888)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty (2)	-	-	-	-	-	(624.004.302)	(624.004.302)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(157.155.796)	(157.155.796)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>46.150.397.684</b>	<b>2.042.818.129</b>	<b>349.265.004.221</b>	<b>49.268.338.080</b>	<b>114.888.569.931</b>	<b>941.615.128.045</b>

- Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty mẹ thông qua ngày 08 tháng 4 năm 2014, Công ty mẹ đã công bố chia cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2013 với số tiền là 57.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty mẹ đã chi trả 55.472.010.388 đồng tiền cổ tức.
- Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ Đầu tư Phát triển, Quỹ Dự phòng Tài chính, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi và Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2013 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ thông qua ngày 08 tháng 4 năm 2014, Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ/2014 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (công ty con của Công ty) thông qua ngày 04 tháng 4 năm 2014 và, Quyết định của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (công ty con của Công ty) thông qua ngày 13 tháng 01 năm 2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**29. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	<b>CNG Việt Nam</b> <b>VND</b>	<b>VT Gas</b> <b>VND</b>	<b>PV Gas Sài Gòn</b> <b>VND</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>		(*)	
Vốn cổ phần/điều lệ của công ty con	269.996.730.000	57.895.360.840	100.000.000.000
Trong đó:			
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	149.042.630.000	31.843.596.851	100.000.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	<u>120.954.100.000</u>	<u>26.051.763.989</u>	<u>-</u>
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b><u>44,80%</u></b>	<b><u>45,00%</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Vốn cổ phần/điều lệ của công ty con	269.996.730.000	57.895.360.840	100.000.000.000
Trong đó:			
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	149.042.630.000	57.895.360.840	100.000.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	<u>120.954.100.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b><u>44,80%</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số ở VT Gas giảm từ 45% xuống 0% trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Công ty mẹ mua lại 45% phần vốn góp tại VT Gas từ Công ty PTT Public như đề cập tại Thuyết minh số 15.

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng giá trị tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	<b>CNG Việt Nam</b> <b>VND</b>	<b>VT Gas</b> <b>VND</b>	<b>PV Gas Sài Gòn</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>				
Chi tiết như sau:				
- Vốn cổ phần/điều lệ	120.954.100.000	-	-	120.954.100.000
- Thặng dư vốn cổ phần	721.172.704	-	-	721.172.704
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
- Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.511.763.616	-	-	1.511.763.616
- Quỹ đầu tư phát triển	8.026.088.142	-	-	8.026.088.142
- Quỹ dự phòng tài chính	9.648.776.636	-	-	9.648.776.636
- Lợi nhuận chưa phân phối	52.200.253.245	-	-	52.200.253.245
<b>Tổng</b>	<b><u>193.062.154.343</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>193.062.154.343</u></b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b> <b>(Trình bày lại)</b>				
Chi tiết như sau:				
- Vốn cổ phần/điều lệ	120.954.100.000	26.051.763.989	-	147.005.863.989
- Thặng dư vốn cổ phần	721.172.704	-	-	721.172.704
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	14.845.685.500	-	14.845.685.500
- Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.511.763.616	-	-	1.511.763.616
- Quỹ đầu tư phát triển	3.711.930.473	-	-	3.711.930.473
- Quỹ dự phòng tài chính	9.648.776.636	-	-	9.648.776.636
- Lợi nhuận chưa phân phối	50.019.163.037	11.526.670.627	-	61.545.833.664
<b>Tổng</b>	<b><u>186.566.906.466</u></b>	<b><u>52.424.120.116</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>238.991.026.582</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**29. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	CNG Việt Nam VND	VT Gas VND	PV Gas Sài Gòn VND	Tổng VND
<b>31/12/2014</b>				
Lợi nhuận trong năm	112.489.278.077	13.014.404.883	9.707.064.476	135.210.747.436
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	50.395.196.578	803.000.172	-	51.198.196.750
<b>31/12/2013</b>				
Lợi nhuận trong năm	123.900.451.459	11.991.885.988	8.581.330.629	144.473.668.076
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	49.255.522.702	5.396.348.694	-	54.651.871.396

**30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí LPG và khí CNG. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh xăng, dầu, nhớt, sản xuất và kinh doanh vỏ bình gas, cung cấp dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa bình gas, cho thuê kho. Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4%, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 31 và số 32 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**31. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014 VND	2013 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu khí LPG	5.149.385.896.280	4.865.334.860.954
- Doanh thu khí CNG	2.218.652.862.526	2.042.641.132.063
- Doanh thu xăng dầu nhớt	90.921.528.902	99.020.334.756
- Doanh thu từ tiền đặt cọc bình gas	37.523.197.618	29.305.176.962
- Doanh thu từ bán bình gas	117.141.864.411	3.955.658.636
- Doanh thu khác	44.148.670.218	17.266.774.383
	<u>7.657.774.019.955</u>	<u>7.057.523.937.754</u>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Chiết khấu thương mại	(173.479.716.511)	(155.530.739.889)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u><u>7.484.294.303.444</u></u>	<u><u>6.901.993.197.865</u></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn kinh doanh khí LPG	4.597.333.965.399	4.337.129.108.474
Giá vốn kinh doanh khí CNG	1.447.180.390.405	1.296.493.380.186
Giá vốn kinh doanh xăng dầu nhớt	4.893.686.075	96.139.102.707
Phân bố vào bình gas	67.988.673.051	68.743.502.954
Giá vốn kinh doanh bình gas	201.524.299.990	3.829.003.029
Giá vốn hoạt động khác	17.319.535.057	3.623.707.246
	<b><u>6.336.240.549.977</u></b>	<b><u>5.805.957.804.596</u></b>

**33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	153.520.603.865	581.747.005.680
Chi phí nhân công	197.838.066.639	172.739.470.208
Chi phí khấu hao tài sản cố định	280.369.363.760	314.384.941.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	497.721.862.101	410.983.504.951
Chi phí khác	102.396.089.742	88.316.155.394
	<b><u>1.231.845.986.107</u></b>	<b><u>1.568.171.077.901</u></b>

**34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.259.183.068	26.149.653.889
Thu nhập từ bán cổ phiếu	-	2.662.000.000
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	-	2.484.263.919
Cổ tức được chia	-	100.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	104.386.866	529.327.521
Khác	-	2.864.380.078
	<b><u>17.363.569.934</u></b>	<b><u>34.789.625.407</u></b>

**35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	32.704.181.115	60.850.944.252
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	19.308.248.502
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	452.583.013	466.874.157
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	173.188.713	118.026.833
Khác	115.128.111	223.569.899
	<b><u>33.445.080.952</u></b>	<b><u>80.967.663.643</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**36. (LỖ)/ LỢI NHUẬN KHÁC**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	3.806.251.626	614.655.149
Thu từ dịch vụ quản lý kho	4.031.782.332	4.031.782.332
Phân bổ tiền ký quỹ, ký cược vô bình gas	-	17.114.778.803
Khác	4.930.289.036	3.258.539.947
<b>Thu nhập khác</b>	<b>12.768.322.994</b>	<b>25.019.756.231</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	4.359.196.865	587.450.165
Khác	13.884.590.286	3.887.886.404
<b>Chi phí khác</b>	<b>18.243.787.151</b>	<b>4.475.336.569</b>
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận khác</b>	<b>(5.475.464.157)</b>	<b>20.544.419.662</b>

**37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	246.606.372.863	277.319.383.351
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(3.587.267.652)	(104.470.929)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	42.780.753.728	67.746.354.708
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>285.799.858.939</b>	<b>344.961.267.130</b>
<i>Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 10%</i>	<i>37.819.025.281</i>	<i>72.816.906.357</i>
<i>Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 11%</i>	<i>159.035.153.467</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 12,5%</i>	<i>-</i>	<i>193.620.482.029</i>
<i>Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 22%</i>	<i>88.945.680.191</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 25%</i>	<i>-</i>	<i>78.523.878.746</i>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>40.843.819.051</b>	<b>51.115.220.576</b>
<i>Điều chỉnh thuế năm trước</i>	<i>26.663.508.416</i>	<i>-</i>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>67.507.327.467</b>	<b>51.115.220.576</b>

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường là 22% (năm 2013: 25%) tính trên thu nhập chịu thuế theo quy định của Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013. Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG hiệu chỉnh số 49221000148 ngày 06 tháng 6 năm 2011, hoạt động kinh doanh khí CNG tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ đã đăng ký với cơ quan thuế năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế là năm 2010 để được hưởng ưu đãi miễn thuế cho năm 2010. Theo đó, năm 2014 được xem là năm thứ năm hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế và là năm cuối cùng Công ty mẹ được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (công ty con của Công ty) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo thuế suất thông thường là 25% (từ năm 2014: 22% theo quy định của Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013) cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo (từ năm 2011). Đối với phần công suất vượt công suất đăng ký kinh doanh hiện tại, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông (các công ty con của Công ty) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường là 22% (năm 2013: 25%) tính trên thu nhập chịu thuế theo quy định của Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013.

**38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	140.257.918.198	173.631.043.704
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>140.257.918.198</b>	<b>173.631.043.704</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.000.000	38.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>3.691</b>	<b>4.569</b>

**39. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	14.881.097.960	15.206.142.377

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	10.479.648.710	7.328.482.969
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	27.701.188.634	6.675.201.148
Sau năm năm	24.246.141.304	8.858.290.000
	<b>62.426.978.648</b>	<b>22.861.974.118</b>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê văn phòng, thuê đất và thuê xe như sau:

- Thuê các văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội: hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ 3 đến 5 năm.
- Thuê mặt bằng bãi Cảng Gò Dầu A tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng số 01-04-08/HĐKT.CĐN ký kết với Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai. Diện tích thuê là 9.210 m<sup>2</sup> và thời hạn thuê là 20 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2008.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**39. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

- Thuê mặt bằng bãi Cảng Gò Dầu A tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Phụ lục 01 của Hợp đồng số 01-04-08/HĐKT.CĐN ký kết với Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai. Diện tích thuê là 2.170 m<sup>2</sup> và thời hạn thuê là 16,5 năm kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2012.
- Thuê 10.000m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam theo Hợp đồng thuê số 41/HDT/TLD/IZICO ngày 16 tháng 8 năm 2007.
- Thuê 13.180m<sup>2</sup> đất tại Cảng Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai và 100m<sup>2</sup> đất tại tỉnh Quảng Trị.
- Thuê 5.000m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa: hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 13 năm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2002.
- Thuê đất tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Bình Phước với thời gian thuê từ năm 2010 đến 2059.
- Thuê xe: các hợp đồng thuê xe được ký với thời hạn từ 3 năm đến 4 năm tính từ năm 2011, 2013 và năm 2014.

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính:*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
		<b>VND</b>
Các khoản vay và nợ	439.785.905.381	537.242.167.790
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(619.799.701.899)	(593.788.148.573)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	941.615.128.045	901.724.738.833
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	619.799.701.899	593.788.148.573
Các khoản đầu tư tài chính	40.000.000.000	68.100.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	900.727.423.943	782.565.877.761
Các khoản ký quỹ	27.543.151.058	27.693.698.335
	<u><b>1.588.070.276.900</b></u>	<u><b>1.472.147.724.669</b></u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.452.934.909.497	1.170.569.139.350
Chi phí phải trả	11.278.491.580	31.303.283.667
Các khoản vay	439.785.905.381	537.242.167.790
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	108.515.632.035	126.717.001.974
	<u><b>2.012.514.938.493</b></u>	<u><b>1.865.831.592.781</b></u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm có rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	387.392.223	22.507.834.332	6.092.967.437	2.913.637.581
Euro (EUR)	27.772.304	27.386.320	-	706.948.286

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Đô la Mỹ và Euro.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với Đô la Mỹ và Euro. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ và Euro. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ và Euro. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ và Euro so với đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì biến động tỷ giá không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 9.904.843.355 đồng (năm 2013: 10.608.030.974 đồng).

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ban Giám đốc đánh giá rằng, tại ngày kết thúc niên độ kế toán, rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện ở số dư khoản mục “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

<u>31/12/2014</u>	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	619.799.701.899	-	-	619.799.701.899
Các khoản đầu tư tài chính	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	900.727.423.943	-	-	900.727.423.943
Các khoản ký quỹ	-	21.944.520.367	-	21.944.520.367
	<u>1.560.527.125.842</u>	<u>21.944.520.367</u>	-	<u>1.582.471.646.209</u>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.452.934.909.497	-	-	1.452.934.909.497
Chi phí phải trả	11.278.491.580	-	-	11.278.491.580
Các khoản vay	315.238.199.454	124.547.705.927	-	439.785.905.381
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	108.515.632.035	108.515.632.035
	<u>1.779.451.600.531</u>	<u>124.547.705.927</u>	<u>108.515.632.035</u>	<u>2.012.514.938.493</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>(218.924.474.689)</u>	<u>(102.603.185.560)</u>	<u>(108.515.632.035)</u>	<u>(430.043.292.284)</u>
<u>31/12/2013</u>	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	593.788.148.573	-	-	593.788.148.573
Các khoản đầu tư tài chính	68.100.000.000	-	-	68.100.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	782.565.877.761	-	-	782.565.877.761
Các khoản ký quỹ	4.500.710.091	23.192.988.244	-	27.693.698.335
	<u>1.448.954.736.425</u>	<u>23.192.988.244</u>	-	<u>1.472.147.724.669</u>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.170.569.139.350	-	-	1.170.569.139.350
Chi phí phải trả	31.303.283.667	-	-	31.303.283.667
Các khoản vay	388.798.977.084	148.443.190.706	-	537.242.167.790
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	126.717.001.974	126.717.001.974
	<u>1.590.671.400.101</u>	<u>148.443.190.706</u>	<u>126.717.001.974</u>	<u>1.865.831.592.781</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>(141.716.663.676)</u>	<u>(125.250.202.462)</u>	<u>(126.717.001.974)</u>	<u>(393.683.868.112)</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình do hầu hết các khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh số 41. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan của Công ty là các thành viên của Hội đồng Quản Trị và Ban Giám đốc, Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (Công ty mẹ của Công ty) và các công ty khác trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, công ty mẹ của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, như trình bày bên dưới.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam	359.528.441	-
- Công ty Cổ phần - Công ty kinh doanh sản phẩm khí		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	668.572.212.124	431.749.015.633
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	77.786.607.141
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	20.990.789.605	20.833.563.759
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần		
- Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	4.108.598.696	3.695.800.471
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	55.702.842.205	2.269.235.794
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	3.091.473.659	1.811.106.032
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	1.773.693.354
Nhà máy đạm Phú Mỹ	-	1.663.480.090
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	-	1.072.013.572
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần		
- Công ty Dịch vụ Khí	-	1.003.197.315
Công ty Cổ phần TMDV Dầu khí Miền Trung	8.166.610.427	816.133.784
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	437.478.277	787.629.746
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Việt Nam	-	312.094.382
Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Đông Dương	130.123.987.751	-
Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Tàu Thủy Dung Quất	349.974.750	-
Tổng Công ty CP phân bón và hóa chất Dầu khí	889.603.971	-
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sunlife	248.321.037	-
Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	92.163.222	-
CN Tổng Công ty vận tải DK - Công ty DV Hàng Hải DK	35.694.901	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas)	65.232.955	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	37.222.727	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	111.813.818	247.112.307
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Biển	-	28.683.037
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	-	24.079.091

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Mua hàng và dịch vụ</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	2.243.625.406.251	2.133.856.373.618
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.541.809.837.318	1.612.059.152.046
Công ty CP Phân phối khí thấp áp DK Việt Nam	744.323.670.438	-
Tổng Công ty tư vấn thiết kế Dầu khí - CTCP	26.547.421.611	-
Tổng Công ty bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	8.881.448.980	-
Công ty phân phối nguyên liệu công nghiệp dầu khí	1.928.692.499	-
Công ty Cổ phần giám định năng lượng Dầu khí	294.545.455	-
Công ty CP DV Bảo vệ An Ninh Dầu khí Việt Nam	216.257.730	-
Trường cao đẳng nghề Dầu khí	164.480.500	-
Công ty CP chứng khoán Dầu khí Việt Nam	150.000.000	-
CN Viện Dầu khí VN - TT nghiên cứu và phát triển chế biến DK	140.818.182	-
Công ty Cổ phần nhà và thương mại Dầu khí	32.727.273	-
Công ty Cổ phần quản lý và phát triển nhà DK miền Nam	22.395.493	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí	5.087.992.312	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí OSC	629.082.000	-
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	468.126.328.544	1.080.610.762.761
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	506.998.532.757	199.947.517.899
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Khí Vũng Tàu	367.367.660	65.665.409.083
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	10.545.686	-
Công ty CP điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	10.496.035	-
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	-	24.897.903.781
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sunlife	4.036.434.121	23.010.000.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí (PVI)	1.308.644.195	-
Công ty cổ phần vận tải dầu khí Vũng Tàu	17.058.473.243	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Phí nhân hiệu)	2.888.403.532	2.009.574.743
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Biển	2.277.772.156	1.734.786.901
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Dầu khí PVE	-	933.274.679
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	489.600.000	671.179.001
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	<u>58.545.455</u>	<u>450.720.909</u>

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và thưởng	<u>7.990.391.435</u>	<u>6.997.439.437</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**41. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Sổ dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
<b>Phải thu thương mại</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	138.251.654.001	82.878.854.580
Công ty Cổ phần TMDV Dầu khí Miền Trung	3.121.609.359	449.605.182
Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Đông Dương	65.709.577.741	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	-	369.580.047
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	-	273.681.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	-	243.400.585
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	224.542.560
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc	464.188.663	68.213.154
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ Khí	-	68.038.260
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	15.306.200	52.028.600
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí Vũng Tàu	12.799.221	-
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	-	29.334.270
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	-	11.374.000.000
Công ty cổ phần CNG Việt Nam	185.856.408	
Công ty CP TM và DV Dầu khí Vũng Tàu	541.726.434	
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	-	1.090.877.209
PVFC Đầu tư	-	3.300.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

**Phải trả**

Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam	574.608.828.274	476.449.999.765
- Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	1.488.284.629	-
- Công ty Cổ phần - Công ty dịch vụ khí		
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	412.101.575.925	329.870.333.759
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	180.987.195.896	197.445.394.217
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam		
- Chi nhánh Sài Gòn		
- <i>Vay dài hạn và ngắn hạn</i>	46.666.666.668	153.333.333.333
Công Ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch vụ Dầu Khí Biển	67.791.260	488.706.312
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	920.676.203	219.470.901
Công ty phân phối nguyên liệu công nghiệp dầu khí	385.738.500	-
Tổng Công ty tư vấn thiết kế Dầu khí - CTCP	13.600.486	
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	12.799.221	
Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và DV Dầu Khí Biển	67.791.260	
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam		
- Công ty Cổ phần	-	31.522.060
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	134.640.000	
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Trung	-	27.600.000

**Phải trả khác**

Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	42.241.663
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	-	
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	-	27.094.433.433

**Cổ tức phải trả**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	20.100.000.000
---	---	----------------

**42. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán. Một số số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được điều chỉnh lại như trình bày tại Thuyết minh số 3.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**43. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 06 tháng 3 năm 2015.



Nguyễn Ngọc Dân  
Người lập biểu



Ngô An Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Quý Hiệu  
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2015

## CHI NHÁNH - CÔNG TY THÀNH VIÊN

### 1. CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

#### CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Cảng Gò Dầu A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành,  
Tỉnh Đồng Nai  
Tel : (061) 3543949 \* Fax : (061) 3543948

#### CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô II.5, II.6, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới,  
Quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ  
Tel : (0710) 3843064 - 3843067  
Fax : (0710) 3843063 - 3843066

#### CHI NHÁNH TIỀN GIANG

Cụm CN, Tiểu Thủ CN Tân Mỹ Chánh, Phường 9,  
Tp. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
Tel : (073) 3958455 \* Fax : (073) 3958445

#### CHI NHÁNH VĨNH LONG

138C Đinh Tiên Hoàng, Phường 8, Thị xã Vĩnh Long,  
Tỉnh Vĩnh Long  
Tel : (070) 3877276 \* Fax : (070) 3877276

#### CHI NHÁNH CÀ MAU

18/4 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Tp. Cà Mau,  
Tỉnh Cà Mau  
Tel : (0780) 3552991 \* Fax : (0780) 3552991

#### CHI NHÁNH NHA TRANG

157, Tổ 2, P. Xóm Núi, Xã Vĩnh Phương, Tp. Nha Trang  
Tel : (058) 3725112 - 3725222  
Fax : (058) 3725113

#### CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI

Tầng 3 tòa nhà Petrosetco, 01 An Dương Vương,  
Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.  
Tel : (055) 3718182 - 3718183 \* Fax : (055) 3718185

#### CHI NHÁNH NINH THUẬN

414 Ngô Gia Tự, TP. Phan Rang, Tháp Chàm,  
Tỉnh Ninh Thuận

#### CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH

Lô D601, Khu CN Nhơn Hội A,  
Xã Nhơn Hội, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.  
Tel: (056) 3590168 \* Fax: (056) 3590169

#### CHI NHÁNH GIA LAI

Lô D4 Khu Công Nghiệp Trà Đa,  
Xã Trà Đa, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.  
Tel : (059) 3735678 \* Fax : (059) 3735123

#### CHI NHÁNH ĐẮC LẮK

Thôn 8, Xã Hòa Phú, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
Tel : (0500) 3949123 \* Fax: (0500) 3842842

#### NHÀ MÁY BÌNH KHÍ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lô A-208, A-209, A-210, KCN dệt may Nhơn Trạch,  
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai  
Tel: (061) 3566.051 \* Fax: (061) 3566.052

### 2. CTY TNHH MTV KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN ĐÔNG

45-47 Nguyễn Kiệm, P. 3, Q. Gò Vấp, Tp. HCM  
Tel: (08) 62955608 - 62955609 - 62955345 - 39855546  
Fax: (08) 38941550 - 39856481 - 39855543

#### CHI NHÁNH VŨNG TÀU

Tầng 2,3, Gas Tower, Số 61B Đường 30/4,  
Phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu  
Tel : (064) 3597225 - 3834766 \* Fax : (064) 3591386

#### CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC

Lô G, Đường N4, KCN Bắc Đồng Phú, TT. Tân Phú,  
Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước  
Tel : (0651) 3826228 \* Fax : (0651) 3826229

#### CHI NHÁNH TÂY NINH

262 Nguyễn Lương Bằng, Ấp Trường Đức,  
Xã Trường Đông, H. Hòa Thành, T. Tây Ninh  
Tel: (066) 3845455 \* Fax : (066) 3845495

### 3. CTY TNHH MTV KHÍ HÓA LỎNG VIỆT NAM (VT-GAS)

Cảng Đồng Nai, P. Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai  
Tel: (061) 3831988 \* Fax: (061) 3832008  
Email: info@vt-gas.com.vn  
Website: www.vt-gas.com.vn

#### Văn phòng đại diện:

Phòng 606, Tòa nhà Waseco, Số 10 Phổ Quang, P. 2,  
Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (08) 39976821 - 39976822  
Fax: (08) 39976823


### 4. CÔNG TY THÀNH VIÊN

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

CNG Vietnam Joint Stock Company  
Lầu 7, Gas Tower, Số 61B Đường 30/4,  
Phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu  
Tel: (064) 3574635 - 3574801 - 3576551 \* Fax: (064) 3574619

**Nhà máy:** Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Đường số 15,  
Huyện Tân Thành, Bà Rịa- Vũng Tàu.

Tel: (064) 3923928 \* Fax: (064) 3923929  
Email: info@cng-vietnam.com  
Website: www.cng-vietnam.com



Trụ sở chính: Lầu 4 Petrovietnam Tower,  
Số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 39100108 - Fax: (84-8) 39100097  
Website: [www.pgs.com.vn](http://www.pgs.com.vn)